

CHƯƠNG I : ĐOẠN THẲNG

Tiết 1:

§ 1: ĐIỂM . ĐƯỜNG THẲNG

A.MỤC TIÊU:

1. kiến thức:

- Biết các khái niệm điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng

2. kỹ năng:

- Biết dùng các kí hiệu điểm, đường thẳng, kí hiệu \notin , \in .
- Biết vẽ hình minh họa các quan hệ: điểm thuộc hoặc không thuộc đường thẳng.

3. thái độ:

- Học sinh có ý thức học tập tốt.

B.CHUẨN BỊ:

1 Giáo viên : thước thẳng, mảnh bìa, hai bảng phụ.

2. Học sinh : thước thẳng, mảnh bìa.

C.PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC: phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề , hợp tác theo nhóm nhỏ , luyện tập và thực hành.

D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1.Ổn định tổ chức: (1 phút)

2.Kiểm tra bài cũ : (5 phút)

- GV giới thiệu HS nắm được chương trình học toán 6 và phương pháp học.
- đồ dùng dạy học:
- cách tiến hành:

GV: - giới thiệu phương pháp học tập.

- giới thiệu chương trình hình học 6: 2 chương.
 - + chương I: Đoạn thẳng.
 - + chương II: Góc.

3. Bài mới:

Đặt vấn đề: Mỗi hình phẳng là một tập hợp điểm của mặt phẳng. ở lớp 6 ta sẽ gặp một số hình phẳng như: đoạn thẳng, tia, đường thẳng, góc, tam giác, đường tròn,

Hình học phẳng nghiên cứu các tính chất của hình phẳng. (gv giới thiệu hình học trong bức tranh lụa nổi tiếng của Hec-banx, họa sĩ người pháp, vẽ năm 1951. (Sgk/102.). Tiết học này đi nghiên cứu một số hình đầu tiên của hình học phẳng đó là: Điểm - Đường thẳng.

Hoạt động của Thầy - của Trò	Ghi bảng
<p><i>Hoạt động 1: tìm hiểu về điểm (7 phút)</i></p> <p>GV: vẽ hình lên bảng: . A</p> <p style="text-align: center;">. B .C</p> <p>H: quan sát cho biết hình vẽ trên có đặc điểm gì?</p> <p>HS: quan sát và phát biểu.</p>	<p><u>1.Điểm</u></p> <p><u>*ví dụ:</u></p> <p style="text-align: center;">. A</p> <p style="text-align: center;">. B .C</p> <p>- những dấu chấm nhỏ ở trên gọi là ảnh</p>

<p>GV: quan sát thấy trên bảng có những dấu chấm nhỏ. khi đó người ta nói các dấu chấm nhỏ này là ảnh của điểm. người ta dùng các chữ cái in hoa A, B, C, .. để đặt tên cho điểm</p> <p><u>ví dụ:</u> điểm A, điểm B, điểm C ở trên bảng.</p> <p>*HS: chú ý nghe giảng và ghi bài.</p> <p>*GV: hãy quan sát hình sau và cho nhận xét:</p> <p style="text-align: center;">A . C</p> <p>*HS: hai điểm này cùng chung một điểm.</p> <p>*GV: nhận xét và giới thiệu: hai điểm A và C có cùng chung một điểm như vậy, người ta gọi hai điểm đó là hai điểm trùng nhau.</p> <p>- các điểm không trùng nhau gọi là các điểm phân biệt.</p> <p>*HS: lấy các ví dụ minh họa về các điểm trùng nhau và các điểm phân biệt</p> <p>*GV: - từ các điểm ta có thể vẽ được một hình mong muốn không ?</p> <p>- một hình bất kì ta có thể xác định được có bao nhiêu điểm trên hình đó ?</p> <p>- một điểm có thể coi đó là một hình không ?</p> <p>*HS: thực hiện.</p> <p>*GV: nhận xét: nếu nói hai điểm mà không nói gì nữa thì ta hiểu đó là hai điểm phân biệt, với những điểm, ta luôn xây dựng được các hình. bất kì hình nào cũng là một tập hợp các điểm. một điểm cũng là một hình</p> <p>*HS: chú ý nghe giảng và ghi bài và tự lấy ví dụ minh họa điều nhận xét trên.</p> <p><u>kết luận:</u> gv chốt lại kiến thức cơ bản</p> <p><u>hoạt động 2: tìm hiểu về đường thẳng</u></p> <p><u>.(18 phút</u></p> <p>GV: giới thiệu đường thẳng là gì, để vẽ đường thẳng ta vẽ như thế nào và phân biệt giữa đường này với đường kia ta</p>	<p>của điểm.</p> <p>- Người ta dùng các chữ cái in hoa A, B, C,... để đặt tên cho điểm</p> <p>*<u>Chú ý:</u></p> <p style="text-align: center;">A . C</p> <p>- Hai điểm như trên cùng chung một điểm gọi là hai điểm trùng nhau</p> <p style="text-align: center;">.A .C</p> <p>- Gọi là hai điểm phân biệt.</p> <p>*<u>nhận xét :</u></p> <p>Với những điểm, ta luôn xây dựng được các hình. bất kì hình nào cũng là một tập hợp các điểm. một điểm cũng là một hình</p> <p>2. <u>Đường thẳng.</u></p> <p>Sợi chỉ căng thẳng, mép bàn, mép bảng,... cho ta hình ảnh của một đường</p>
---	---

làm như thế nào? Và dùng dụng cụ gì để vẽ.

gv: giới thiệu:

sợi chỉ căng thẳng, mép bàn, mép bảng,... cho ta hình ảnh của một đường thẳng. đường thẳng này không giới hạn về hai phía.

người dùng những chữ cái thường a, b, c, d, để đặt tên cho các đường thẳng.

ví dụ:



***HS:** chú ý nghe giảng và ghi bài.

***GV:** yêu cầu học sinh dùng thước và bút để vẽ một đường thẳng.

***HS:** thực hiện.

kết luận: GV chốt lại kiến thức cơ bản.

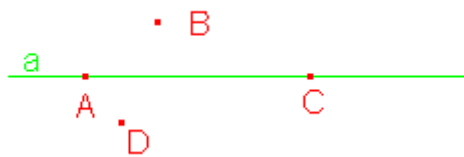
Hđ 3: tìm hiểu điểm thuộc đường thẳng.

điểm không thuộc đường thẳng (10'):

-HS: hiểu mối quan hệ giữa điểm và đường thẳng. biết dùng các kí hiệu điểm, đường thẳng, kí hiệu \notin , \in .

- đồ dùng dạy học: thước kẻ, phấn màu.

***GV:** quan sát và cho biết vị trí của các điểm so với đường thẳng a



***HS:**

- hai điểm A và C nằm trên đường thẳng a.

- hai điểm B và D nằm ngoài đường thẳng a.

***GV:** nhận xét:

- điểm A, điểm C gọi là các điểm thuộc đường thẳng.

kí hiệu: $A \in a$, $C \in a$

- điểm B và điểm D gọi là các điểm không thuộc đường thẳng.

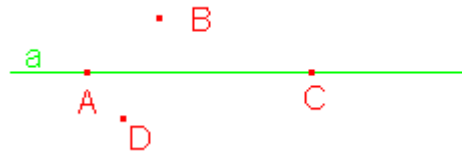
thẳng. đường thẳng này không giới hạn về hai phía.

người dùng những chữ cái thường a, b, c, d,... để đặt tên cho các đường thẳng.



3.Điểm thuộc đường thẳng. điểm không thuộc đường thẳng

ví dụ:



- hai điểm A và C nằm trên đường thẳng a.

- hai điểm B và D nằm ngoài đường thẳng a.

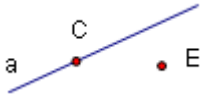
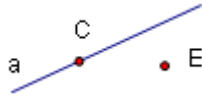
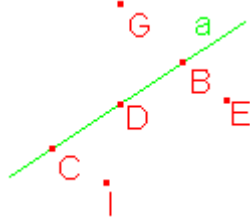
do đó:

- điểm A, điểm C gọi là các điểm thuộc đường thẳng a hoặc đường thẳng a chứa (đi qua) hai điểm A, C

kí hiệu: $A \in a$, $C \in a$

- điểm B và điểm D gọi là các điểm không thuộc (nằm) đường thẳng, hoặc đường thẳng a không đi qua(chứa) hai điểm B, D

kí hiệu: $B \notin a$; $D \notin a$

<p>kí hiệu: $B \notin a, D \notin a$</p> <p>*HS: chú ý nghe giảng và ghi bài. .</p> <p>*GV: yêu cầu học sinh lấy ví dụ về điểm thuộc đường thẳng và không thuộc đường thẳng.</p> <p>*HS: thực hiện.</p> <p>*GV: yêu cầu học sinh làm ?</p>  <p>a, xét xem các điểm C và điểm E thuộc hay không đường thẳng.</p> <p>b, điền kí hiệu \in, \notin thích hợp vào ô trống:</p> <p style="text-align: center;">$C \square a; \quad E \square a$</p> <p>c, vẽ thêm hai điểm khác thuộc đường thẳng a và hai điểm khác nữa không thuộc đường thẳng a</p> <p>*HS: hoạt động theo nhóm lớn.</p> <p>kết luận: gv chốt lại kiến thức cơ bản</p>	<p>?</p>  <p>a, điểm C thuộc đường thẳng a, còn điểm E không thuộc đường thẳng a.</p> <p>b, điền kí hiệu \in, \notin thích hợp vào ô trống:</p> <p style="text-align: center;">$C \in a; \quad E \notin a$</p> <p>c,</p>  <p>a, điểm C thuộc đường thẳng a, còn điểm E không thuộc đường thẳng a.</p> <p>b, điền kí hiệu \in, \notin thích hợp vào ô trống:</p>
---	---

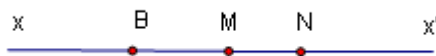
4. Củng cố bài học

GV cho hs làm bài tập: ? vẽ đường thẳng xx' ?

? vẽ điểm $b \in xx'$? m nằm trên xx' ?

? vẽ điểm n sao cho xx' đi qua n ?

GV yêu cầu hs chữa bài 2, bài 3 sgk ?

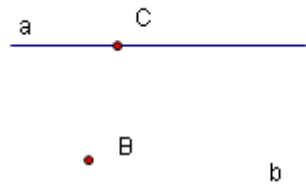


HS: vẽ hình

HS chữa bài tập 4 (Sgk /105) vẽ hình theo cách diễn đạt sau:

a, điểm C nằm trên đường thẳng a.

b, điểm B nằm ngoài đường thẳng b.



5. Hướng dẫn về nhà.

- Học bài theo Sgk + vở ghi.
- Làm các bài tập còn lại trong sgk.
- Đọc trước bài: ba điểm thẳng hàng.

Ngày soạn: 26/8/2013

Ngày dạy: 6C, D : 29/8/2013

Tiết 2 :

§2: BA ĐIỂM THẲNG HÀNG

A.MỤC TIÊU:

1. kiến thức:

- Biết các khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.
- Biết điểm nằm giữa hai điểm, trong ba điểm thẳng hàng có một và chỉ một điểm nằm giữa hai điểm còn lại.

2. kỹ năng:

- Biết vẽ ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.

3. thái độ:

- HS sử dụng thước vẽ cẩn thận, chính xác.

B.CHUẨN BỊ

1.GV: thước, phấn màu.

2.HS : thước kẻ.

C.PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

- Phương pháp vấn đáp , phát hiện và giải quyết vấn đề , luyện tập và thực hành , hợp tác theo nhóm nhỏ.

D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :

1. Ổn định tổ chức : (1 ph)

2.Kiểm tra bài cũ:(4 ph)

GV: ? vẽ điểm m, đường thẳng b sao cho $m \notin b$?

? vẽ đường thẳng a, $m \in a$, $a \in b$, $a \in a$?

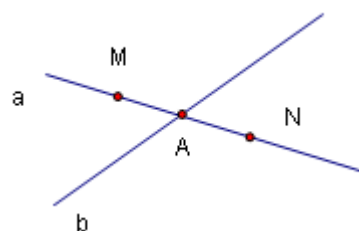
? vẽ điểm n $\in a$ và $n \notin b$?

? hình vẽ có đặc điểm gì ?

HS vẽ hình và nêu nx:

- có 2 đường thẳng a, b cùng đi qua điểm A.
- ba điểm M, N,A cùng nằm trên đường thẳng a.

3. Bài mới:



<i>Hoạt động của Thầy - của Trò</i>	<i>Ghi bảng</i>
<p><u>Hoạt động 1: thế nào là ba điểm thẳng hàng. (15 phút)</u></p> <p>*GV: -vẽ hình 1 và hình 2 lên bảng.</p>	<p>1. <u>Thế nào là ba điểm thẳng hàng.</u></p>



hình 1



hình 2

-có nhận xét gì về các điểm ở h.1 và h.2

***HS**

hình 1: ba điểm cùng thuộc một đường thẳng a.

hình 2: ba điểm không cùng thuộc bất kì đường thẳng nào.

***GV:** nhận xét và giới thiệu:

hình 1: ba điểm A, D, C \in a, ta nói chúng thẳng hàng.

hình 2: ba điểm R, S, T \notin bất kì một đường thẳng nào, ta nói ba điểm đó không thẳng hàng.

***HS:** chú ý nghe giảng và ghi bài.

***GV:** để biết được ba điểm bất kì có thẳng hàng hay không thì điều kiện của ba điểm đó là gì? vẽ hình minh họa.

***HS:** trả lời.

kết luận: gv cho hs chốt lại khái niệm ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng.

Hoạt động 2: Quan hệ giữa ba điểm thẳng hàng. (15phút):

GV: yêu cầu một học sinh lên bảng vẽ hình ba điểm thẳng hàng.

***HS:**



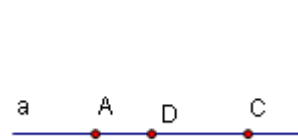
GV: cho biết :

- hai điểm D và C có vị trí như thế nào đối với điểm A.

- hai điểm A và D có vị trí như thế nào đối với điểm C.

- điểm D có vị trí như thế nào đối với hai điểm A và C

- hai điểm A và C có vị trí như thế nào đối



hình 1



hình 2

hình 1: ba điểm A, D, C \in a, ta nói ba điểm thẳng hàng.

hình 2: ba điểm R, S, T \notin bất kì một đường thẳng nào, ta nói ba điểm đó không thẳng hàng.

2. Quan hệ giữa ba điểm thẳng hàng

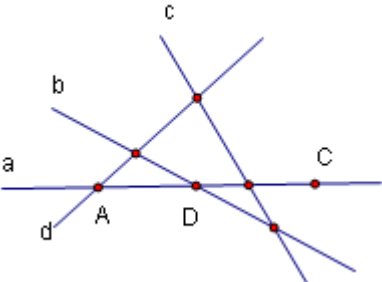
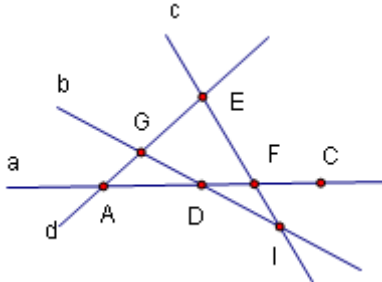
ví dụ:



- hai điểm D và C nằm cùng phía đối với điểm a.

- hai điểm A và D nằm cùng phía đối với điểm C.

- hai điểm A và C nằm khác phía đối

<p>với điểm D</p> <p>*HS: trả lời.</p> <p>*GV: nhận xét và khẳng định :</p> <ul style="list-style-type: none"> - hai điểm D và C nằm cùng phía đối với điểm A. - hai điểm A và D nằm cùng phía đối với điểm C. - hai điểm A và C nằm khác phía đối với điểm D. - điểm D nằm giữa hai điểm A và C. <p>HS: chú ý nghe giảng và ghi bài.</p> <p>*GV: trong ba điểm thẳng hàng có nhiều nhất bao nhiêu điểm nằm giữa hai điểm còn lại ?</p> <p>*HS: trả lời.</p> <p>*GV: nhận xét: trong ba điểm thẳng hàng, có một và chỉ một điểm nằm giữa hai điểm còn lại</p> <p>*HS: chú ý nghe giảng và ghi bài.</p> <p>*GV:</p>  <p>hãy đặt tên cho các điểm còn lại, và ghi tất cả các cặp</p> <p>hãy đặt tên cho các điểm còn lại, và ghi tất cả các cặp</p> <p>a, ba điểm thẳng hàng ?</p> <p>b, ba điểm không thẳng hàng ?</p> <p>*hs: hoạt động theo nhóm lớn.</p> <p><u>kết luận:</u> gv cho hs chốt lại mối quan hệ giữa ba điểm thẳng hàng</p>	<p>với điểm D.</p> <ul style="list-style-type: none"> - điểm D nằm giữa hai điểm A và C. <p><u>nhận xét:</u></p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px 0;"> <p>trong ba điểm thẳng hàng, có một và chỉ một điểm nằm giữa hai điểm còn lại</p> </div> <p><u>ví dụ:</u></p>  <p>a, các cặp ba điểm thẳng hàng: A, G, E; E, F, I; A, D, F.</p> <p>b, các cặp ba điểm không thẳng hàng. A, G, D; G, D, F;</p> <p>có tất cả 56 cặp ba điểm không thẳng</p>
--	---

4. Củng cố:

GV: yêu cầu học sinh thảo luận nhóm và làm bài tập 11.

HS: hoạt động nhóm làm

Bài tập 11: (sgk-tr.107)

-Điểm R nằm giữa điểm M và N

- Điểm M và N nằm khác phía đối với điểm R
- Điểm R và N nằm cùng phía đối với điểm M....

GV: yêu cầu hs trả lời bài 9 Sgk ?

HS: trả lời miệng

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài theo sgk.
- Làm bài tập 8; 10 ; 13 ; 14 sgk.
- Chuẩn bị bài “Đường thẳng đi qua hai điểm”

Ngày soạn: 03/9/2013

Ngày dạy: 6C,D : 06/9/2013

Tiết 3 :

§3: ĐƯỜNG THẲNG ĐI QUA HAI ĐIỂM

A.MỤC TIÊU:

1. kiến thức:

-Học sinh biết các khái niệm hai đường thẳng trùng nhau,hai đường thẳng cắt nhau, hai đường thẳng song song với nhau.

2. kỹ năng:

-Biết vẽ đường thẳng đi qua hai điểm.

3. thái độ:

-Vẽ hình chính xác, cẩn thận đường thẳng đi qua hai điểm.

B.CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

1.GV: Sgk, bảng phụ, thước thẳng.

2.HS : Sgk, bảng phụ, thước thẳng.

C.PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

- Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề ;học hợp tác theo nhóm nhỏ; luyện tập và thực hành .

D.TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

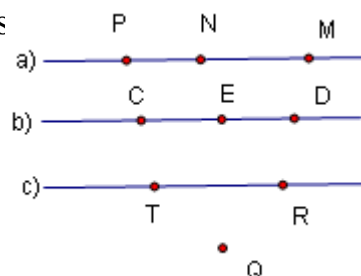
1. Ổn định tổ chức: (1’)

2.Kiểm tra bài cũ: (5’)

H: thế nào là ba điểm thẳng hàng ? nói cách vẽ ba điểm thẳng hàng ? nói cách vẽ ba điểm không thẳng hàng ? vẽ hình trên bảng bài tập 10 s

HS: trả lời miệng những câu hỏi.

Bài 10 (Sgk /106)



3.Bài mới:

Hoạt động của Thầy - của Trò	Ghi bảng
------------------------------	----------

hoạt động 1: vẽ đường thẳng (10 phút)

GV: hướng dẫn học sinh vẽ đường thẳng;

cho hai điểm A và B bất kì.

đặt thước đi qua hai điểm đó, dùng bút vẽ theo cạnh của thước. khi đó vết bút vẽ là đường thẳng đi qua hai điểm A và B



***HS:** chú ý và làm theo giáo viên.

***GV:** nếu hai điểm A và B trùng nhau thì

ta có thể vẽ được đường thẳng đi qua hai điểm đó không ?.

***HS :** trả lời.

***GV :** cho ba điểm A, E, F phân biệt. hãy vẽ tất cả các đường thẳng đi qua hai trong ba điểm đã cho ?.

***HS:** thực hiện.

***GV:** qua hai điểm phân biệt ta có thể xác định được nhiều nhất bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm đó ?.

***HS :** qua hai điểm phân biệt ta luôn xác định được một và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm đó.

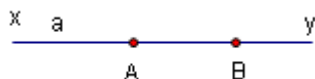
***GV:** nhận xét và khẳng định : *có một đường thẳng và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B.*

***HS:** chú ý nghe giảng và ghi bài.

kết luận: GV yêu cầu HS nêu nhắc lại phần nhận xét

Hoạt động 2: tên đường thẳng
.(10phút):

Ví dụ:



***GV:** yêu cầu nhắc lại cách đặt tên của một đường thẳng và đọc tên đường thẳng ở hình vẽ trên ?.

***HS:** trả lời.

1. Vẽ đường thẳng.

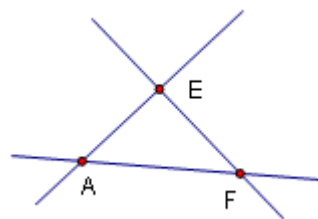
Ví dụ1:

cho hai điểm A và B bất kì ta luôn vẽ được



Ví dụ 2:

với ba điểm A, E, F phân biệt ta luôn vẽ được:



nhận xét:

có một đường thẳng và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B.

2. Tên đường thẳng.

Ví dụ 3:



ta gọi tên đường thẳng của hình vẽ trên là:

- đường thẳng AB hoặc đường thẳng BA (đường thẳng này đi qua hai điểm A và B).

hoặc:

- đường thẳng xy (hoặc yx).

Ví dụ 4.

***GV** nhận xét và giới thiệu:

đường thẳng trên ngoài có tên là a, nó còn có tên khác:

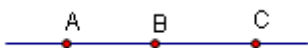
-đường thẳng AB hoặc đường thẳng BA (đường thẳng trên qua hai điểm A và B).

hoặc: đường thẳng xy (hoặc yx).

***HS:** chú ý nghe giảng và ghi bài.

***GV:** yêu cầu học sinh làm ?

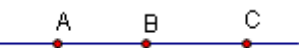
hãy đọc tất cả các tên của đường thẳng sau :



***HS :** thực hiện.

hoạt động 3: đường thẳng trùng nhau, cắt nhau, song song.(10 phút):

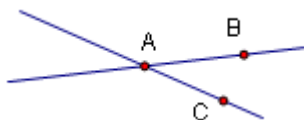
***gv :** qua sát các hình vẽ sau, và cho biết :



a,

- đường thẳng AB có vị trí như thế nào với đường thẳng BC ?

b,



- đường thẳng AB có vị trí như thế nào với đường thẳng AC ?

c,



- đường thẳng xy có vị trí như thế nào với đường thẳng ab ?

HS: trả lời.

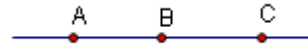
***GV:** nhận xét và giới thiệu:

a, hai đường thẳng AB và BC gọi là hai đường thẳng trùng nhau.

kí hiệu: $AB \equiv BC$

b, hai đường thẳng AB và AC đều đi qua điểm B, khi đó hai đường thẳng AB và AC gọi là hai đường thẳng cắt nhau.

kí hiệu: $AB \cap AC$

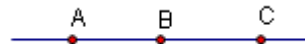


tên của đường thẳng:

AB, AC, BC , BA, CB, CA

3. đường thẳng trùng nhau, cắt nhau, song song.

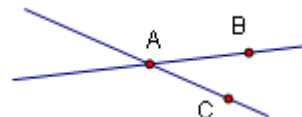
a,



hai đường thẳng AB và BC gọi là trùng nhau.

kí hiệu: $AB \equiv BC$

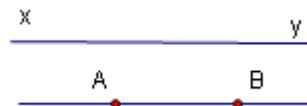
b,



hai đường thẳng AB và AC đều đi qua điểm B, khi đó hai đường thẳng AB và AC gọi là hai đường thẳng cắt nhau.

kí hiệu : $AB \cap AC$

c,



hai đường xy và AB gọi là hai đường thẳng song song.

kí hiệu: $xy \parallel AB$

Chú ý:

- hai đường thẳng không trùng nhau còn gọi là hai đường thẳng phân biệt.

- hai đường thẳng phân biệt hoặc chỉ có một điểm chung hoặc không có một điểm chung nào.

<p>c, hai đường xy và AB gọi là hai đường thẳng song song.</p> <p>kí hiệu: $xy // AB$</p> <p>*HS: chú ý nghe giảng.</p> <p>*GV: thế nào là hai đường thẳng trùng nhau, hai đường thẳng cắt nhau, hai đường thẳng song song nhau ?</p> <p>*HS: trả lời.</p> <p>*GV: nhận xét và khẳng định :</p> <ul style="list-style-type: none"> - hai đường thẳng gọi là trùng nhau, nếu tất cả các điểm của đường thẳng này cũng là các điểm của đường thẳng kia. - hai đường thẳng gọi là cắt nhau, nếu chúng chỉ có một điểm chung. - hai đường thẳng gọi là song song, nếu hai đường thẳng đó không có điểm nào chung. <p>*hs: chú ý nghe giảng và ghi bài.</p> <p>*gv: đưa ra chú ý lên bảng phụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - hai đường thẳng không trùng nhau còn gọi là hai đường thẳng phân biệt. - hai đường thẳng phân biệt hoặc chỉ có một điểm chung hoặc không có một điểm chung nào. <p>GV củng cố vị trí tương đối của 2 đường thẳng</p>	
--	--

4. Củng cố:

? có mấy đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt ? với hai đường thẳng có những vị trí tương đối nào ?

GV yêu cầu hs chữa bài 16, 17, 19 /Sgk

Bài tập 16; 17 HS trả lời miệng

HS: chỉ có một đường thẳng duy nhất. có 3 vị trí tương đối giữa hai đường thẳng....

Bài 19

H: Có mấy đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt?

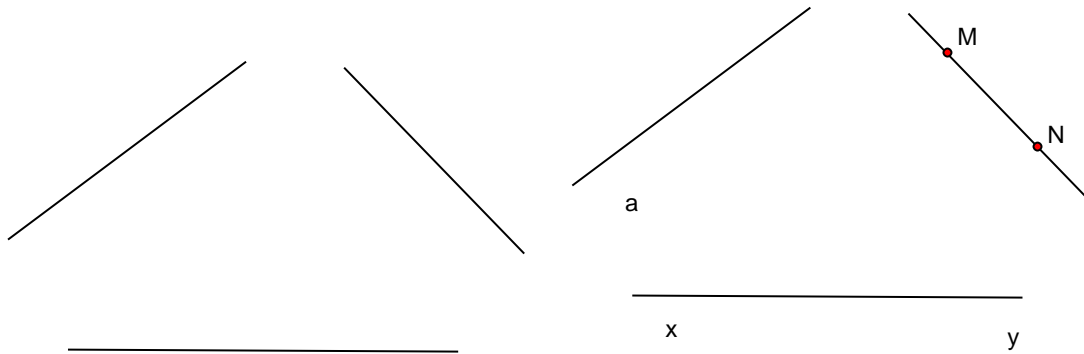
HS: Có một đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt

H: Với hai đường thẳng có những vị trí nào? Chỉ ra số giao điểm của hai đường thẳng trong từng trường hợp ?

HS: Cắt nhau, song song, trùng nhau (Lần lượt có 1 ; 0; vô số điểm chung)

H: Cho ba đường thẳng hãy đặt tên nó theo ba cách khác nhau.

HS:



H: Hai đường thẳng có hai điểm chung phân biệt thì ở vị trí tương đối nào? Vì sao?

HS: Hai đường thẳng trùng nhau vì qua hai điểm phân biệt chỉ có đường thẳng

H: Quan sát thước thẳng em có nhận xét gì?

HS: Hai lề của thước thẳng là hai đường thẳng song song \Rightarrow cách dùng thước thẳng để vẽ hai đường thẳng song song.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài: Đường thẳng đi qua hai điểm.

- BTVN: 15; 18; 21 (SGK / 109) và 15; 16; 17; 18 (SBT)

- Đọc kỹ trước bài thực hành.

Mỗi tổ chuẩn bị: 3 cọc tiêu, 1 dây dọi.

Ngày soạn: 10/9/2013

Ngày dạy: 6C, D : 13/9/2013

Tiết 4 :

§4: THỰC HÀNH TRỒNG CÂY THẲNG HÀNG

A. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

+ học sinh được củng cố khái niệm ba điểm thẳng hàng.

2. Kỹ năng:

+ có kỹ năng dựng ba điểm thẳng hàng để dựng các cọc thẳng hàng.

3. Thái độ:

+ có ý thức vận dụng kiến thức bài học vào thực tiễn.

B. CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG:

1. GV: sgk, bảng phụ, thước thẳng.

2. HS: mỗi nhóm gồm: 03 cọc tiêu + 01 quả dọi.

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

- Thực hành ; hợp tác theo nhóm.

D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :

1. Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ :

H: ? thế nào là ba điểm thẳng hàng ?

HS: trả lời câu hỏi.

3. Bài mới:

<i>Hoạt động của Thầy - của Trò</i>	<i>Ghi bảng</i>
<p><u>Hoạt động 1: Thông báo nhiệm vụ và hướng dẫn cách làm. (10 phút)</u></p> <p><i>bước 1: thông báo nhiệm vụ</i> gv: thông báo nhiệm vụ. hs: nhắc lại nhiệm vụ phải làm. gv: ? khi có dụng cụ trong ta tiến hành như thế nào ? hs: trình bày cách tiến hành. ghi bài.</p> <p><i>bước 2: hướng dẫn cách làm.</i> gv: yêu cầu hs đọc mục 3 sgk. hs đọc mục 3 sgk. gv: làm mẫu trước lớp. hs : lắng nghe gv trình bày.</p> <p>GV nhắc lại nhiệm vụ cần phải làm.</p> <p><u>Hoạt động 2: thực hành ngoài trời. (22 phút):</u></p> <p><i>bước 1 : thực hành.</i> gv phân công các nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm. hs : phân nhóm : nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên ... gv : quan sát các nhóm thực hành, nhắc nhở , điều chỉnh khi cần thiết. hs : mỗi nhóm cử 1 thành viên ghi lại biên bản thực hành theo trình tự các khâu.</p> <p><i>bước 2 : kiểm tra.</i> GV tiến hành kiểm tra kết quả của HS</p> <p><u>kết luận:</u> GV củng cố bài thực hành.</p>	<p><u>1. Nhiệm vụ:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - chôn các cọc hành rào thẳng hàng giữa hai cột mốc a và b - đào hố trồng cây thẳng hàng với hai cây đã có bên đường. <p><u>2. Hướng dẫn cách làm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - cắm cọc tiêu thẳng đứng ở hai điểm a và b (dùng dây dọi kiểm tra) - em thứ nhất đứng ở a, em thứ hai đứng ở điểm c – là vị trí nằm giữa a và b. - em ở vị trí a ra hiệu cho em thứ 2 ở c điều chỉnh cọc tiêu sao cho che lấp hoàn toàn cọc tiêu b. - khi đó ba điểm a, b, c thẳng hàng <p><u>3. Thực hành ngoài trời:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - chia nhóm thực hành từ 5 – 7 hs - giao dụng cụ cho các nhóm - tiến hành thực hành theo hướng dẫn. <p><u>4. Kiểm tra:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - kiểm tra xem độ thẳng của các vị trí a, b, c - đánh giá hiệu quả công việc của các nhóm. - ghi điểm cho các nhóm.

4. Củng cố: (4 phút)

H: Hãy nêu những ví dụ về áp dụng ba điểm thẳng hàng trong thực tế ?

GV : + nhận xét, đánh giá kết quả thực hành của từng nhóm.

+ nhận xét toàn lớp.

5. Hướng dẫn học tập ở nhà. (4 phút)

GV yêu cầu HS: + vệ sinh chân tay, cất dụng cụ lao động , chuẩn bị vào giờ học sau.
+ đọc trước bài 5: “tia”



Ngày soạn: 17/9/2013

Ngày dạy: 6C,D : 20/9/2013

Tiết 5 :

§5: TIA

A.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS biết các khái niệm về tia
- Biết được định nghĩa, một tia bằng các cách khác nhau. biết thế nào là hai tia đối nhau , hai tia trùng nhau.

2. Kỹ năng:

- Biết vẽ tia , biết viết tên và đọc tên một tia, phân loại hai tia chung gốc.
- Phát biểu chính xác các mệnh đề toán học, vẽ hình , quan sát , nhận xét.

3. Thái độ:

- HS có ý thức học tập tốt.

B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- 1.GV:thước thẳng.
- 2.HS: thước thẳng.

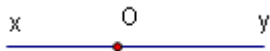
C.PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

- Phương pháp vấn đáp, phát hiện và giải quyết vấn đề, hợp tác theo nhóm
-

D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Ôn định tổ chức (1 phút)

2. Kiểm tra bài cũ:



H : H ấy vẽ hình theo cách diễn đạt sau ?

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy - của trò	Ghi bảng
<p><u>hoạt động 1: tìm hiểu về tia (10 phút)</u></p> <p>*gv: yêu cầu một học sinh lên bảng vẽ một đường thẳng đi qua điểm o cho trước.</p> <p>*hs:</p> <p>*gv: - nếu ta cắt đường thẳng xy tại điểm O ta sẽ được hai nửa đường thẳng: Ox và Oy. khi đó người ta nói: Ox và Oy là các tia. vậy tia số là gì ? *hs: chú ý và trả lời. *gv: nhận xét và khẳng định : hình gồm điểm O và một phần đường thẳng bị chia ra bởi điểm O được gọi là tia gốc O (một nửa đường thẳng gốc o) chú ý: khi đọc hay viết một tia thì ta phải đọc gốc trước. ví dụ: Ox, Oy, Oz,...</p> <p>*hs: chú ý nghe giảng và ghi bài.</p> <p>*gv: -vẽ một tia có gốc là điểm a. - hãy chỉ ra các tia ở hình vẽ sau:</p> <p>*hs: thực hiện.</p> <p>H : nêu lại khái niệm thế nào là tia?</p> <p><u>hoạt động 2: tìm hiểu về hai tia đối nhau. (10 phút):</u></p> <p>*gv: quan sát và cho biết:</p> <p>hai tia Ox và Oy có đặc điểm gì ?</p>	<p>1. Tia <u>Ví dụ 1:</u></p> <p>ta nói: ox và oy là các tia. <u>vậy :</u> hình gồm điểm o và một phần đường thẳng bị chia ra bởi điểm o được gọi là tia gốc o(một nửa đường thẳng gốc o) * chú ý : khi đọc hay viết một tia thì ta phải đọc gốc trước. ví dụ: Ox, Oy, Oz,...</p> <p><u>ví dụ 2:</u></p> <p>các tia: Ax, Ay, Ox, Oy, Bx, By.</p> <p>2. Hai tia đối nhau <u>Ví dụ 3.</u></p>

***hs:** hai tia này có cùng chung gốc o.

***gv:** ta nói tia Ox và tia Oy là hai tia đối nhau.

thế nào là hai tia đối nhau ?

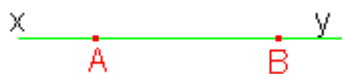
***hs:** trả lời. .

***gv:** nhận xét :

mỗi điểm trên đường thẳng là gốc chung của hai tia đối nhau

hs: chú ý nghe giảng và ghi bài.

***gv:** yêu cầu học sinh làm [?1].



trên đường thẳng xy lấy hai điểm a và b.

a, tại sao hai tia Ax và By không phải là hai tia đối nhau.

b, có những tia nào đối nhau ?

***hs:** một học sinh lên bảng.

a, hai tia Ax và By không phải là hai tia đối nhau vì: hai tia này không chung gốc.

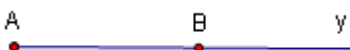
b, các tia đối nhau: Ax và Ay; Bx và By

H: nêu lại khái niệm hai tia đối nhau

hoạt động 3: tìm hiểu về hai tia trùng nhau.

(10 phút):

***gv:** quan sát và chỉ ra những tia trong hình vẽ sau, có nhận xét gì về chúng ?



***hs:** Ax và AB, By. hai tia Ax và AB là một

***gv :** ta nói hai tia Ax và tia AB là hai tia trùng nhau.

- điều kiện hai tia trùng nhau là gì ?

***hs :** trả lời.

***gv :** đưa ra chú ý :

hai tia không trùng nhau gọi là hai tia phân biệt.

- yêu cầu học sinh làm [?2].

hai tia Ox và Oy chung gốc O và cùng nằm trên một đường thẳng xy. khi đó ta nói:

hai tia Ox và tia Oy là hai tia **đối nhau**.

nhận xét:

mỗi điểm trên đường thẳng là gốc chung của hai tia đối nhau

[?1].



a, hai tia Ax và By không phải là hai tia đối nhau vì: hai tia này không chung gốc.

b, các tia đối nhau: Ax và Ay; Bx và By

3. **Hai tia trùng nhau.**

Ví dụ 4.

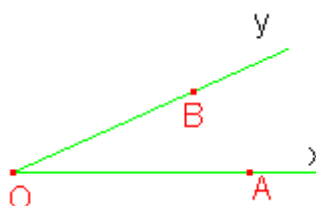


hai tia Ay và AB có cùng chung gốc A, nên ta nói: hai tia Ay và AB là hai tia **trùng nhau**.

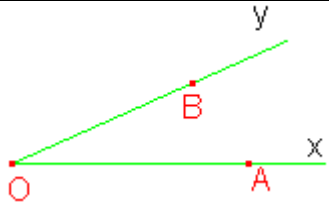
*** chú ý:**

hai tia không trùng nhau gọi là hai tia phân biệt.

[?2].



a, hai tia Ox và OA có trùng nhau , còn tia OB trùng với tia Oy.

 <p>a, hai tia Ox và OA có trùng nhau không ? còn tia OB trùng với tia nào ? b, hai tia Ox và Ax có trùng nhau không ? vì sao ? c, tại sao hai tia chung gốc Ox và Oy không đối nhau. H: nêu lại khái niệm hai tia đối nhau ?</p>	<p>b, hai tia Ox và Ax có không trùng nhau. vì : hai tia này không chung gốc c, hai tia chung gốc Ox và Oy không đối nhau. vì: hai tia này không cùng nằm trên một đường thẳng.</p>
---	--

4. Củng cố

gv: yêu cầu hs chữa bài 22 sgk trang 112.

H: nhận xét kết quả bài làm của hs.

HS: hoạt động nhóm.

Đại diện nhóm lên bảng trình bày .

bài 22 (sgk – t.112).

a)

b)

c)



hai tia AB và AC đối nhau.

hai tia trùng nhau: CA và CB; BA và BC

5. Hướng dẫn học tập ở nhà. (10 phút) :

- Học bài cũ.

- Bài tập về nhà: 23 -> 27 sgk trang 113.

- Tiết sau : Luyện tập.

Ngày dạy: 27/09/2013

Lớp dạy : 6C, D

Tiết 6

Ngày soạn : 24/09/2013

LUYỆN TẬP.

I - Mục tiêu bài dạy

1. Về kiến thức:

- Học sinh được củng cố khái niệm tia, có thể phát biểu định nghĩa tia bằng các cách khác nhau, khái niệm hai tia đối nhau

2. Về kỹ năng:

- Biết vẽ hình theo cách diễn tả bằng lời.

- Biết vẽ tia đối nhau, nhận dạng sự khác nhau giữa tia và đường thẳng

3. Về thái độ và tình cảm

- Rèn tính chính xác, cẩn thận, tích cực học tập của học sinh.

II. Chuẩn bị

1. GV: thước kẻ, phấn màu.

2. HS: thước kẻ.

III. Tiến trình dạy học

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ, đặt vấn đề vào bài mới: (5 phút)

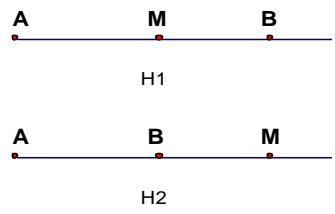
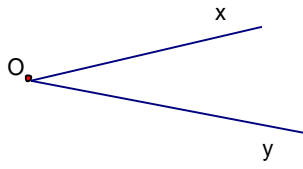
GV: Thế nào là hai tia đối nhau? tia ab và tia ba có phải hai tia đối nhau không?

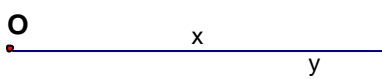
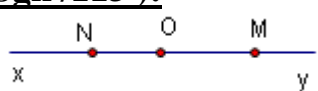

? vẽ đường thẳng xy. Trên đó lấy điểm M đọc tên các tia đối nhau trong hình vẽ?

HS: 

Tia Mx đối nhau với tia My

3. Nội dung bài mới:

Hoạt động của Thầy - của Trò	Ghi bảng
<p><u>Dạng 1: luyện phát biểu định nghĩa tia, nhận biết hai tia đối nhau. (15 phút)</u></p> <p>GV yêu cầu một HS lên bảng làm bài tập</p> <p>HS: vẽ hình và trả lời câu hỏi theo yêu cầu SGK</p> <p>GV: nhận xét và ghi điểm.</p> <p>? HS giải miệng bài tập 26 để GV chốt lại ở bài tập 27 và yêu cầu HS ghi lại các định nghĩa tia này vào phần chú ý trong vở học.</p> <p>GV: thế nào là hai tia đối nhau?</p> <p>HS: làm bài tập 32 và vẽ hình minh họa các câu sai.</p>	<p>Bài 26 (Sgk /113):</p>  <p>a. điểm M và B nằm cùng phía đối với điểm A</p> <p>b. M có thể nằm giữa A và B (h1), hoặc B nằm giữa A và M (h2)</p> <p>Bài 27 (Sgk /113):</p> <p>a) tia AB là hình gồm điểm A và tất cả các điểm nằm cùng phía với B đối với điểm A</p> <p>b) hình tạo bởi điểm A và phần đường thẳng chứa tất cả các điểm nằm cùng phía đối với A là một tia gốc A</p> <p>Bài 32 (Sgk/113):</p> <p>a. sai</p>  <p>b. sai</p>

<p><u>Dạng 2: thứ tự các điểm trên hai tia đối nhau, giải bt (20 phút):</u></p> <p>GV: điểm O là gốc chung của hai tia đối nhau nào (sau khi vẽ được ba điểm O, M, N)?</p> <p>GV: muốn biết điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại trong ba điểm M, N, O ta phải kiểm tra điều gì trước? (ba điểm thẳng hàng)</p> <p>HS: trả lời miệng.</p> <p>GV: hai tia đối nhau AC và AB cho ta suy ra được những điều gì? (A, B, C thẳng hàng và A nằm giữa B và C).</p> <p>GV: vẽ nhanh hai tia ab và ac đối nhau bằng cách nào?</p> <p>GV: có nhận xét gì về gốc chung của hai tia đối nhau với hai điểm nằm ở hai tia đối nhau đó.</p> <p>HS: lên bảng vẽ hình và thảo luận bài 29</p>	 <p>Bài 28 (Sgk /113):</p>  <p>a) (Ox, Oy) ; (Ox, Om) ... là các cặp hai tia gốc O đối nhau .</p> <p>b) M, O, N thẳng hàng ; O nằm giữa M và N</p> <p>Bài 29(Sgk /113):</p>  <p>a) A nằm giữa C và M.</p> <p>b) A nằm giữa N và B</p>
--	--

4. Luyện tập, củng cố:(1 phút)

HS: Nhắc lại khái niệm tia, hai tia đối nhau, trùng nhau?

H: hai tia đối nhau có đặc điểm gì? Hai tia trùng nhau có đặc điểm gì?

GV: Nhấn mạnh kiến thức cần ghi nhớ của bài học.

5. Hướng dẫn về nhà. (4 phút)

Học bài theo Sgk

Đọc trước bài : Đoạn thẳng

6. Rút kinh nghiệm giờ dạy

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày dạy: 04/10/2013

Ngày soạn : 01/10/2013

Lớp dạy : 6C, D

Tiết 7

§6: ĐOẠN THẲNG

I - Mục tiêu bài dạy

1. Về kiến thức:

+ học sinh biết định nghĩa đoạn thẳng.

+ biết nhận dạng đoạn thẳng cắt đường thẳng, đoạn thẳng, tia

+ biết mô tả hình vẽ bằng các cách diễn đạt khác nhau

2. Về kỹ năng:

+ biết vẽ đoạn thẳng.

+ nhận biết được một đoạn thẳng trong hình vẽ.

3. Về thái độ, tình cảm:

+ vẽ hình cẩn thận, chính xác

II. Chuẩn bị

1.GV: thước thẳng, bảng phụ.

2.HS : thước thẳng.

III. Tiến trình dạy học

1. Ổn định tổ chức(1 phút)

2. Kiểm tra bài cũ, đặt vấn đề vào bài mới (4 phút)

HS:- nhắc lại 1 số khái niệm:



- định nghĩa tia gốc O?
- thế nào là 2 tia trùng nhau? hai tia đối nhau?
- cho đường thẳng xy, lấy $A \in xy$, $B \in xy$.
nếu các tia trùng nhau? đối nhau?



3. Nội dung bài mới:

GV: đặt mép thước thẳng đi qua 2 điểm A và B. dùng phần màu vạch theo mép thước từ A đến B, ta được 1 hình, hình đó gọi là đoạn thẳng AB.

Vậy đoạn thẳng AB là gì? cách vẽ như thế nào? Ta tìm hiểu bài hôm nay:

<i>Hoạt động của Thầy - của Trò</i>	<i>Ghi bảng</i>
<p><u>Hoạt động 1: đoạn thẳng AB là gì (15 phút)</u></p> <p>*GV: hướng dẫn học sinh là quen với khái niệm đoạn thẳng AB.</p> <p>- cách vẽ đoạn thẳng AB.</p> <p>cho hai điểm A, B. đặt thước thẳng đi qua hai điểm A, B. dùng bút nối hai điểm đó với nhau. khi đó nét mực trên bảng chính là ảnh của đoạn thẳng AB.</p>  <p>*hs: chú ý và thực hiện theo.</p> <p>*gv: yêu cầu một học sinh lên bảng vẽ đoạn thẳng AB. cho biết có bao nhiêu điểm nằm trên đoạn thẳng AB?</p> <p>*HS: thực hiện.</p> <p>đoạn thẳng AB là gì?.</p> <p>*HS: trả lời.</p> <p>*gv: nhận xét và khẳng định :</p>	<p>1. <u>Đoạn thẳng AB là gì ?</u></p> <p>- Cách vẽ đoạn thẳng AB.</p> <p>cho hai điểm A, B. đặt thước thẳng đi qua hai điểm A, B. dùng bút nối hai điểm đó với nhau. khi đó nét mực trên bảng chính là ảnh của đoạn thẳng AB.</p>  <p><u>vậy:</u></p> <p>- đoạn thẳng AB là hình gồm điểm A, điểm B và tất cả các điểm nằm giữa A và B.</p> <p>- đoạn thẳng AB còn gọi là đoạn thẳng</p>

- đoạn thẳng AB là hình gồm điểm A, điểm B và tất cả các điểm nằm giữa A và B.

- đoạn thẳng AB còn gọi là đoạn thẳng BA.

- hai điểm A, B là hai đầu mút(hoặc hai đầu) của đoạn thẳng AB.

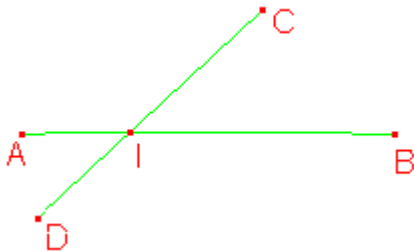
***hs:** chú ý nghe giảng và ghi bài.

hoạt động 2: đoạn thẳng cắt đoạn thẳng, cắt tia, đường thẳng.(9 phút):

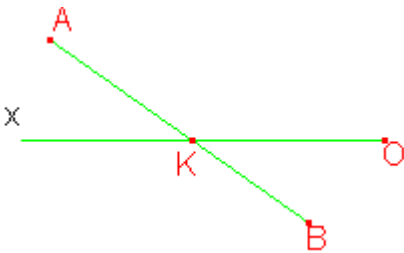
***GV:** vẽ lên bảng phụ:

tìm các giao điểm của đoạn thẳng AB trong mỗi hình vẽ sau:

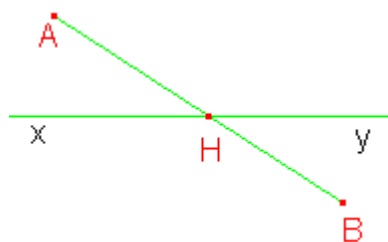
hình 1:



hình 2.



hình 2.



***HS:**

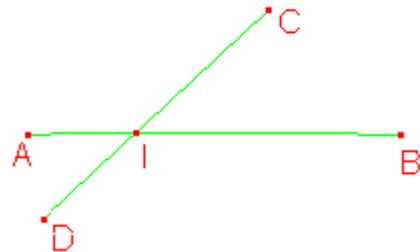
BA.

- hai điểm A, B là hai đầu mút(hoặc hai đầu) của đoạn thẳng AB.

2. đoạn thẳng cắt đoạn thẳng, cắt tia, đường thẳng.

a, đoạn thẳng cắt đoạn thẳng.

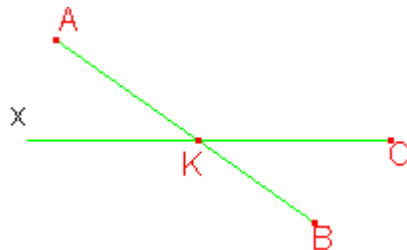
hình 1.



kí hiệu: $AB \cap CD$.

b, đoạn thẳng cắt tia.

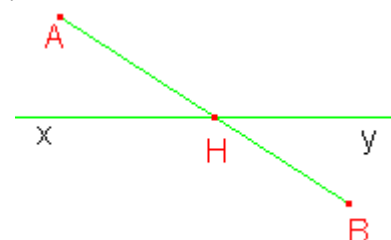
hình 2.



kí hiệu: $AB \cap Ox$.

c, đoạn thẳng cắt đường thẳng.

hình 3.

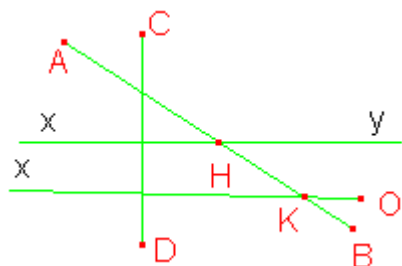


<p>a, giao điểm I. b, giao điểm K. c, giao điểm H *GV: nhận xét và khẳng định : a, đoạn thẳng AB cắt đoạn thẳng CD tại I. kí hiệu: $AB \cap CD$ b, đoạn thẳng AB cắt tia Ox tại K. kí hiệu: $AB \cap Ox$. c, đoạn thẳng AB cắt đường thẳng xy tại H. kí hiệu: $AB \cap xy$. *HS: chú ý nghe giảng và ghi bài.</p>	<p>kí hiệu: $AB \cap xy$.</p>
--	---

4. Luyện tập, củng cố. (15 phút):

***gv:** - điều kiện để một đoạn thẳng cắt một đoạn thẳng, cắt tia, cắt đường thẳng gì ?.

- hãy chỉ ra các đoạn thẳng cắt một đoạn thẳng, cắt tia, cắt đường thẳng ở hình vẽ dưới đây:



***hs:** trả lời.

hs: - đọc đề bài.

- chọn câu đúng. (câu d)

5. Hướng dẫn học tập ở nhà. (1 phút)

- Học bài theo sgk
- Làm bài tập 34 ; 38 ; 39 (Sgk)
- Đọc trước bài 7: Độ dài đoạn thẳng.

6. Rút kinh nghiệm giờ dạy

.....

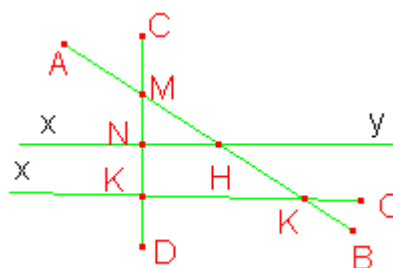
.....

.....

.....

.....

ví dụ:



Giải:

$AB \cap xy$, $AB \cap Ox$, $AB \cap CD$, $CD \cap xy$, $CD \cap Ox$

*** Bài tập 35 (SGK /116) .**

M là điểm bất kì của đoạn thẳng AB thì điểm M hoặc trùng với điểm A hoặc nằm giữa 2 điểm A và B hoặc trùng với điểm B

Ngày dạy: 08/11/10/2013

Ngày soạn : 04/10/2013

Lớp dạy : 6D, C

Tiết 8:

§7: ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG

I. Mục tiêu bài dạy

1. Về kiến thức:

- Biết khái niệm độ dài đoạn thẳng.
- Hiểu tính chất : Nếu điểm M nằm giữa hai điểm A và B thì $AM + MB = AB$ và ngược lại .
- Biết trên tia Ox có một điểm M sao cho $OM = m$
- Biết trên tia Ox nếu $OM < ON$ thì điểm M nằm giữa hai điểm O và N.

2. Về kỹ năng:

- Biết sử dụng thước đo độ dài để đo đoạn thẳng, vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước.
- Biết vận dụng hệ thức $AM + MB = AB$ khi M nằm giữa A và B để giải các bài toán đơn giản.

3. Về thái độ và tình cảm:

- HS có ý thức đo vẽ cẩn thận.

II. Chuẩn bị

- 1.GV: thước thẳng, sgk ...
- 2.HS : một số loại thước dây, thước gấp ...

III. Tiến trình dạy học

1. Ổn định tổ chức(1 phút)

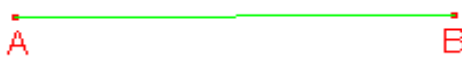
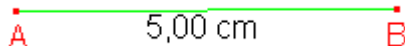
2. Kiểm tra bài cũ, đặt vấn đề vào bài mới. (6 phút)

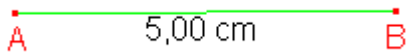
H: Đoạn thẳng AB là gì? em hãy vẽ 1 đường thẳng xy, trên đó lấy lần lượt 4 điểm A, B, C, D theo thứ tự đó. đếm được bao nhiêu đoạn thẳng? kể tên?

HS làm làm ra giấy kiểm tra.

GV đặt vấn đề: ta đó biết cách vẽ 1 đoạn thẳng, muốn biết đoạn thẳng đó dài hay ngắn ta phải thực hiện phép đo. Vậy cách đo một đoạn thẳng ta thực hiện như thế nào ? bài hôm nay ta sẽ thực hiện.

3. Nội dung bài mới.

Hoạt động của thầy - c ủa Trò	Ghi bảng
<p><u>Hoạt động 1: đo đoạn thẳng. (7 phút)</u></p> <p>*GV: cho đoạn thẳng AB sau:</p>  <p>dùng thước đo khoảng cách hai điểm A, B ?.</p> <p>*HS: một học sinh lên bảng thực hiện.</p>	<p>1. <u>Đo đoạn thẳng.</u></p> <p>Ví dụ:</p>  <p>ta đó được:</p> <p>khoảng cách hai điểm A, B là 5,00 cm, khi đó người ta nói đó cũng chính là độ dài đoạn thẳng AB.</p>



***GV:** nhận xét:

khoảng cách hai điểm A, B là 5,00 cm, khi đó người ta nói đó cũng chính là **độ dài đoạn thẳng AB**.

kí hiệu: $AB = 5,00 \text{ cm}$.

đơn vị: mm, cm, dm, m, km, inch.

***HS:** chú ý nghe giảng.

***GV:** tìm độ dài một cạnh của một quyển sách.

***HS:** thực hiện.

***GV:** - độ dài của đoạn thẳng là gì ?

- mỗi một đoạn thẳng có nhiều nhất là bao nhiêu độ dài ?

- điều kiện của độ dài đoạn thẳng là gì ?

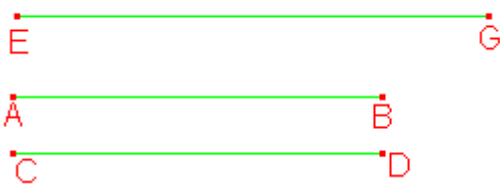
***HS:** trả lời.

***GV** nêu nhận xét.

Chú ý: nếu hai điểm A, B trùng nhau, khi đó: khoảng cách giữa hai điểm A, B bằng 0.

hoạt động 2: so sánh hai đoạn thẳng.
(19 phút)

GV: cho các đoạn thẳng sau:



so sánh các đoạn thẳng nêu trên ?

gợi ý: để so sánh các đoạn thẳng nêu trên ta cần làm gì ?

***HS:** để so sánh các đoạn thẳng với nhau ta cần tìm độ dài của các đoạn thẳng đó, rồi so sánh độ dài các đoạn thẳng đó với nhau.



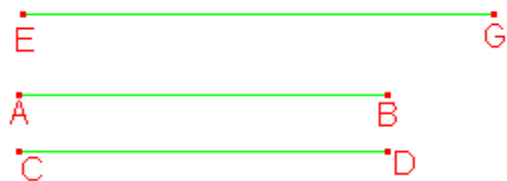
kí hiệu: $AB = 5,00 \text{ cm}$.

đơn vị: mm, cm, dm, m, km, inch,...

Nhận xét: *mỗi đoạn thẳng có một độ dài. độ dài đoạn thẳng là một số dương.*

2. so sánh độ dài:

Ví dụ: so sánh các đoạn thẳng sau:



Giải:

ta có:



suy ra:

$$AB = CD$$

$$AB < EG$$

$$CD < EG$$

kết luận: khi so sánh các đoạn thẳng với nhau ta phải căn cứ vào độ dài của các

ta thấy:

$AB = CD = 4,84 \text{ cm}$. $EG = 6,18 \text{ cm}$.

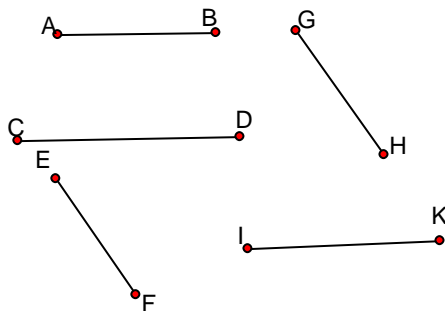
do đó : $AB = CD$. $AB < EG$;

$CD < EG$

***GV:** nhận xét và khẳng định :

so sánh hai đoạn thẳng bất kì, chính là việc so sánh độ dài của hai đoạn thẳng đó với nhau.

***GV:** yêu cầu học sinh làm [?1].



, hãy đo và chỉ ra các đoạn thẳng có cùng độ dài rồi đánh dấu giống nhau cho các đoạn thẳng bằng nhau.

b, so sánh hai đoạn thẳng EF và CD

***HS** hoạt động theo nhóm lớn.

***GV:** yêu cầu học sinh làm [?2].

học sinh đọc yêu cầu ?2 trong sgk- trang 118.

***HS** : hình 42a là thước dây.

hình 42b là thước gấp.

hình 42c là thước xích

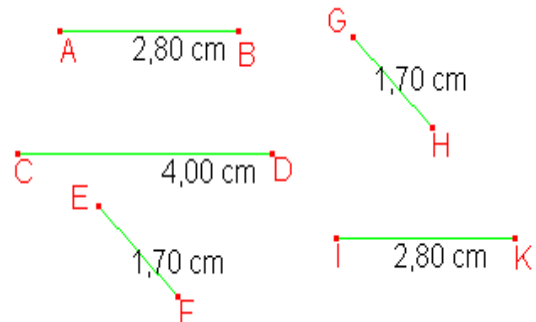
***GV:** - nhận xét.

- yêu cầu học sinh làm [?3].

đoạn thẳng đó.

[?1]

a,



$AB = IK = 2,80 \text{ cm}$;

$GH = EF = 1,70 \text{ cm}$

b, $EF < CD$

[?2].

hình 42a là thước dây.

hình 42b là thước gấp.

hình 42c là thước xích

[?3].

Ta có: $1 \text{ inch} = 25,00 \text{ mm}$

4. củng cố . (10 phút):

hs: thực hành đo độ dài đoạn thẳng cho kết quả. so sánh AB và AC

HS: - đọc đề bài.

- đo.

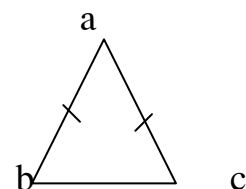
- so sánh.

GV: tính chu vi của hình ABC?

$AB + BC + AC = ?$

* Bài tập 42 (119)

đo: $ab = ac$



* Bài tập 43 (119)

sắp xếp các đoạn thẳng AB, BC, CA trong hình 45 theo thứ tự tăng dần:

$AC < AB < BC$

5. Hướng dẫn học tập ở nhà. (2 phút)

- Học bài cũ: đo độ dài đoạn thẳng.
- Bài tập về nhà: 40, 41, 42, 45 sgk
- Đọc trước bài 8: khi nào thì $AM + MB = AB$?

6. Rút kinh nghiệm giờ dạy

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày dạy: 11/10/2013

Ngày soạn : 08/10/2013

Lớp dạy : 6C, D

Tiết 9 :

§8: KHI NÀO THÌ $AM + MB = AB$?

I. Mục tiêu bài dạy

1. Về kiến thức:

- Hiểu tính chất : Nếu điểm M nằm giữa hai điểm A và B thì $AM + MB = AB$ và ngược lại .
- Nhận biết được một điểm nằm giữa hay không nằm giữa hai điểm khác.

2. Về kỹ năng:

- Bước đầu tập suy luận “ nếu có $a + b = c$, và biết hai số trong ba số a, b, c thì tìm được số còn lại ”

3. Về thái độ và tình cảm:

- Cần thận khi đo các đoạn thẳng và cộng các độ dài.

II. Chuẩn bị

1GV: Thước thẳng, SGK

2.HS: Thước thẳng, SGK

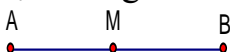
III. Tiến trình dạy học

1. Ổn định tổ chức (1 phút)

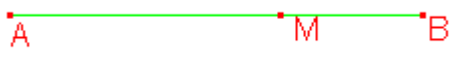
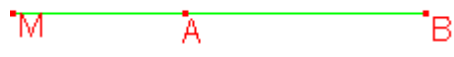
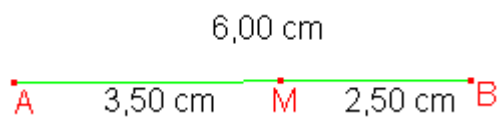
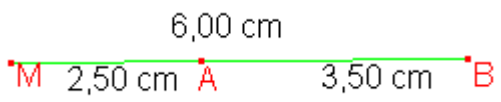
2. Kiểm tra bài cũ - đặt vấn đề vào bài mới. (5 phút)

GV: ? vẽ đoạn thẳng AB bất kì, lấy điểm M nằm giữa A và B. đo AM, MB, AB ?

HS: vẽ



Hoạt động của thầy - của trò	Ghi bảng
hoạt động 1: khi nào thì tổng độ dài hai đoạn thẳng AM và MB bằng tổng độ dài đoạn thẳng AB ?. (15 phút)	1. <u>Khi nào thì tổng độ dài hai đoạn thẳng AM và MB bằng tổng độ dài đoạn thẳng AB ?</u>

<p>GV: yêu cầu học sinh làm ?1.</p> <p>H: Cho điểm M nằm giữa hai điểm A và B.</p>  <p>đo và so sánh : $AM + MB$ với AB ?.</p> <p>HS: $AM = 3,5\text{cm}$; $MB = 2,5\text{cm}$; $AB = 6\text{cm}$ suy ra: $AM + MB = AB$</p> <p>GV: Nếu điểm M nằm ngoài hai điểm A và B .</p>  <p>H: hãy so sánh: $AM + MB$ với AB ?.</p> <p>HS: $AM = 2,5\text{cm}$; $MB = 6\text{cm}$; $AB = 3,5\text{cm}$ suy ra: $AM + MB > AB$</p> <p>GV: vậy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để có $AM + MB = AB$ thì điều kiện của điểm M là gì ? - Nếu điểm M nằm giữa hai điểm A và B của đoạn thẳng AB thì $AM + MB$? AB <p>HS: + điểm M nằm giữa hai điểm A và B của đoạn thẳng AB. + $AM + MB$ = AB</p> <p>GV: nhận xét và khẳng định : nếu điểm M nằm giữa hai điểm A và B thì $AM + MB = AB$. ngược lại, nếu $AM + MB = AB$ thì điểm M nằm giữa hai điểm A và B</p> <p>HS: chú ý nghe giảng và ghi bài.</p> <p>GV: yêu cầu HS đọc ví dụ trong sgk – tr.120</p> <p><u>hoạt động 2: một vài dụng cụ đo khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất. (5 phút):</u></p> <p>GV: yêu cầu một học sinh đọc nội dung của phần này trong sgk trang 120, 121.</p> <p>HS: thực hiện.</p> <p>GV:</p>	<p>Ví dụ: * điểm M nằm giữa hai điểm A và B.</p>  <p>ta có: $AM = 3,5\text{cm}$; $MB = 2,5\text{cm}$; $AB = 6\text{ cm}$ suy ra: $AM + MB = AB$</p> <p>* nếu điểm M nằm ngoài hai điểm A và B.</p>  <p>khi đó: $AM = 2,5\text{ cm}$; $MB = 6\text{ cm}$; $AB = 3,5\text{ cm}$ suy ra: $AM + MB > AB$</p> <p>Nhận xét: Nếu điểm M nằm giữa hai điểm A và B thì $AM + MB = AB$. ngược lại, nếu $AM + MB = AB$ thì điểm M nằm giữa hai điểm A và B.</p> <p>Ví dụ: sgk- tr.120</p> <p>2. Một vài dụng cụ đo khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất.</p> <p>- Để đo khoảng cách hai điểm trên mặt đất, trước hết người ta giống đường thẳng đi qua hai điểm ấy, rồi dùng</p>
--	--

<p>- để đo khoảng cách hai điểm trên mặt đất người ta cần làm gì trước?</p> <p>- nếu khoảng cách hai điểm đó trên mặt đất nhỏ hơn độ dài của thước đo thì đo như thế nào ?.</p> <p>- nếu khoảng cách hai điểm đó trên mặt đất dài hơn độ dài của thước đo thì đo như thế nào ?.</p> <p>HS: trả lời.</p> <p>GV: nhận xét và giới thiệu cho học sinh một số dụng cụ để đo hai điểm trên mặt đất.</p>	<p>thước đo.</p> <p>- Nếu khoảng cách hai điểm đó trên mặt đất nhỏ hơn độ dài của thước đo thì giữ cố định một đầu, rồi căng tới đầu kia.</p> <p>- Nếu khoảng cách hai điểm đó trên mặt đất dài hơn độ dài của thước đo thì đo hết độ dài của thước, rồi đánh dấu điểm trên mặt đất và tiếp tục đo tiếp bắt đầu từ điểm vừa đánh dấu cho tới khi đến điểm cuối cùng cần đo.</p> <p>* một số dụng cụ để đo hai điểm trên mặt đất:</p> <p>thước dây; thước chữ A; thước gấp; thước xích;...</p>
--	---

4. Củng cố, luyện tập. (17 phút):

Bài 46 (sgk – t.121). HS đọc đề bài ?

H. N là một điểm thuộc IK, vậy điểm N nằm ở vị trí nào của đoạn thẳng IK?

HS: N nằm giữa hai điểm I, K

H: vậy ta có điều gì về quan hệ giữa ba đoạn thẳng đó?

HS: ta có $IN + NK = IK$

H. Hãy tính IK theo các đoạn thẳng đã biết?

HS lên bảng thực hiện. HS lớp nhận xét, bổ sung

GV: Nhấn mạnh cách làm.

Bài tập 50 / sgk

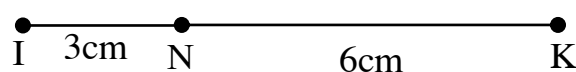
điểm V nằm giữa hai điểm T và A?

Bài tập 51/ sgk

* nhận xét và hoàn thiện vào vở.

GV: Nhấn mạnh cách nhận biết điểm nằm giữa hai điểm còn lại để HS ghi nhớ.

Bài 46 (sgk – t.121)



N là một điểm của đoạn thẳng IK, nên N nằm giữa I và K. Suy ra : $IN + NK = KI$

Mà $IN = 3\text{cm}$; $NK = 6\text{cm}$

Do đó : $IK = 3 + 6 = 9\text{cm}$

Bài 50 (sgk – t.121)

ta có: $TV + VA = TA$

vậy điểm V là điểm nằm giữa hai điểm còn lại.

Bài 51 (sgk – t.122)

ta có $TA + VA = VT$

($1 + 2 = 3\text{ cm}$)

vậy A nằm giữa V và T

5. Hướng dẫn về nhà. (2 phút)

- Học bài theo sgk

- Làm các bài tập 47, 48, 49, 52 sgk.
- Đọc các dụng cụ đo độ dài trên mặt đất.
- Xem trước nội dung bài : **“Vẽ đoạn thẳng cho biết độ dài ”**

Bài tập về nhà : Điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại trong 3 điểm A, B, C?

a. Biết $AB = 4\text{cm}$, $AC = 5\text{cm}$, $BC = 1\text{cm}$

b. Biết $AB = 1,8\text{cm}$, $AC = 5,2\text{ cm}$, $BC = 4\text{cm}$

6. Rút kinh nghiệm giờ dạy

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày dạy: 18/10/2013

Ngày soạn : 15/10/2013

Lớp dạy : 6C, D

Tiết 10 : §9: VẼ ĐOẠN THẲNG CHO BIẾT ĐỘ DÀI

A. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS nắm được:

“trên tia Ox, có một và chỉ một M sao cho $OM = m$ (đơn vị dài) ($m > 0$)”.

2. Kỹ năng:

- Biết cách vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước.

3. Thái độ:

- Cần thận trọng khi vẽ và đo các đoạn thẳng và khi cộng các độ dài.

B. CHUẨN BỊ

1. GV: SGK, thước thẳng, compa

2. HS: SGK, thước thẳng, compa

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

1. Cho ba điểm A, B, C thẳng hàng, hỏi điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại nếu



a) $AC + CB = AB$

b) $AB + BC = AC$

c) $BA + AC = BC$

2. Cho điểm M thuộc đoạn thẳng PQ biết $PM = 2$ cm ; $MQ = 3$ cm . Tính PQ ?

3. Bài mới:

<i>Hoạt động của thầy - của trò</i>	<i>Ghi bảng</i>
<p><u>hoạt động 1: vẽ đoạn thẳng trên tia. (15 phút)</u></p> <p>*GV: - đoạn thẳng AB là gì ? - độ dài đoạn thẳng AB là gì ?</p> <p>*HS: trả lời.</p> <p>*GV: cùng học sinh làm ví dụ 1. trên tia Ox, vẽ đoạn thẳng OM có độ dài bằng 2 cm.</p>  <p>làm mẫu: - đặt thước trên tia Ox sao cho vạch số 0 của thước trùng với vị trí điểm O trên tia Ox. - vạch số 2 chỉ đến vị trí nào của tia Ox thì đó là vị trí của điểm M. khi đó đoạn</p>	<p>1. <u>Vẽ đoạn thẳng trên tia.</u> <u>ví dụ 1:</u> trên tia Ox, vẽ đoạn thẳng OM có độ dài bằng 2 cm.</p>  <p><u>Cách vẽ:</u> - đặt thước trên tia Ox sao cho vạch số 0 của thước trùng với vị trí điểm O trên tia Ox. - vạch số 2 chỉ đến vị trí nào của tia Ox thì đó là vị trí của điểm M. khi đó đoạn thẳng OM bằng 2 cm đã được vẽ trên tia Ox</p>

thẳng Om bằng 2 cm đã được vẽ trên tia



***HS:** chú ý và thực hiện theo trên giấy nháp.

***GV:** yêu cầu học sinh vẽ một đoạn thẳng Om có độ dài 5 cm.

***HS:** - một học sinh lên bảng trình bày.
- học sinh dưới lớp là và nhận xét.

***GV:** trên tia Ox ta có thể vẽ được bao nhiêu điểm M để $OM = 2$ cm.

***HS:** trên tia Ox ta vẽ được một và chỉ một điểm M để $OM = 2$ cm.

***GV:** nhận xét

Nếu cho $OM = a$ (đơn vị độ dài) thì có thể xác định được bao nhiêu điểm M trên tia Ox ?

HS: trả lời.

***GV:** nhận xét và khẳng định : *trên tia Ox bao giờ cũng vẽ được một và chỉ một điểm M sao cho $OM = a$ (đơn vị độ dài).*

***HS:** chú ý nghe giảng và ghi bài.

***GV:** yêu cầu hs làm ví dụ 2:

cho đoạn thẳng AB. Hãy vẽ đoạn thẳng CD sao cho $DC = AB$



***HS:** hoạt động theo cá nhân.

- dùng thước đo đoạn thẳng AB, rồi đánh dấu lên trên thước.

- đặt thước lên tia Cy với C trùng với điểm A, điểm đánh dấu chỉ đến vị trí nào trên tia Cy thì đó là vị trí của điểm D. khi đó đoạn thẳng CD đã được vẽ.

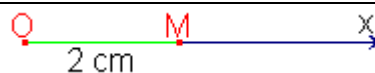


***GV:** - nhận xét.

- giáo viên hướng dẫn cách dùng compa.

***HS:** chú ý thực hiện theo và quan sát trong sách trang 123.

Hoạt động 2: vẽ hai đoạn thẳng trên tia.



*** nhận xét :**

trên tia Ox bao giờ cũng vẽ được một và chỉ một điểm M sao cho $OM = a$ (đơn vị độ dài).

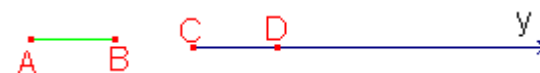
Ví dụ 2.

cho đoạn thẳng AB. hãy vẽ đoạn thẳng CD sao cho $CD = AB$.

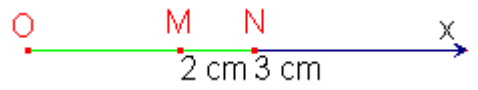
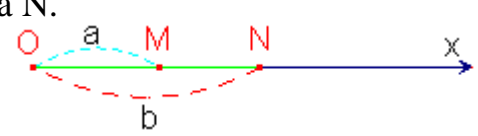

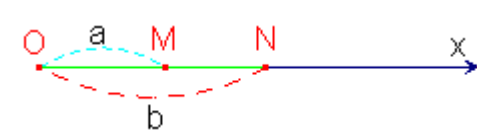


Cách vẽ:

- dùng compa đo đoạn thẳng AB. đặt compa sao cho mũi nhọn trùng với điểm A, mũi kia trùng với điểm B sau đó: giữ độ mở của compa không đổi, đặt compa sao cho mũi nhọn trùng với điểm C, mũi nhọn còn lại nằm trên tia Cy cho ta điểm D khi đó đoạn thẳng CD đã được vẽ



2. Vẽ hai đoạn thẳng trên tia

<p>(15 phút):</p> <p>*GV: yêu cầu HS làm ví dụ: trên tia Ox, hãy vẽ hai đoạn thẳng OM và ON biết $OM = 2\text{ cm}$, $ON = 3\text{ cm}$. trong ba điểm O, M, N, điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại ?</p> <p>*HS: một học sinh lên bảng thực hiện.</p>  <p>do đó: điểm m nằm giữa hai điểm O và N trên tia Ox.</p> <p>*gv: nhận xét. giả sử trên tia Ox có $OM = a$, $ON = b$, nếu $0 < a < b$ thì điểm M nằm giữa hai điểm O và N.</p>  <p>*HS: chú ý nghe giảng và ghi bài. *gv: tương với câu hỏi trên nếu $ON = 2\text{ cm}$. *HS: thực hiện</p>	<p>ví dụ: trên tia Ox, hãy vẽ hai đoạn thẳng OM và ON biết $OM = 2\text{ cm}$, $ON = 3\text{ cm}$. trong ba điểm O, M, N, điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại ?</p> <p>giải:</p>  <p>do đó: điểm M nằm giữa hai điểm O và N trên tia Ox.</p> <p>*nhận xét: giả sử trên tia Ox có $OM = a$, $ON = b$, nếu: $0 < a < b$ thì điểm m nằm giữa hai điểm O và N.</p> 
--	---

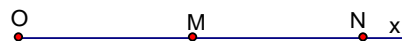
4. Củng cố:

Bài 58 (Sgk /124)



- vẽ tia Ax, trên tia Ax vẽ B sao cho $AB = 3,5\text{ cm}$

Bài 53 (Sgk /124)



vì $OM < ON$ nên M nằm giữa O và N, ta có: $OM + MN = ON$

thay $OM = 3\text{ cm}$, $ON = 6\text{ cm}$ ta có: $3 + MN = 6$

$$MN = 6 - 3$$

$$MN = 3\text{ cm}$$

vậy: $OM = MN (= 3\text{ cm})$

Bài 54 (Sgk /124)



vì $OA < AB$ nên A nằm giữa O và B, suy ra : $OA + AB = OB$

thay $OA = 2 \text{ cm}$, $OB = 5 \text{ cm}$.

ta có: $2 + AB = 5$ suy ra : $AB = 3 \text{ cm}$

tương tự ta tính được: $BC = 3 \text{ cm}$. Vậy: $AB = BC (= 3 \text{ cm})$

5. Hướng dẫn học sinh học ở nhà :

- Làm bài tập 55, 56, 57 sgk trang 124
- Chuẩn bị trước bài “ Trung điểm của đoạn thẳng”

6. Rút kinh nghiệm giờ dạy

Ngày dạy: 25/10/2013

Ngày soạn : 22/10/2013

Lớp dạy : 6C, D

Tiết 11 :

§10 : TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG

A. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- + Biết khái niệm trung điểm của một đoạn thẳng

2. Kỹ năng:

- + biết vẽ trung điểm của đoạn thẳng

3. Thái độ:

- + có ý thức đo vẽ cẩn thận chính xác

B. CHUẨN BỊ :

1.GV: compa, thước thẳng, sợi dây, thanh gỗ.

2.HS: compa, thước thẳng

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

Phương pháp vấn đáp, phát hiện và giải quyết vấn đề, hợp tác theo nhóm nhỏ, luyện tập và thực hành.

D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

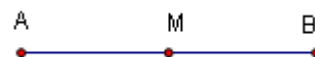
Trên tia Ox hãy vẽ đoạn thẳng $AM = 3 \text{ cm}$ và $AB = 6 \text{ cm}$. Trong ba điểm A, B, M điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại ? Vì sao ? Hãy so sánh AM và MB ?

HS: ta có:

$AM = 3 \text{ cm}$, $AB = 6 \text{ cm}$. suy ra $AM < AB$.

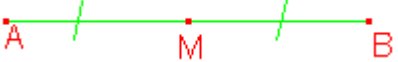
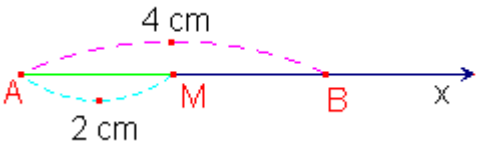

Vậy điểm M nằm giữa hai điểm còn lại. ta có $AM = MB$

*đặt vấn đề:



Tại vị trí nào của cân để hai đĩa cân ở vị trí cân bằng?. biết rằng khối lượng ở hai đĩa cân bằng nhau.

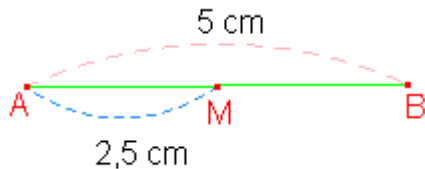
3. Bài mới:

Hoạt động của thầy - của trò	Ghi bảng
<p><u>hoạt động 1: trung điểm của đoạn thẳng.</u> (10 phút)</p> <p>*GV: a, vẽ hai đoạn thẳng AM và AB lên trên tia Ox, biết rằng $AM = 2\text{ cm}$, $AB = 4\text{ cm}$. b, có nhận xét gì về điểm M so với hai điểm A; B.</p> <p>*HS: vẽ hai đoạn thẳng và nhận xét. ta thấy vị trí của điểm M cách đều hai điểm A và B.</p> <p>*GV: nhận xét và yêu cầu học sinh quan sát hình 61 (sgk – trang 124).</p>  <p>*HS: học sinh quan sát và cho nhận xét.</p> <p>*GV: *giới thiệu: qua hai ví dụ trên, ta thấy điểm M nằm giữa và chia đều đoạn thẳng AB thành hai đoạn thẳng bằng nhau. khi đó người ta nói điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB.</p> <p>Vậy: trung điểm của một đoạn thẳng là gì ?</p> <p>*HS: trả lời câu hỏi.</p> <p><u>chú ý:</u> trung điểm của đoạn thẳng AB còn gọi là điểm chính giữa của đoạn thẳng AB.</p> <p>*HS: chú ý nghe giảng và ghi bài, nhắc lại khái niệm trung điểm của đoạn thẳng là gì?</p> <p><u>hoạt động 2: cách vẽ trung điểm của đoạn thẳng</u> (15 phút)</p> <p>GV: yêu cầu hs đọc ví dụ (Sgk /125). đoạn thẳng AB có độ dài 5 cm. hãy vẽ trung điểm M của đoạn thẳng ấy. - nếu M là trung điểm của AB thì $AM = ?AB$.</p> <p>*HS: một hs lên bảng trình bày. do M là trung điểm của AB nên ta có : $MA = MB$.</p>	<p>1. <u>Trung điểm của đoạn thẳng.</u></p> <p><u>ví dụ:</u></p>  <p>và</p>  <p>ta thấy vị trí của điểm M cách đều hai điểm A và B.</p> <p>vậy: trung điểm của đoạn thẳng AB là điểm nằm giữa A, B và cách đều A, B ($MA = MB$).</p> <p><u>chú ý:</u> trung điểm của đoạn thẳng AB còn gọi là điểm chính giữa của đoạn thẳng AB.</p> <p>2. <u>Cách vẽ trung điểm của đoạn thẳng.</u></p> <p><u>Ví dụ:</u> (Sgk /125)</p> <p>do M là trung điểm của AB nên: $MA = MB$. mặt khác: $AM + MB = AB$ suy ra:</p>

mặt khác: $AM + MB = AB$.

suy ra: $MA = MB = \frac{AB}{2} = \frac{5}{2} = 2,5(\text{cm})$

cách 1 : trên tia AB, vẽ điểm M sao cho $AM = 2,5 \text{ cm}$.



***gv:** - nhận xét.

- yêu cầu học sinh quan sát cách 2 (sgk – tr.125) và GV hướng dẫn cách làm.

vẽ đoạn thẳng AB trên giấy trắng, gấp giấy sao cho điểm B trùng vào điểm A. nếp gấp cắt đoạn thẳng AB tại trung điểm M cần xác định.

***HS:** chú ý nghe giảng và làm theo GV.

***GV:** yêu cầu học sinh làm ?

nếu dùng một sợi dây để chia một thanh gỗ thẳng thành hai phần dài bằng nhau thì làm thế nào ?

***HS:** hoạt động cá nhân trả lời.

hs diễn tả m là trung điểm của ab:

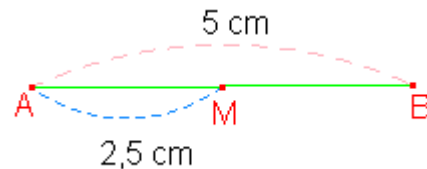
M là trung điểm của AB \Leftrightarrow

$$\begin{cases} MA + MB = AB \\ MA = MB \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} MA = MA = \frac{AB}{2} \end{cases}$$

$$MA = MB = \frac{AB}{2} = \frac{5}{2} = 2,5(\text{cm}).$$

Cách 1:

trên tia ab, vẽ điểm M sao cho $AM = 2,5 \text{ cm}$.



Cách 2: (Sgk /125).

?

ta dùng sợi dây căng tới hai đầu của thanh gỗ đó, rồi gấp đôi đoạn dây vừa đo đó. gấp xong ta lấy đoạn gấp đôi, đặt một đầu trùng với mép thanh gỗ, đầu dây còn lại là chỉ vị trí trung điểm của thanh gỗ. đó là điểm chia thanh gỗ thành hai phần bằng nhau

4. Củng cố:

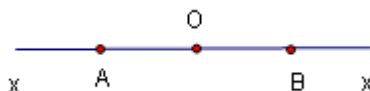
Bài 60. (Sgk /126)



a. A nằm giữa O và B

b. $OA = AB (= 2 \text{ cm})$

c. điểm A là trung điểm của OB vì A nằm giữa O, B (theo a), và cách đều O, B (theo Bài 61(Sgk /126)



O là trung điểm của AB vì thỏa mãn cả hai điều kiện là

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài theo sgk

- Làm các bài tập 62, 65 sgk
- Ôn tập kiến thức của chương theo hướng dẫn ôn tập trang 126, 127 ...

6. Rút kinh nghiệm giờ dạy

.....

.....

Ngày dạy: 01/11/2013
Lớp dạy : 6C, D

Ngày soạn : 28/11/2013

Tiết 12:

ÔN TẬP CHƯƠNG I

A.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

-HS được hệ thống hoá các kiến thức về điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng.

2. Kỹ năng:

-Sử dụng thành thạo thước thẳng, thước có chia khoảng, compa để đo, vẽ đoạn thẳng.

3. Thái độ:

-Bước đầu tập suy luận đơn giản.

B.CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG

1.GV: thước, compa, bảng phụ.

2.HS : thước, compa.

C.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức:

2.Kiểm tra bài cũ:

GV: M là trung điểm của đoạn thẳng AB khi nào ?

$$\text{HS: M là trung điểm của AB} \Leftrightarrow \begin{cases} MA + MB = AB \\ MA = MB \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} MA = MB = \frac{AB}{2} \end{cases}$$

3.Bài giảng:

Hoạt động của thầy - của trò	Ghi bảng
<p><u>hoạt động 1: ôn tập lý thuyết. (15 phút)</u></p> <p>GV: treo bảng phụ:</p> <p>mỗi hình trong bảng phụ sau đã cho biết kiến thức gì?</p>	<p>I. Lý thuyết</p> <p>1. đọc hình.</p> <div style="display: flex; flex-wrap: wrap;"> <div style="width: 33%;"> <p>1/ </p> </div> <div style="width: 33%;"> <p>2/ </p> </div> <div style="width: 33%;"> <p>3/ </p> </div> <div style="width: 33%;"> <p>4/ </p> </div> <div style="width: 33%;"> <p>5/ </p> </div> <div style="width: 33%;"> <p>6/ </p> </div> </div>

<p>HS: - quan sát các hình vẽ. - trả lời miệng:</p> <p>GV: trên bảng này thể hiện nội dung các kiến thức đó học của chương. nhấn mạnh: biết đọc hình vẽ một cách chính xác là một việc rất quan trọng.</p> <p>GV: nêu đề bài; củng cố cho hs kiến thức qua sử dụng ngôn ngữ.</p> <p>GV: yêu cầu hs đọc các mệnh đề toán, để tiếp tục điền vào chỗ trống.</p> <p>HS: dùng phân màu điền vào chỗ trống.</p> <p>HS: cả lớp kiểm tra, sửa sai nếu cần.</p> <p>GV: trên đây toàn bộ nội dung các tính chất phải học (sgk-127).</p> <p>HS: đọc lại toàn bộ bài.</p> <p>GV: nêu đề bài</p> <p>GV: yêu cầu hs đọc nội dung chỉ ra các mệnh đề đúng (đ), sai (s).</p> <p>HS: trả lời miệng:</p> <p>GV: yêu cầu HS trình bày lại cho đúng với những câu sai (a, c, f).</p> <p>HS: suy nghĩ - trả lời.</p> <p>gv: trong các câu đó cho là một số định nghĩa - tính chất quan hệ của một số hình. về nhà hệ thống từng thể loại:</p>	<p>2. Điền vào chỗ trống</p> <p>a) trong 3 điểm thẳng hàng <i>.có 1 và chỉ 1 điểm</i> nằm giữa 2 điểm còn lại.</p> <p>b) có 1 và chỉ 1 đường thẳng đi qua <i>2 điểm phân biệt</i>.</p> <p>c) mỗi điểm trên 1 đường thẳng là <i>gốc chung</i> của 2 tia đối nhau.</p> <p>d) nếu <i>M nằm giữa A và B</i> thì $AM + MB = AB$.</p> <p>e) nếu $MA = MB = \frac{AB}{2}$ thì M <i>là trung điểm của A và B</i>.....</p> <p>3. Đúng ? Sai ?</p> <p>a) Đoạn thẳng AB là hình gồm các điểm nằm giữa A và B. (s)</p> <p>b) Nếu M là trung điểm của đoạn thẳng AB thì M cách đều 2 điểm A và B. (đ)</p> <p>c) Trung điểm của đoạn thẳng AB là điểm cách đều A và B. (s)</p> <p>d) Hai tia phân biệt là 2 tia không có điểm chung. (s)</p> <p>e) Hai tia đối nhau cùng nằm trên một đường thẳng. (đ)</p> <p>f) Hai tia cùng nằm trên một đường thẳng thì đối nhau. (s)</p> <p>g) Hai đường thẳng phân biệt thì hoặc cắt nhau hoặc song song. (đ)</p>
--	--

định nghĩa - tính chất - các quan hệ ...
GV nêu tóm tắt lý thuyết cơ bản của chương I

Hoạt động 2: luyện tập kỹ năng vẽ hình, lập luận. (20 phút):

GV:- nêu đề bài

- gọi 1 hs lên bảng vẽ hình

HS: lên bảng vẽ hình.

hs dưới lớp vẽ vào vở.

GV: theo dõi, nhận xét, sửa chữa sai sót (nếu có).

GV: trên hình có bao nhiêu đoạn thẳng? kể tên?

HS: trả lời.

GV: có cặp 3 điểm nào thẳng hàng? vì sao?

HS: trả lời.

GV: chốt lại: vẽ hình một cách chính xác, khoa học rất cần thiết đối với người học hình.

HS: đọc đề bài - vẽ hình.

GV: trong 3 điểm A, M, B điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại? vì sao?

HS: suy nghĩ trả lời.

GV: tính MB?

GV: lưu ý hs lập luận theo mẫu:

- nêu điểm nằm giữa.
- nêu hệ thức đoạn thẳng.
- thay số để tính.

M có là trung điểm của AB không? vì sao?

HS: trả lời.

GV: yêu cầu HS nêu đề bài 6 sgk.

Bài toán cho biết gì? yêu cầu gì?
vẽ hình?

HS: trả lời miệng

2. Bài tập

Bài 4

cho 2 tia phân biệt không đối nhau Ox và Oy.

- vẽ đường thẳng aa' cắt 2 tia đó tại A, B khác O.

- vẽ điểm M nằm giữa 2 điểm A, B.

- vẽ tia OM.

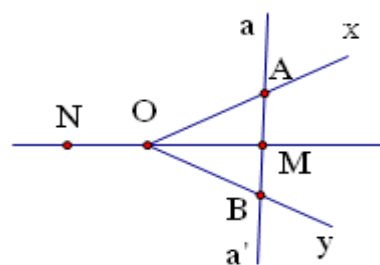
- vẽ tia ON là tia đối của tia OM.

a) chỉ ra những đoạn thẳng trên hình?

b) chỉ ra 3 điểm thẳng hàng trên hình?

Giải:

a



a) các đoạn thẳng trên hình vẽ:

ON, OM, MN, OA, OB, AM, BM, AB

b) các điểm N, O, M thẳng hàng

các điểm A, M, B thẳng hàng

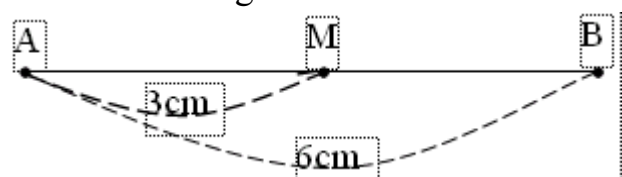
Bài 5 (127/Sgk)

giải

a) trên tia AB có 2 điểm M và B thỏa mãn

$AM < AB$ (vì $3\text{ cm} < 6\text{ cm}$)

nên M nằm giữa A và B



b) vì M nằm giữa A và B

nên $AM + MB = AB$ (1)

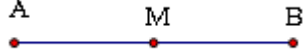
thay $AM = 3\text{ cm}$; $AB = 6\text{ cm}$ vào (1)

ta được: $3\text{ (cm)} + MB = 6\text{ (cm)}$

$\Rightarrow MB = 6 - 3 = 3\text{ (cm)}$

Vậy $AM = MB (= 3\text{ cm})$

c) M là trung điểm của AB thì M nằm giữa A và B (câu a) và $MA = MB$ (câu b).

<p>lên bảng vẽ hình</p> <p>GV: nêu cách giải</p> <p>HS: trình bày cách giải</p> <p>GV: trên hình có bao nhiêu đoạn thẳng? kể tên?</p> <p>HS: trả lời.</p> <p>GV: có cặp 3 điểm nào thẳng hàng? vì sao?</p> <p>HS: trả lời.</p> <p>GV: chốt lại: vẽ hình một cách chính xác, khoa học rất cần thiết đối với người học hình.</p> <p>HS: đọc đề bài - vẽ hình.</p> <p>GV: trong 3 điểm A, M, B điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại? vì sao?</p> <p>HS: suy nghĩ trả lời.</p> <p>GV: tính MB?</p> <p>GV: lưu ý hs lập luận theo mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - nêu điểm nằm giữa. - nêu hệ thức đoạn thẳng. - thay số để tính. <p>M có là trung điểm của AB không? vì sao?</p> <p>HS: trả lời.</p> <p>GV: yêu cầu HS nêu đề bài 6 sgk.</p> <p>Bài toán cho biết gì ? yêu cầu gì ? vẽ hình ?</p> <p>HS: trả lời miệng</p> <p>lên bảng vẽ hình</p> <p>GV: nêu cách giải</p> <p>HS: trình bày cách giải</p> <p><u>kết luận:</u> gv nêu lý thuyết cơ bản vận dụng vào giải bài tập</p>	<p>Bài 6 (127 /Sgk)</p>  <p>a) ta có $AM = 3\text{cm}$; $AB = 6\text{cm}$ $\Rightarrow AM < AB$. Vậy điểm M nằm giữa hai điểm A và B.</p> <p>b) Vì điểm M nằm giữa hai điểm A và B, ta có: $AM + MB = AB$ $3 + MB = 6$ $MB = 3 \text{ (cm)}$ vậy $AM = MB = 3\text{cm}$</p> <p>c) Có : $AM + MB = AB$ và $AM = MB$. vậy điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB</p>
--	---

4. Củng cố:

Câu 1: Câu nào sau đây sai ?

(1) MA và MN là hai tia đối nhau

(2) Điểm M nằm giữa hai điểm A và N.

(3) $AM + AN = MN$

A.(1)

B.(2)

C.(3)

D.Không có câu nào đúng

Câu 2 : Gọi I là trung điểm MN, Độ dài đoạn thẳng AI là thì

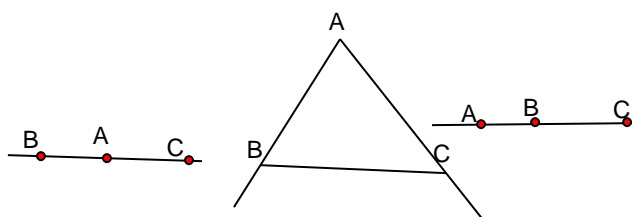
A.1cm

B.1cm

C.1cm

D.1cm

Câu 3 :



Cho hình vẽ hãy chỉ ra các tia AB và AC có chung gốc

A.Hình 1

B.Hình 2

C.Hình 1 và 3

D.Cả 3 hình trên

5.Hướng dẫn học tập ở nhà.

- về học toàn bộ lý thuyết trong chương.
- tập vẽ hình, kí hiệu hình cho đúng.
- xem lại các bài tập về khi nào $AM + MB = AB$ và trung điểm của một đoạn thẳng.
- BTVN: 3, 7(127/Sgk) - Tiết sau tiếp tục ôn tập chương.

6. Rút kinh nghiệm giờ dạy

.....

.....

Ngày dạy: 08/11/2013

Ngày soạn : 08/11/2013

Lớp dạy : 6C, D

Tiết 13:

ÔN TẬP CHƯƠNG I

A.MỤC TIÊU:

1. kiến thức:

-HS được hệ thống hoá các kiến thức về điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng.

2. kỹ năng:

-Sử dụng thành thạo thước thẳng, thước có chia khoảng, compa để đo, vẽ đoạn thẳng.

3. thái độ:

-Bước đầu tập suy luận đơn giản.

B.CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG

1.GV: thước, compa, bảng phụ.

2.HS : thước, compa.

C.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức: (1 phút)

2.Kiểm tra bài cũ: (5 phút)

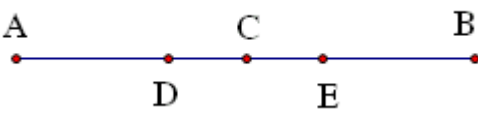
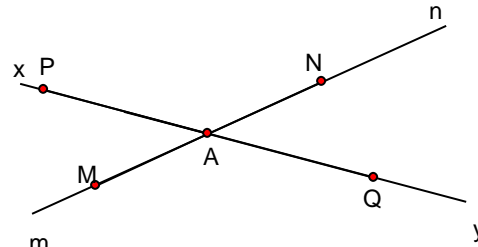
Điền dấu "x" vào ô thích hợp.

STT	Nội dung	đúng	sai
1	Nếu $AM + MB = AB$ thì ba điểm A, M, B thẳng hàng		
2	Nếu M là trung điểm của đoạn thẳng CD thì M nằm giữa hai điểm C và D		
3	Đoạn thẳng PQ là hình gồm tất cả các điểm nằm giữa hai điểm P và Q		
4	Trên tia Ox, nếu có hai điểm A và B sao cho $OA < OB$ thì điểm A nằm giữa hai điểm O và B.		

Điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh một phát biểu đúng .

- a) Hai tia chung gốc Ox, Oy và tạo thànhđược gọi là hai tia
- b) Nếu điểm N được gọi là trung điểm của đoạn thẳng CD của đoạn thẳng thì điểm N hai điểm và đầu đoạn thẳng

3.Bài mới:

Hoạt động của thầy - của trò	Ghi bảng
<p>Bài tập:</p>  <p>GV: C là trung điểm của AB ta có suy ra hệ thức nào ?</p> <p>HS: $CA = CB = \frac{AB}{2}$</p> <p>GV: $AD < AC$; $BE < BC$ ta có điều gì ? C là trung điểm của DE vì sao ?</p> <p>HS: trả lời miệng</p> <p>Bài tập2: Hai đường thẳng xy và mn cắt nhau tại A . lấy điểm P thuộc tia Ax, điểm Q thuộc tia Ay sao cho $AP = AQ = 2\text{cm}$. trên tia Am, lấy điểm M sao cho $AM = 3\text{cm}$; trên tia An lấy điểm N sao cho $AN = 4\text{cm}$.</p> <p>a) vẽ hình theo đề bài trên</p> <p>b) Hãy ghi tên hai cặp tia gốc A đối nhau .</p> <p>c) Cho biết điểm A nằm giữa những cặp điểm nào ?</p> <p>d) Tính độ dài đoạn thẳng MN .</p> <p>e) Giải thích vì sao A là trung điểm của</p>	<p>Vì C là trung điểm của AB nên:</p> $CA = CB = \frac{AB}{2} = \frac{6}{2} = 3 \text{ (cm)}$ <p>trên tia AB, $AD < AC$ ($2 \text{ cm} < 3 \text{ cm}$) nên D nằm giữa A và C $\Rightarrow DC = 1 \text{ (cm)}$. + tương tự, trên tia BA, vẽ $BE < BC$ ($2 \text{ cm} < 3 \text{ cm}$) nên điểm E nằm giữa 2 điểm B và C, suy ra: $CE = 1 \text{ cm}$ + điểm C nằm giữa 2 điểm D, E v $CD = CE$ (cùng bằng 1 cm). Vậy C là trung điểm của DE.</p> <p>Bài tập 2:</p> <p>a)</p>  <p>b) Hai cặp tia đối nhau gốc A: AM và AN; c) Điểm A nằm giữa M; N và P; Q d) $MN = ?$ Ta có: $MA + AN = MN$ (A nằm giữa N; M)</p>

PQ.	<p>Mà: $AM = 3\text{cm}$ và $AN = 4\text{cm}$. $\Rightarrow 3 + 4 = MN$ Vậy $MN = 7\text{ cm}$ e) A là trung điểm của PQ vì A nằm giữa và $AP = AQ = 2\text{ cm}$</p>
-----	---

4. Kiểm tra 15 phút:

Đề bài:

I. Trắc nghiệm khách quan: (5 đ)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Cần bao nhiêu điểm để vẽ được một đường thẳng?

- A. Một điểm B. Hai điểm C. Ba điểm D. Bốn điểm

Câu 2: Cho đường thẳng d và ba điểm A, B, C. Ba điểm A, B, C thẳng hàng khi:

- A. $A \in d, B \in d, C \notin d$ B. $A \in d, B \notin d, C \in d$ C. $A \notin d, B \in d, C \in d$ D. $A \in d, B \in d, C \in d$

Câu 3: Hai đường thẳng cắt nhau là hai đường thẳng:

- A. không có điểm chung. B. có một điểm chung.
C. có hai điểm chung. D. có vô số điểm chung.

Câu 4: Trên tia Ox lấy điểm A, trên tia đối của tia Ox lấy điểm B. Kết luận nào sau đây là sai?

- A. Điểm O nằm giữa A và B. B. Điểm A nằm giữa O và B.
C. O, A, B thẳng hàng. D. A, B nằm khác phía đối với điểm O.

Câu 5: I là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu:

- A. Điểm I nằm giữa A và B. B. Điểm I cách đều hai điểm A và B.
C. $AI + IB = AB$ và $IA = IB$ D. $AI + IB = AB$ hoặc $IA = IB$

II. Tự luận: (5 đ)

Câu 1: Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 3\text{ cm}$, $OB = 6\text{ cm}$.

- a) Chứng tỏ rằng A là trung điểm của đoạn thẳng OB.
b) Lấy điểm M thuộc tia đối của BA ($M \neq B$). Hãy so sánh MA với trung bình cộng của hai đoạn thẳng MB và MO.

5. Hướng dẫn học tập ở nhà. (5 phút)

- Về học toàn bộ lí thuyết trong chương.
- Tập vẽ hình, kí hiệu hình cho đúng.
- Xem lại các bài tập về khi nào $AM + MB = AB$ và trung điểm của một đoạn thẳng.
- BTVN: 3, 7(127/Sgk) - Tiết sau kiểm tra 45 phút.

6. Rút kinh nghiệm giờ dạy

.....

.....

Ngày dạy: 05/12/2013
Lớp dạy : 6B

Ngày soạn : 12/11/2013

Tiết 14 : KIỂM TRA CHƯƠNG I

A.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

- Kiểm tra nhận biết của HS về điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng.
- Sử dụng dụng cụ vẽ hình theo yêu cầu và suy luận tính toán, bài toán có liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng.

2.Kĩ năng:

- Kiểm tra kĩ năng vẽ hình, khả năng tư duy, lập luận logic.

3.Thái độ:

- Rèn tính cẩn thận, chính xác.

B. MA TRẬN

<div>Mức độ</div> <div>Nội dung</div>	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng
1.Điểm. Đường thẳng.	1 (0.5)	1 (0.5)	1 (1.0)	3 (2.0)
2. Tia. Đoạn thẳng. Trung điểm của đoạn thẳng	2 (1.0)	2 (2.0)	3 (5.0)	6 (8.0)
Tổng	3 (1.5)	2 (2.5)	4 (6.0)	9 (10)

C. ĐỀ KIỂM TRA

Bài 1: (4 đ)

- Vẽ 5 điểm A, B, C, D, E sao cho ba điểm A, B, C thẳng hàng, ba điểm B, C, D thẳng hàng, còn ba điểm B, C, E không thẳng hàng.
- Kẻ các đường thẳng đi qua các cặp điểm đó. Có bao nhiêu đường thẳng? Kể tên các đường thẳng đó.
- Kể tên các tia gốc C. Trong các tia đó hãy kể tên các tia đối nhau, các tia trùng nhau.
- Có bao nhiêu đoạn thẳng? Kể tên các đoạn thẳng đó.

Bài 2 (4 đ)

Cho đoạn thẳng AB bằng 5cm. Trên tia AB lấy điểm E sao cho $AE = 2,5$ cm.

- Điểm E có nằm giữa A và B không? Vì sao?
- So sánh AE và BE.
- Điểm E có là trung điểm của AB không?

Bài 3 (2 đ)

- Trên tia Ox lấy hai điểm I và K sao cho: $OI = 4$ (cm), $OK = a$ (cm). Tính khoảng cách IK?
- Cho đoạn thẳng AB và trung điểm I của nó. C là một điểm thuộc đường thẳng AB nhưng không trùng với A và B. Tính khoảng cách IC theo CA và CB.

D. ĐÁP ÁN - BIỂU ĐIỂM

Bài 1:

- Vẽ đúng hình được (1 đ)
- Vẽ đúng các đường thẳng, kể tên 5 đường thẳng là :EA, EB, EC, ED và AD : (1đ)
- Các tia gốc C là : CA, CB, CD, CE

- Các tia đối nhau là : CA và CD hoặc CB và CD

- Các tia trùng nhau là : CA và CB

(1đ)

d) Kể tên 10 đoạn thẳng : AB, AC, AD, BC, BD, CD, AE, BE, CE, DE. (1đ)

Bài 2 :

Vẽ đúng hình được : 0.5đ

a) Có điểm E, B thuộc tia AB

mà $AE < AB$ ($2,5 < 5$)

Suy ra điểm E nằm giữa hai điểm A và B. (1đ)

b) Tính được $BE = 2,5$ cm (0.5đ)

So sánh : $AE = BE$ ($= 2,5$ cm) (0.5đ)

c) Điểm E có là trung điểm của AB vì :

- E nằm giữa A và B (theo câu a)

và $AE = BE$ (theo câu b)

Bài 3:

1) Chia được 3 trường hợp sau và vẽ được hình: (1đ)

- TH1 : $a < 4$ thì $IK = 4 - a$ (cm)

- TH2 : $a = 4$ thì $IK = 0$

- TH3 : $a > 4$ thì $IK = a - 4$ (cm)

2) Đặt : $CA = a$, $CB = b$

Chia được 4 trường hợp và vẽ được hình :

- TH1 : C nằm giữa A và I thì : $IC = (b - a) : 2$

- TH2 : C nằm giữa B và I thì : $IC = (a-b) : 2$

- TH3: A nằm giữa C và I thì : $IC = (a+b) : 2$

- TH4: B nằm giữa C và I thì : $IC = (a+b) : 2$ (1 đ)

E. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Làm lại bài kiểm tra.

- Làm bài kiểm tra trong vở luyện tập. Từ tuần sau học 4 tiết số hết KHI.

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan: (2 đ)

Hãy chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng.

Câu 1: Cho hình 1. Cách viết nào sau đây là **đúng**?

A: $M \in a$, $P \in a$

C: $M \notin a$, $P \in a$

B: $M \notin a$, $P \notin a$

D: $M \in a$, $P \notin a$

Hình 1

Câu 2: Trong các trường hợp sau, trường hợp nào thì 3 điểm A, B, C thẳng hàng.

A: $AB = 3,1$ cm, $BC = 2,9$ cm, $AC = 5$ cm

B: $AB = 3,1$ cm, $BC = 2,9$ cm, $AC = 7$ cm

C: $AB = 3,1$ cm, $BC = 2,9$ cm, $AC = 6$ cm

D: $AB = 3,1$ cm, $BC = 2,9$ cm, $AC = 5,8$ cm

Câu 3: Cho hình 2. Chọn đáp án sai ?

A: Tia MN và tia MP, MQ trùng nhau.

B: Tia MN và tia NP đối nhau.

C: Tia PM và tia PQ đối nhau.

D: Tia NQ và tia NP trùng nhau.



Hình 2

Câu 4: Cho hai đường thẳng c và d cắt nhau tại O , lấy điểm M, N thuộc c sao cho đoạn thẳng MN không cắt d , lấy điểm P, Q thuộc d sao cho đoạn thẳng PQ cắt c tại O . Khi đó trên hình vẽ có số đoạn thẳng là:

A: 4

B: 6

C: 8

D: 10

Câu 5: Cho năm điểm trong đó không có ba điểm nào thẳng hàng. Số đường thẳng vẽ được là:

A: 8

B: 10

C: 5

D: 2

Câu 6: Cho đoạn thẳng $AB = 5$ cm. Lấy điểm O nằm giữa A và B , điểm I nằm giữa O và B sao cho $AO = 2$ cm, $BI = 2$ cm. Khi đó độ dài đoạn thẳng OI bằng:

A: 1 cm

B: 2 cm

C: 3 cm

D: 4 cm

Câu 7: Điểm N là trung điểm của đoạn thẳng AB khi:

A: Điểm N nằm giữa 2 điểm A và B

B: $AN + NB = AB$ và $AN = NB$

C: Điểm N cách đều hai điểm A và B

D: $AN + NB = AB$ hoặc $AN = NB$

Câu 8: Cho đoạn thẳng $AB = 10$ cm. M là trung điểm của AB , N là trung điểm của AM . Khi đó độ dài MN bằng:

A: 10 cm

B: 5 cm

C: 2,5 cm

D: 2 cm

Phần 2: Tự luận (8 đ)

Câu 1: Cho ba điểm M, N, P không thẳng hàng. Hãy vẽ đường thẳng MN , tia NP , đoạn thẳng MP , tia đối của tia NP

Câu 2: Trên tia Ax vẽ đoạn thẳng $AC = 6$ cm, $AB = 3$ cm

a) Trong ba điểm A, B, C điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? Vì sao?

b) So sánh AB và BC

c) Điểm B có là trung điểm của đoạn thẳng AC không? Vì sao?

Câu 3: Trên đoạn thẳng MN lấy hai điểm O và I sao cho $OM < ON$ và $MI > IN$. Trong ba điểm M, O, I điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? Vì sao?

III. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan: (2 đ)

Mỗi câu đúng được 0,25 đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	B	B	B	A	B	A

Phần 2: Tự luận (8 đ)

<p><u>Câu 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ đúng 3 điểm M, N, P không thẳng hàng. - Vẽ đúng đường thẳng MN. - Vẽ đúng tia NP. - Vẽ đúng đoạn thẳng MP. - Vẽ đúng tia đối của NP 	<p>2,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p>
<p><u>Câu 2:</u></p> <p>Vẽ hình đúng</p> <p>a) Trên tia Ax có $AB < AC$ ($3 < 6$) nên điểm B nằm giữa hai điểm A và C</p> <p>b) Theo câu a, vì B nằm giữa A và C nên:</p> $AB + BC = AC$ <p>hay $3 + BC = 6$</p> $BC = 6 - 3 = 3 \text{ (cm)}$ <p>Ta có $AB = 3 \text{ cm}; BC = 3 \text{ cm}$</p> $\Rightarrow AB = BC$ <p>c) Theo câu a, B nằm giữa A và C</p> <p>Theo câu b, $AB = BC$</p> <p>Vậy B là trung điểm của đoạn thẳng AC</p>	<p>4,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>1,0 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>1,0 đ</p>

<p><u>Câu 3:</u></p> <p>- Điểm O nằm giữa M và N nên $MO + ON = MN$</p> <p>Ta có $MO < ON$ nên $MO + MO < MO + ON$</p> <p>Suy ra $2MO < MN$ hay $MO < \frac{MN}{2}$ (1)</p> <p>- Mặt khác điểm I nằm giữa M và N nên $MI + IN = MN$</p> <p>Mà $MI > IN$ nên $MI + MI > MI + IN$</p> <p>Suy ra $2MI > MN$ hay $MI > \frac{MN}{2}$ (2)</p> <p>Từ (1) và (2) suy ra $MO < MI$ do đó O nằm giữa M và I.</p>	<p>1,0 đ</p>
--	--------------

Ngày dạy : 10/01/2014
Lớp dạy : 6C, D

Ngày soạn : 07/01/2013

Chương II: GÓC

Tiết 15:

NỬA MẶT PHẶNG

A. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- HS hiểu thế nào là nửa mặt phẳng.
- Biết cách gọi tên nửa mặt phẳng, biết được tia nằm giữa hai tia qua hình vẽ.

2. Kỹ năng:

- Làm quen với việc phủ định khái niệm. rèn kỹ năng đọc hình vẽ, nhận dạng hình.

3. Thái độ:

- Chú ý ghi nhớ kiến thức bài mới, hăng hái tìm hiểu bài và làm bài tập.

B. Chuẩn bị:

- GV : Thước thẳng, phấn màu, bảng phụ
- HS : Kiến thức về điểm, đường thẳng.

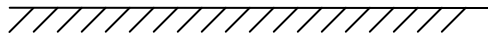
C. Tiến trình bài dạy

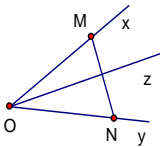
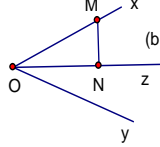
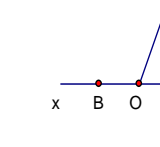
1. ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ

- Đường thẳng được xác định bởi mấy điểm ?
- Thế nào là đoạn thẳng? Vị trí của một đoạn thẳng và đường thẳng ?

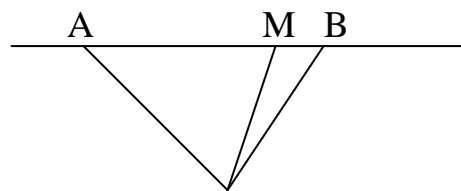
3. Bài mới: GV giới thiệu nội dung ch- ong II, ch- ong trình Hình của học kì II

Hoạt động của GV - HS	Ghi bảng
GV: Giới thiệu một số hình ảnh mặt phẳng trong thực tế ? Có nhận xét gì về giới hạn của mặt phẳng? H/s: Không giới hạn về mọi phía	<u>1. Nửa mặt phẳng bờ a</u> - Trang giấy ; mặt phẳng bảng..... là hình ảnh của mặt phẳng - Mặt phẳng không bị giới hạn về mọi phía 
GV: Trùng H1 đường thẳng a chia mặt phẳng thành mấy phần? H/s: 2 phần GV: GT: Mỗi phần là một nửa mặt phẳng ? Vậy thế nào là một nửa mặt phẳng H/s: Nêu khái niệm	a + Khái niệm nửa mặt phẳng: SGK/72 - Hai nửa mặt phẳng có chung bờ gọi là hai nửa mặt phẳng đối nhau + <u>Nhận xét:</u> Bất kì đường thẳng nào nằm trên mặt phẳng cũng là bờ chung của 2 nửa mặt phẳng đối nhau.
GV: GT hai nửa mặt phẳng chung bờ gọi là hai nửa mặt phẳng đối nhau	. M

<p>? Để tạo ra hai nửa mặt phẳng đối nhau ta làm như thế nào?</p> <p>H/s: Kẻ một đường thẳng</p> <p>GV: Chốt lại → Nhận xét</p> <p>- Vẽ H2 → Có nhận xét gì về M & N; M & P; N & P</p> <p>H/s: M & N \in cùng 1 nửa mặt phẳng</p> <p>- M & P (N & P) không cùng \in 1 nửa mặt phẳng</p> <p>GV: Cho HS làm ?1 theo nhóm</p> <p>H/s: Các nhóm thảo luận → Đại diện nhóm trình bày – Nhóm khác nhận xét (bổ sung)</p> <p>GV: Chốt lại → Kết luận: đoạn thẳng nối hai điểm không cắt bờ → 2 điểm thuộc 1 nửa mặt phẳng và ngược lại</p> <p>→ Đưa ra bảng phụ H3 yêu cầu HS quan sát và nhận xét khi nào Oz nằm giữa Ox và Oy?</p> <p>H/s: Quan sát và nhận xét</p> <p>GV: Chốt lại điều kiện để một tia nằm giữa 2 tia</p> <p>- Cho HS làm ?2 SGK</p> <p>H/s: Cả lớp làm vào vở - 2 HS lần lượt trả lời</p> <p>- HS khác nhận xét (bổ sung)</p> <p>GV: Cho HS thảo luận nhóm BT3/73</p> <p>H/s: Các nhóm thảo luận → Cử đại diện trả lời</p> <p>- Nhóm khác nhận xét (bổ sung)</p> <p>GV: Cho HS làm bài tập 4/73</p> <p>H/s: 1 HS lên bảng vẽ hình - Cả lớp vẽ hình vào vở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi HS lần lượt trả lời các yêu cầu - HS khác nhận xét (bổ sung) 	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> (I) . N </div> <hr/> <p>a</p> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> (II) . P </div> <p>- M & N là hai điểm nằm cùng phía đối với đường thẳng a</p> <p>- M & P (N & P) là hai điểm nằm khác phía đối với đường thẳng a</p> <p>?1- Nửa mặt phẳng bờ a không chứa điểm P(I)</p> <p>- Nửa mặt phẳng bờ a không chứa điểm M(N) (II)</p> <p>b. a không cắt MN; a cắt MP</p> <p>2. Tia nằm giữa hai tia</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;">    </div> <p>Nhận xét: $M \in Ox$; $N \in Oy$</p> <p>Oz cắt MN tại điểm nằm giữa M & N</p> <p>⇒ Oz nằm giữa Ox & Oy</p> <p>?2 a. Oz nằm giữa Ox và Oy vì Oz cắt MN</p> <p>b. Oz không nằm giữa Ox và Oy vì Oz không cắt MN</p> <p>3. Bài tập</p> <p>Bài 3/73</p> <p>a. hai nửa mặt phẳng đối nhau</p> <p>b. cắt đoạn thẳng AB tại điểm giữa của AB</p> <p>Bài 4. /73</p> <p>a. Nửa mặt phẳng bờ a chứa điểm A</p> <p>- Nửa mặt phẳng bờ a chứa điểm B</p> <p>b. A, B \in hai nửa mặt phẳng đối nhau</p> <p>⇒ B & C cùng</p> <p>- A, C \in hai nửa mặt phẳng đối nhau</p> <p>\in 1 nửa mp</p> <p>⇒ a không cắt BC</p>
---	--

4. củng cố:

- Thế nào là nửa mặt phẳng bờ a?
- ở H 3a tại sao Oz nằm giữa Ox và Oy?



5. Hướng dẫn về nhà

- Học kỹ các khái niệm
- Bài tập về nhà: 1; 2; 5/73
- H- ớng dẫn bài tập 5/73
- OM có nằm giữa OA & OB không? Vì sao?
- Đọc trước bài : Góc

6. Rút kinh nghiệm

.....
.....
.....

Ngày dạy : 10/01/2014
Lớp dạy : 6C, D

Ngày soạn : 08/01/2014

Tiết 16:

GÓC

A. Mục tiêu

- 1. Kiến thức:*** - HS biết góc là gì, góc bẹt là gì?
- HS biết vẽ góc, đặt tên góc, kí hiệu góc, điểm nằm trong góc.
- 2. Kỹ năng :*** Rèn kỹ năng vẽ góc cẩn thận, chính xác khi, đo góc, ký hiệu góc.
- 3. Thái độ :*** Rèn tính cẩn thận, chính xác khi vẽ góc, đo góc, ký hiệu góc.

B. Chuẩn bị:

- GV: Thước thẳng, bảng phụ
- HS: KT: Tia; Dụng cụ: Thước thẳng

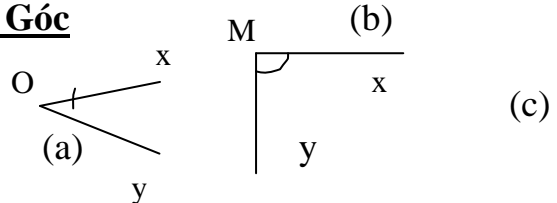
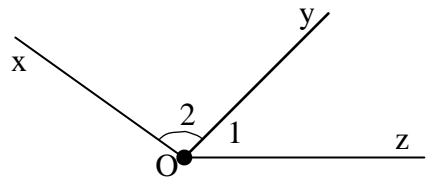
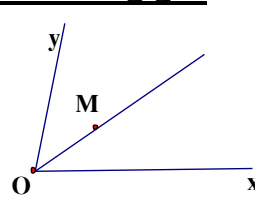
C. Tiến trình bài dạy

1. ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ :

- HS1: Chữa bài tập 5/73
- HS2: Thế nào là nửa mặt phẳng bờ a?

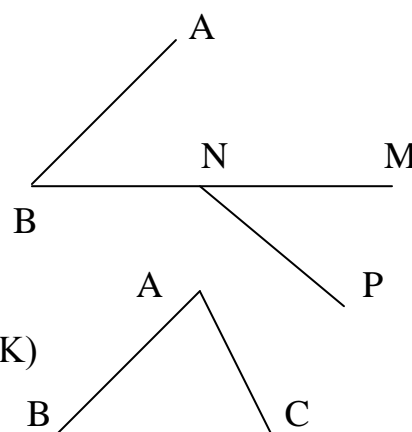
3. Bài mới:

Hoạt động của GV - HS	Ghi bảng
<p>G/v:Đưa ra bảng phụ vẽ H4a,b giới thiệu đó là các góc ? Góc là gì?</p> <p>H/s: Nêu khái niệm góc</p> <p>G/v: Giới thiệu cách ghi, đọc tên các cạnh, đỉnh của góc và ký hiệu góc</p> <p>Vẽ H4c→? H4c có phải là góc không? Vì sao?</p> <p>H/s: Có vì được tạo thành từ hai tia chung gốc</p> <p>G/v: Có nhận xét gì về hai tia Ox, Oy trong hình vẽ</p> <p>H/s: Là hai tia đối nhau</p> <p>G/v: Giới thiệu xOy trong H4c là góc bẹt</p> <p>? Thế nào là góc bẹt?</p> <p>H/s:Nêu khái niệm góc bẹt</p> <p>G/v:Cho HS làm ? trong SGK</p> <p>H/s: Nêu theo hiểu biết: Góc nhà.....</p> <p>G/v:Đề vẽ góc ta cần vẽ gì?</p> <p>H/s: Đỉnh và hai cạnh</p> <p>G/v: Giới thiệu cách vẽ góc, phân biệt góc chung đỉnh</p> <p>H/s: Vẽ hình, đánh dấu theo hướng dẫn của GV</p> <p>G/v: Cho HS đọc SGK tìm hiểu điều kiện để điểm M nằm trong góc xOy</p> <p>H/s: Đọc SGK→Nhận xét OM nằm giữa Ox và Oy→M nằm trong xOy</p> <p>G/v: Khi nào OM nằm giữa Ox và Oy</p> <p>H/s:OM cắt đoạn thẳng nối Ox và Oy tại điểm giữa</p> <p>G/v: Cho HS làm bài tập 6 theo nhóm</p> <p>H/s:Thảo luận nhóm→trả lời</p>	<p>1. Góc</p>  <p>+ Định nghĩa:SGK/73</p> <p>- Góc xOy ký hiệu xOy ; yOx ; O</p> <p>- O là đỉnh; Ox, Oy là hai cạnh</p> <p>2. Góc bẹt</p> <p>+ Khái niệm: Góc bẹt là góc có hai cạnh là hai tia đối nhau.</p> <p>3. Vẽ góc</p> <p>- Để vẽ góc ta vẽ đỉnh và hai cạnh của nó</p>  <p>- Có thể gọi \hat{O}_1 ; \hat{O}_2</p> <p>4. Điểm nằm bên trong góc</p>  <p>Ox và Oy không đối nhau OM nằm giữa Ox và Oy \Rightarrow M nằm trong xOy</p> <p>5. Bài tập</p> <p>Bài 6/75</p> <p>a. “Góc xOy”; “đỉnh của góc”; “hai cạnh của góc”</p> <p>b. “S”..... “SR và ST ”</p> <p>Bài 8/75</p> <p style="text-align: right;">C</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm khác nhận xét(bổ sung) G/v: Cho HS làm bài tập 8/75 H/s: Cả lớp làm vào vở- 1 HS lên bảng - 1 HS nhận xét G/v: Cho HS làm bài tập 9/75 H/s: Cả lớp làm vào vở- 1 HS đứng tại chỗ trả lời - H/S khác nhận xét(bổ sung) 	<div style="text-align: right;">B A D</div> <p>Có 3 góc: $BAC; BAD; CAD$ Bài 9/75 “Ox và Oy”</p>
--	---

4. Củng cố:

- Thế nào là góc? Góc bẹt?
- Đọc tên các góc có trên hình vẽ sau?
 Và chỉ ra đỉnh, cạnh của từng góc?



5. Hướng dẫn về nhà

- Học kỹ các khái niệm(theo vở ghi và SGK)
- BTVN: 7; 10/75
- HD bài tập 10
- Gạch phần nằm trong 3 góc
- Chuẩn bị thước đo góc
- Đọc trước bài : Số đo góc

6. Rút kinh nghiệm

.....

.....

Ngày dạy : 17/01/2014
Lớp dạy : 6C, D.

Ngày soạn : 14/01/2014

Tiết 17:

SỐ ĐO GÓC

A.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

- HS hiểu rõ mỗi góc có một số đo xác định, số đo của góc bẹt là 180° .
- HS biết định nghĩa góc vuông, góc nhọn, góc tù;
- HS biết đo góc bằng thước đo góc, biết so sánh góc.

2.Kĩ năng:

- HS rèn kĩ năng dùng thước đo góc để đo góc và vẽ một góc khi có số đo góc cho trước.

3.Thái độ:

- Đo góc cẩn thận, chính xác.

B. CHUẨN BỊ:

- 1.GV: Thước thẳng, thước đo góc, phấn màu
- 2.HS : Thước thẳng, thước đo góc, kiến thức về góc.

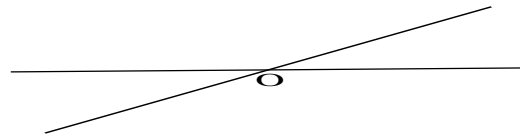
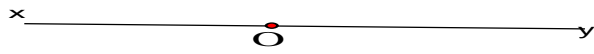
C.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức: (1 phút)

2.Kiểm tra bài cũ: (5 phút)

HS1: - Vẽ góc bẹt.

- Hai đường thẳng cắt nhau tạo thành bao nhiêu góc.



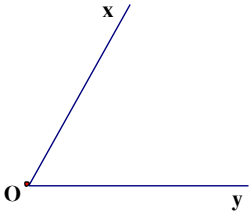
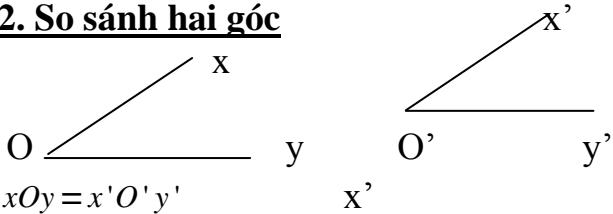
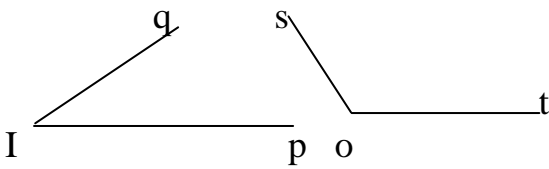
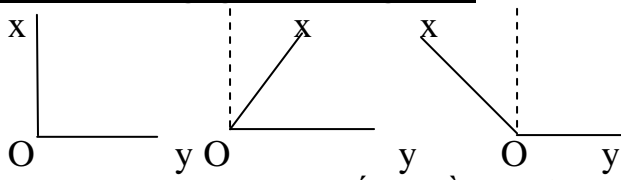
Trả lời :

Góc xOy là góc bẹt.

Hai đường thẳng cắt nhau tạo thành 4 góc.

HS2: nhận xét

3. Bài mới

Hoạt động của GV- HS	Ghi bảng
<p>G/v: Vẽ một góc bất kỳ lên bảng H/s: Vẽ một góc bất kỳ vào vở G/v: Khi đo góc ta dùng dụng cụ gì? H/s: Thước đo góc G/v: GT về thước đo góc → Cho HS đọc SGK tìm hiểu cách đo góc H/s: Đọc SGK → Đo góc của mình G/v: 1 HS lên bảng đo góc trên bảng G/v: Đo lại và khắc sâu cách đo ? Góc trong vở có mấy số đo? Hãy vẽ góc bẹt và đo góc đó? H/s: Có 1 số đo, số đo góc bẹt bằng 180° G/v: Giới thiệu nhận xét và chú ý SGK H/s: Đọc SGK G/v: Vẽ hai góc bằng nhau yêu cầu hai HS lên đo → So sánh số đo hai góc H/s: Hai HS lên bảng đo- 1 HS so sánh hai số đo G/v: Hai góc có số đo bằng nhau → 2 góc bằng nhau H/s: Vẽ 2 góc bằng nhau vào vở G/v: Vẽ 1 góc tù, một góc nhọn yêu cầu 2 HS lên đo → So sánh 2 số đo H/s: 2 HS lên đo- Lớp vẽ hình vào vở và đo 1 HS so sánh G/v: GT góc có số đo lớn hơn là góc lớn hơn và ngược lại G/v: Cho HS làm ?2 SGK H/s: Đo → Kết luận G/v: Đưa ra bảng phụ vẽ góc vuông, góc nhọn, góc tù cho HS đo H/s: 3 HS lên bảng đo G/v: GT góc vuông, góc nhọn, góc tù H/s: Ghi tóm tắt G/v: Cho HS làm bài tập 11/ 79 H/s: Đứng tại chỗ đọc các số đo các góc G/v: Cho HS làm bài tập 13/ 79 H/s: Đo các góc ở H20 → Ghi kết quả</p>	<p>1. Đo góc: Cách đo : SGK</p>  <p>V/dụ: $xOy = 60^\circ$ hay góc $yOx = 60^\circ$ * Nhận xét: - Mỗi góc có một số đo. Số đo của góc bẹt bằng 180° - Số đo mỗi góc không vượt quá 180° * Chú ý: $1^\circ = 60'$; $1' = 60''$.</p> <p>2. So sánh hai góc</p>  <p>$xOy = x'O'y'$</p>  <p>$xOy < x'O'y'$ (hay $x'O'y' > xOy$) Kết luận : SGK/79 ?2 $BAI < IAC$</p> <p>3. Góc vuông, góc nhọn, góc tù</p>  <p>+ Góc vuông là góc có số đo bằng 90° + Góc nhọn là góc có số đo $< 90^\circ$ nhưng lớn hơn 0° + Góc tù là góc có số đo $> 90^\circ$ nhưng nhỏ hơn 180°</p> <p>4. Bài tập Bài 11/ 79 $xOy = 50^\circ$; $xOz = 100^\circ$; $xOt = 130^\circ$ Bài 13/ 79(H20) $LIK = 90^\circ$; $IKL = ILK = 45^\circ$</p>

4. Củng cố

- Thế nào là góc? góc vuông, góc nhọn, góc tù ?
- Khi đo góc ta có nhận xét gì?
- Giới thiệu lại về thước đo góc. Các chú ý khi đo góc?

5. Hướng dẫn về nhà

- Học kỹ các khái niệm, nhận xét và chú ý của bài (theo vở ghi và SGK)
- BTVN: 11; 12, 13, 14 / SGK.79
- HD bài tập 14/ sgk 79
- Ước lượng bằng mắt thước về số đo các góc trong hình 21.
- Dùng thước đo góc kiểm tra.
- Đọc trước bài 5: vẽ góc cho biết số đo — Tiết 18

6. Rút kinh nghiệm

.....

.....

Ngày dạy : 25/1/2014

Ngày soạn: 22/1 /2014

Lớp dạy : 6C,D

Tiết 18:

VẼ GÓC CHO BIẾT SỐ ĐO

A.MỤC TIÊU :

1.Kiến thức:

Qua bài này học sinh cần :

- Nắm được kiến thức cơ bản : Trên một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, bao giờ cũng vẽ được một và chỉ một tia Oy sao cho góc $\angle xOy = m^0$ ($0^0 < m < 180^0$) và trên một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, nếu $\angle xOy < \angle xOz$ thì tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz .

2.Kỹ năng:

- Có kỹ năng vẽ được một góc khi biết trước số đo của nó bằng thước đo góc và thước thẳng.

3.Thái độ:

- Có ý thức đo, vẽ cẩn thận, chính xác.

B.CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG:

- GV: Thước thẳng, thước đo góc

- HS: KT vẽ góc

C.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức: (1 phút)

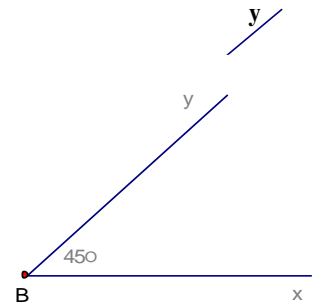
2.Kiểm tra bài cũ:

Vẽ góc $\angle xOy$. Cho biết số đo của góc đó? Nêu cách đo ?

3. Bài mới:

<i>Hoạt động của Thầy – Trò</i>	<i>Ghi bảng</i>
GV: Cho HS đọc SGK tìm hiểu cách v? HS: Đọc SGK GV: Cho 1 HS lên bảng v? hình HS: 1 HS lên bảng vẽ - Cả lớp vẽ vào vở - 1 HS nhận xét GV: Khắc sâu cách vẽ? cho HS nắm chắc ? Có mấy tia Oy trên 1 nửa mặt phẳng thỏa mãn $\angle xOy = 40^0$ HS: Có 1 tia Oy	<u>1.Vẽ góc trên nửa mặt phẳng:</u> <u>Ví dụ1:</u> Cho tia Ox.Vẽ $\angle xOy$ sao cho $\angle xOy = 40^0$. Nhận xét: SGK/83 <u>Ví dụ 2:</u> Vẽ $\angle BAC$ biết $\angle BAC = 30^0$ - Vẽ tia BA(BC) bất kỳ - Vẽ tia BC(BA) tạo với BA(BC) 1 góc $= 30^0$

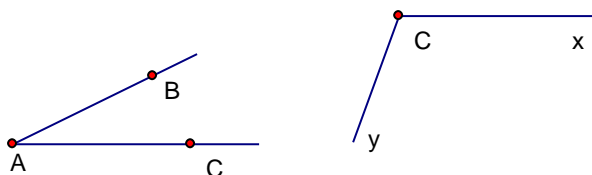
<p>GV: Giới thiệu nhận xét SGK → Cho HS làm VD2</p> <p>HS: Đọc SGK- 1 HS lên bảng vẽ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp vẽ vào vở – 1 HS nhận xét <p>GV: Cho HS đọc SGK tìm hiểu cách vẽ hai góc trên nửa mặt phẳng</p> <p>HS: Đọc SGK- 2 HS lần lượt lên bảng Vẽ 2 góc theo yêu cầu- Cả lớp vẽ vào vở</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS khác nhận xét <p>GV: Quan sát hình và cho biết trong 3 tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa 2 tia còn lại</p> <p>HS: Tia Oy nằm giữa 2 tia Ox và Oz</p> <p>GV: So sánh 2 góc xOy và xOz ?</p> <p>HS: $xOy < xOz$</p> <p>GV: xOy và xOz có quan Hệ với nhau như thế nào?</p> <p>HS: Chung nhau cạnh Ox</p> <p>GV: Giải thích và khắc sâu nhận xét cho HS → Hướng dẫn học sinh áp dụng vào để xác định tia nào nằm giữa 2 tia</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS làm bài tập 27/84 <p>HS: Đọc đề bài- Thảo luận cách giải</p> <p>GV: Tính COB như thế nào?</p> <p>HS: So sánh 2 góc → Tia nằm giữa → CT cộng 2 góc → $COB = \dots$</p>	<p>⇒ Góc ABC phải vẽ</p> <p>Bài 24/84</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ tia Bx - Vẽ tia By tạo với tia Bx góc 45° <p>⇒ xBy phải v?</p> <p>2. Vẽ hai góc trên nửa mặt phẳng</p> <p>V/dụ: SGK/84</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ $xOy = 35^\circ$; $xOz = 55^\circ$ - Tia Oz nằm giữa 2 tia Ox và Oy <p>* Nhận xét: $xOy = m^\circ$ $xOz = n^\circ$, nếu $m^\circ < n^\circ$ thì Oy nằm giữa Ox, Oz.</p> <p>3. Bài tập</p> <p>Bài 27/84</p> <p>Ta có: $AOC = 55^\circ$ $AOB = 145^\circ$</p> <p>⇒ $AOC < AOB$ và chúng cùng thuộc 1 nửa mặt phẳng bờ OA ⇒ OC nằm giữa OA và OB ⇒ $AOC + COB = AOB$ ⇒ $COB = AOB - AOC = 145^\circ - 55^\circ = 90^\circ$</p>
--	---



4. Củng cố:

- Cho biết cách Vẽ $xOy = m^\circ$
- Có mấy $xOy = m^\circ$ trên 1 nửa mặt phẳng
- $xOy = m^\circ$; $xOz = n^\circ$. Khi nào Oy nằm giữa Ox và Oz?

- Bài tập 26a,b/84



5. Hướng dẫn về nhà:

- Học kỹ cách vẽ góc.
- BTVN: 26; 28; 29/ 84
- HDBT 28/84

Vẽ Ay và Ay' sao cho $\angle xAy = \angle xAy' = 50^\circ$

Ay và Ay' thuộc 1 hay 2 nửa mặt phẳng bờ $Ax \rightarrow \dots\dots$

- Đọc trước bài: Tia phân giác của góc
- Chuẩn bị mỗi HS 1 tờ giấy vẽ 1 góc bất kỳ bằng bút màu .

6. Rút kinh nghiệm

.....

.....

Ngày dạy : 14/2/2014
Lớp dạy : 6C,D

Ngày soạn : 13/2/2014

Tiết 19:

LUYỆN TẬP BÀI : 2, 3, 4

A.MỤC TIÊU :

1.Kiến thức: Học sinh được củng cố thêm về các kiến thức:

- HS biết vẽ góc, đặt tên góc, kí hiệu góc, điểm nằm trong góc.
- HS công nhận mỗi góc có một số đo xác định, số đo của góc bẹt là 180° ;
- HS biết định nghĩa góc vuông, góc nhọn, góc tù;
- HS biết đo góc bằng thước đo góc, biết so sánh góc.

- HS nắm vững và nhận biết khái niệm: hai góc kề nhau, hai góc phụ nhau, hai góc bù nhau, hai góc kề bù

2.Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng sử dụng thước đo góc, tính góc, nhận biết các quan hệ giữa hai góc
- Có tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình và đo.

3.Thái độ:

- HS thêm say mê với môn toán học đặc biệt với bộ môn hình học.

B.CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG:

1.GV: Thước thẳng, thước đo góc, bài tập in sẵn.

2.HS: Thước đo góc, ôn tập các kiến thức về góc, số đo góc, cách đo góc.

C.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ôn định tổ chức: (1 phút)

2.Kiểm tra bài cũ:

3.Bài mới:

<i>Hoạt động của thầy - của Trò</i>	<i>Ghi bảng</i>
<p>G: Đưa ra bài tập 1 yêu cầu HS thảo luận nhóm điền vào chỗ trống để hoàn thành câu</p> <p>H: Thảo luận nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm lần lượt nêu đáp án của mình - Nhóm khác nhận xét (bổ sung) <p>G: Khắc sâu từng câu cho HS nắm chắc các khái niệm, tính chất → áp dụng vào làm bài tập</p> <p>H: Làm bài tập vào vở</p> <p>G: Đưa ra bài tập 2 yêu cầu HS suy nghĩ cách giải</p> <p>H: Nghiên cứu đề bài tìm cách giải</p> <p>G: Cho 1 HS lên bảng vẽ hình- Cả lớp vẽ hình vào vở</p> <p>H: 1 HS lên bảng- Lớp vẽ vào vở</p> <p>G: Thế nào là hai góc kề nhau, hai góc kề bù?</p> <p>H: + 2 góc kề nhau: Chung 1 cạnh..... + 2 góc kề bù: chung 1 cạnh, 2 cạnh còn lại là hai tia đối nhau</p> <p>G: Hãy chỉ ra các góc kề với $\angle xOm$, kề bù</p>	<p>Bài 1 : Điền vào chỗ trống để được câu đúng</p> <p>a) Bất kì đường thẳng trên mặt phẳng cũng là của hai nửa mặt phẳng</p> <p>b) Số đo của góc bẹt là</p> <p>c) Nếu tia Oythì $\angle xOy + \angle yOz = \angle xOz$?</p> <p>d) Tia phân giác của 1 góc là tia2 cạnh của góc và tạo với hai cạnh ấy hai góc</p> <p>Bài 2: Cho điểm $O \in$ đường thẳng xy, trên nửa mặt phẳng bờ xy vẽ 2 tia Om, On sao cho $\angle yOn = 70^\circ$; $\angle xOm = 40^\circ$</p> <p>a. Vẽ hình, nêu tên các góc có trong hình vẽ</p> <p>b. Chỉ ra: + Các góc kề với $\angle xOm$ + Các góc kề bù với $\angle xOm$</p> <p>c. Tính $\angle yOm$ và $\angle mOn$</p> <p>d. Tia On có là tia phân giác của $\angle mOy$ không?</p>

<p>với xOm</p> <p>H: Lần lượt đứng tại chỗ trả lời</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS khác nhận xét(bổ sung) <p>G: Hai góc kề bù có tính chất gì?</p> <p>H: Tổng số đo bằng 180^0</p> <p>G: Tính yOm như thế nào?</p> <p>H: $180^0 - xOm$</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS lên bảng tính - 1 HS nhận xét <p>G: Tính mOn như thế nào?</p> <p>H: $\Rightarrow On$ nằm giữa Om và $Ox \Rightarrow$</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS lên bảng- Cả lớp làm vào vở - 1 HS nhận xét <p>G: Om cần có điều kiện gì để là phân giác của góc yOm?</p>	<div data-bbox="852 286 1321 539" data-label="Image"> </div> <p><u>Giải</u></p> <p>a. Các góc có trong hình vẽ: Có 6 góc xOm; xOn; xOy; mOn; mOy; yOn</p> <p>b. Các góc kề với xOm là: mOy; mOn</p> <p>Các góc kề bù với xOm là: mOy</p> <p>c. Vì xOm và mOy là hai góc kề bù</p> $\Rightarrow xOm + mOy = 180^0$ $\Rightarrow mOy = 180^0 - xOm$ $\Rightarrow mOy = 180^0 - 40^0 = 140^0$ <p>Vì $mOy = 140^0$</p> $yOn = 70^0$ $\Rightarrow yOn < mOy \text{ mà chúng cùng thuộc một nửa mp bờ Oy}$ $\Rightarrow On \text{ nằm giữa } Om \text{ và } Oy$ $\Rightarrow yOn + mOn = mOy$ $70^0 + mOn = 140^0$ $\Rightarrow mOn = 140^0 - 70^0 = 70^0$ <p>d. Theo (c)</p> <ul style="list-style-type: none"> + On nằm giữa Om và Oy + $mOn = yOn = 70^0$ $\Rightarrow On \text{ là tia phân giác của } mOy$
---	--

4.Củng cố:

Mỗi hình vẽ sau cho biết kiến thức gì?

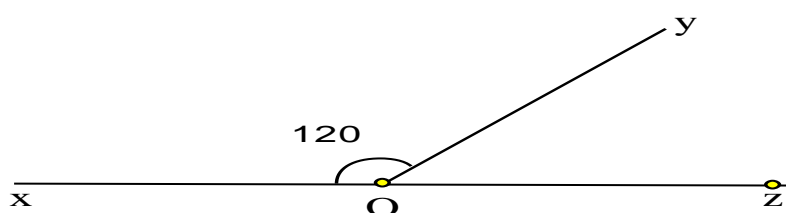
- HS lần lượt lên bảng chỉ hình vẽ và nêu kiến thức liên quan

- GV khắc sâu các kiến thức cho HS nắm chắc.

Bài tập trắc nghiệm:

Bài 1:

Xem hình vẽ:



Số đo của yOz là bao nhiêu ?

A. 32°

B. 40°

C. 50°

D. 60°

Bài 2: Câu nào đúng ? Câu nào sai ?

I. Góc bẹt là góc có số đo 180°

II. Hai góc bù nhau là hai góc có tổng số đo là 90°

A. I đúng, II sai

B. I sai, II đúng

C. I sai, II sai

D. I đúng, II đúng

5. Hướng dẫn về nhà

- Học thuộc bài kết hợp giữa vở ghi và SGK

- Làm bài tập: Bài 23 / SGK 83

- Về nhà tập đo các góc cho trước để chuẩn bị vẽ góc khi biết số đo cho trước.

6. Rút kinh nghiệm

.....

.....

.

Ngày soạn: 24/2/2013

Ngày giảng: 28/2/ 2013

Tiết 20: KHI NÀO $xOy + yOz = xOz$

A. MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

- HS nhận biết và hiểu khi nào thì $xOy + yOz = xOz$?
- HS nắm vững và nhận biết khái niệm: hai góc kề nhau, hai góc phụ nhau, hai góc bù nhau, hai góc kề bù.

2.Kĩ năng:

- Rèn kỹ năng sử dụng thước đo góc, tính góc, nhận biết các quan hệ giữa hai góc
- Có tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình và đo.

3.Thái độ:

- HS thêm say mê với môn toán học đặc biệt với bộ môn hình học.

B.CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG

- 1.GV: Thước đo góc, thước thẳng,phấn màu
- 2.HS: Thước thẳng, thước đo góc, kiến thức đo góc.

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

Nêu và giải quyết vấn đề- Phương pháp vấn đáp, phát hiện và giải quyết vấn đề, hợp tác theo nhóm nhỏ, luyện tập và thực hành.

D. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC:

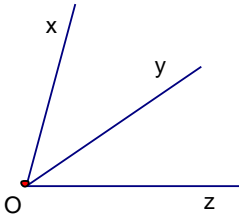
1. Ôn định tổ chức: (1 phút)

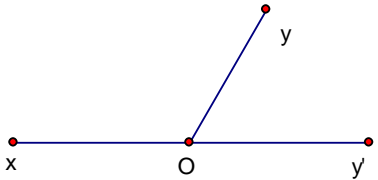
2. Kiểm tra bài cũ: (5 phút)

- Vẽ xOz ; vẽ tia Oy nằm giữa 2 tia Ox và Oz

- Đo xOz ; xOy ; yOz

3. Bài mới:

Hoạt động của Thầy – của Trò	Ghi bảng
GV: Lấy bài tập phần kiểm tra bài cũ cho HS nhận xét HS: Vẽ góc bất kỳ vào vở, đo các góc GV: Có nhận xét gì về số đo góc xOz với số đo $xOy + yOz$? HS: 2 số đo bằng nhau GV: Trong 3 tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa 2 tia còn lại? HS: Oy nằm giữa Ox và Oz GV: Vậy khi nào thì $xOy + yOz = xOz$? HS: Oy nằm giữa Ox và Oz GV: Khắc sâu nhận xét cho HS nắm được → Cho HS áp dụng làm bài tập 18/ 82 HS: 1 HS lên bảng cả lớp làm vào vở - 1 HS nhận xét GV: Hoàn thiện và khắc sâu điều kiện để sử dụng công thức cộng hai góc cho HS → Cho H/S nghiên cứu SGK tìm hiểu các góc kề nhau, bù nhau, phụ nhau, kề bù HS: Đọc SGK để tìm hiểu GV: Thế nào là hai góc kề nhau? Vẽ hình HS: Chung 1 cạnh.... → Vẽ hình GV: Thế nào là hai góc phụ nhau? Tính số đo của góc phụ với góc 35° , 45° HS: Tổng số đo bằng 90° ... → Phụ với 35° là 55° ...	1. Khi nào $xOy + yOz = xOz$?  $xOy = \dots$; $yOz = \dots$; $xOz = \dots$ $xOy + yOz = \dots \Rightarrow xOy + yOz = xOz$ Nhận xét: Oy nằm giữa Ox và Oz thì $xOy + yOz = xOz$ Bài 18/ SGK.82 Tia OA nằm giữa 2 tia OB & OC nên $BOA + AOC = BOC$ Mà $BOA = 45^\circ$ $AOC = 32^\circ$ $\Rightarrow BOC = 45^\circ + 32^\circ = 77^\circ$ <u>2. Hai góc kề nhau, phụ nhau, bù nhau, kề bù</u> <u>a. Hai góc kề nhau</u> + Hai góc có chung 1 cạnh hai cạnh còn lại thuộc hai nửa mặt phẳng đối nhau bờ chứa cạnh chung <u>b. Hai góc phụ nhau:</u> Hai góc có tổng số đo bằng 90° (V/dụ: $\hat{A} = 30^\circ$; $B = 60^\circ \Rightarrow \hat{A} + B = 30^\circ + 60^\circ = 90^\circ \Rightarrow \hat{A}$ và B phụ nhau) <u>c. Hai góc bù nhau:</u>

<p>GV: Thế nào là 2 góc bù nhau? $\hat{A}=105^\circ$; $B = 75^\circ$ thì \hat{A} và B có bù nhau không? HS: Tổng số đo bằng 180°; \hat{A} và B bù nhau</p> <p>GV: Thế nào là hai góc kề bù? Hai góc kề bù có tổng số đo bằng bao nhiêu độ? HS: Kề và bù \rightarrow Kề bù; Tổng số đo bằng 180°</p> <p>GV: Chốt lại khái niệm góc kề, bù, phụ, kề bù cho HS nắm được \rightarrow Cho HS làm bài tập 19/ 82</p> <p>HS: 1 HS lên bảng, cả lớp làm vào vở - 1 HS nhận xét</p>	<p>Hai góc có tổng số đo bằng 180° Ví dụ: $\hat{A}=70^\circ$ $B=110^\circ \Rightarrow \hat{A}+B=70^\circ+110^\circ=180^\circ$ Vậy \hat{A} và B bù nhau</p> <p><u>d. Hai góc kề bù:</u> Là hai góc vừa kề vừa bù \Rightarrow Tổng số đo hai góc kề bù bằng 180°</p> <p>3. Bài tập: Bài 19/82</p>  <p>Vì xOy và yOy' kề bù $\Rightarrow xOy + yOy' = 180^\circ$ $\Rightarrow 120^\circ + yOy' = 180^\circ$ $\Rightarrow yOy' = 180^\circ - 120^\circ$ $= 60^\circ$</p>
---	--

4. Củng cố:

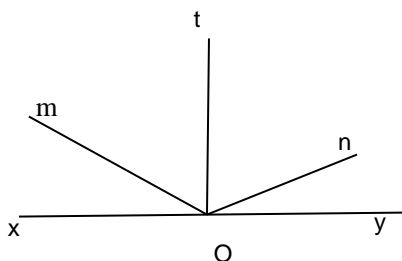
- Điền vào ô trống trong bảng sau để được hình vẽ và khẳng định đúng

Loại góc	Góc vuông	Góc nhọn	Góc tù	Góc bẹt
Hình vẽ				
Số đo				

- 2 góc có tổng số đo bằng 180° có kề bù không?

Bài tập:

Xem hình vẽ:



Có bao nhiêu cặp góc kề bù.

A. 1 cặp

B. 2 cặp

C. 3 cặp

D. 4 cặp

Cho hai góc xOy và góc xOt kề và phụ nhau. Biết $xOy = 72^\circ$. Số đo góc xOt là:

A. 118°

B. 18°

C. 72°

D. Kết quả khác.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học kỹ các khái niệm
- BTVN: 20;21;22;23(82+83)

HDBT 23/83

Vì AP nằm giữa AM & AN nên $MAP + PAN = MAN$

$$33^{\circ} + PAN = 180^{\circ} \Rightarrow PAN = \dots$$

Vì $\dots \Rightarrow PAQ = \dots$

- Ôn luyện các bài đã học chuẩn bị giờ sau luyện tập

Ngày soạn: 08/3/ 2013

Ngày giảng: 14/3/2013

Tiết 21:

TIA PHÂN GIÁC CỦA GÓC

A. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS hiểu thế nào là tia phân giác của một góc là gì?
- HS hiểu đường phân giác của góc là gì ?

2. Kỹ năng:

- Biết vẽ tia phân giác của góc.

3. Thái độ:

- Có thái độ cẩn thận, chính xác khi đo , vẽ, gấp giấy.

II. CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG:

GV: Thước đo góc, giấy gấp, bảng phụ

HS: Thước đo góc, giấy có vẽ góc

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

- Phương pháp vấn đáp, phát hiện và giải quyết vấn đề, hợp tác theo nhóm nhỏ, luyện tập và thực hành.

D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ôn định tổ chức: (1 phút)

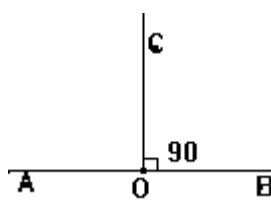
2. Kiểm tra bài cũ:

- Chữa bài tập 29/SGK.85

- Trên 1 nửa mặt phẳng bờ Ox vẽ $xOz = 30^\circ$; $xOy = 60^\circ$. Tính yOz ?

3. Bài mới:

<i>Hoạt động của GV – HS</i>	<i>Ghi bảng</i>
<p>GV: So sánh 2 góc xOz và yOz trong phần B.</p> <p>HS: $xOz = yOz$</p> <p>G/v: GT tia Oz gọi là tia phân giác của xOy</p> <p>? Vậy thế nào là tia phân giác của 1 góc</p> <p>HS: Nêu định nghĩa.....</p> <p>GV: Tóm tắt nội dung cơ bản của định nghĩa (ĐK để 1 tia là tia phân giác...)</p> <p>HS: Ghi tóm tắt vào vở</p> <p>GV: Cho HS đọc SGK tìm hiểu cách vẽ tia phân giác của một góc</p> <p>HS: Đọc SGK</p> <p>GV: Nêu cách vẽ?</p> <p>HS: Nêu cách vẽ- 1 HS lên bảng vẽ</p> <p>- Cả lớp vẽ vào vở</p> <p>GV: Khắc sâu cách vẽ \rightarrow HS hiểu rõ tính chất của tia phân giác của 1 góc</p> <p>\rightarrow Cho HS tìm hiểu cách gấp giấy</p> <p>HS: Đọc SGK và thực hiện trên giấy của mình</p> <p>GV: Từ cách gấp giấy em có nhận xét gì về xOz và zOy với xOy nếu Oz là tia phân giác của xOy?</p> <p>HS: $xOz = zOy = \frac{xOy}{2}$</p> <p>GV: Chốt lại tính chất này cho HS nắm</p>	<p><u>1. Tia phân giác của góc</u></p> <p>*Định nghĩa :SGK/85</p> <p>Oy là tia phân giác của xOz $\Leftrightarrow +$ nằm giữa Ox và Oz $+ xOy = yOz$</p> <p><u>2. Cách vẽ tia phân giác của 1 góc</u></p> <p>VD: Vẽ tia phân giác của $xOy = 64^\circ$</p> <p>+ Cách 1: Dùng thước đo góc</p> <p>Giải: Gọi Oz là tia phân giác của xOy</p> <p>* Vì Oz là tia phân giác của xOy</p> <p>$\Rightarrow xOz = zOy$</p> <p>mà</p> <p>$xOz + zOy = xOy$</p> <p>\Rightarrow</p> <p>$xOz = zOy = \frac{xOy}{2}$</p> <p>$= \frac{64}{2} = 32^\circ$</p> <p>* Ta vẽ tia Oz, sao cho tia Oz nằm giữa Ox, Oy</p> <p>Và $xOz = 32^\circ$</p> <p>Cách 2: Gấp giấy(SGK/86)</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px auto; width: fit-content;"> <p>Oz là tia phân giác của xOy</p> </div> <div style="text-align: center; margin: 5px 0;"> \updownarrow </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px auto; width: fit-content;"> <p>$xOz = zOy = \frac{1}{2} xOy$</p> </div>

<p>được ? Mỗi góc(k phải là góc bẹt) có bao nhiêu tia phân giác? HS: Có 1 tia phân giác</p> <p>GV: Cho HS làm ?1 SGK → Nhận xét góc bẹt có bao nhiêu tia phân giác? HS: 1 HS lên bảng vẽ → Nhận xét GV: GT chú ý SGK → Cho HS làm bài tập 30/87</p> <p>HS: N/C bài tập 30 GV: BT 30 cho gì? Hỏi gì? HS: Tóm tắt bài tập GV: Tia nào nằm giữa 2 tia? Vì sao? HS: Ot vì....</p> <p>GV: Tính tOy như thế nào? HS: Nêu cách tính</p> <p>GV: Ot có là tia phân giác của xOy không? HS: Có là tia phân giác vì....</p>	<p>+ Nhận xét: Mỗi góc(không phải là góc bẹt) chỉ có một tia phân giác ?1: OC là tia phân giác của góc AOB</p>  <p>+Chú ý : Đường thẳng chứa tia phân giác của 1 góc là đường phân giác của góc đó.</p> <p>3. Bài tập Bài 30/87</p> <p>a) Vì $xOt = 25^\circ$ $xOy = 50^\circ \Rightarrow xOt < xOy$ và chúng cùng \in 1 nửa mp bờ Ox Ot nằm giữa Ox và Oy</p> <p>b) Vì tia Ot nằm giữa 2 tia Ox và Oy Nên $xOt + tOy = xOy$ $\Rightarrow tOy = 50^\circ - 25^\circ = 25^\circ$ Vậy $xOt = tOy (= 25^\circ)$</p> <p>c) Vì tia Ot nằm giữa 2 tia Ox ; Oy và $xOt = tOy$ \Rightarrow Ot là tia phân giác của góc xOy</p>
--	--

4. Củng cố

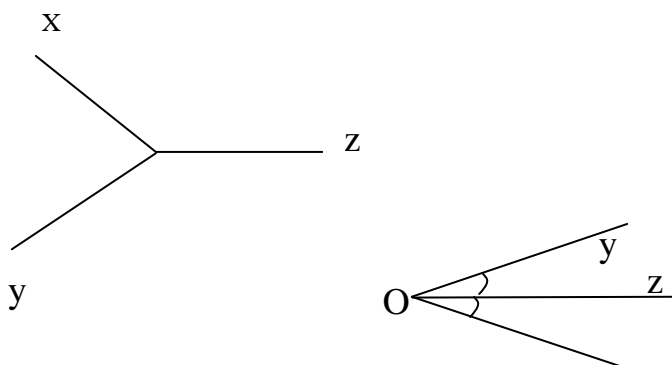
- Thảo luận nhóm bài tập 32/87(Câu C là đúng)
- Trong hình vẽ sau, Oz có phải là tia phân giác của xOy không? Tại sao?

5. Hướng dẫn về nhà

- Học kỹ định nghĩa
- BTVN: 31;33;34/87

Hướng dẫn bài tập 34/87.

$$xOy = 100^\circ$$



- Ot là tia phân giác của $xOy \Rightarrow tOy = \frac{1}{2} xOy = \dots$

- Ot' là tia phân giác của $yOx' \Rightarrow yOt' = \frac{1}{2} yOx' = \dots$

X

Ngày soạn : 17/3

Ngày dạy : 21/3

Tiết 22:

LUYỆN TẬP

A. MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

Củng cố kiến thức về góc, vẽ góc biết số đo, tia phân giác của góc.

2.Kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng tính toán và vẽ hình.

3.Thái độ:

Học sinh có thái độ cẩn thận, chính xác khi vẽ góc, tính góc

B. CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG:

GV: Thước thẳng, thước đo góc

HS : KT vẽ góc, tia phân giác của góc

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

- Phương pháp vấn đáp, phát hiện và giải quyết vấn đề, hợp tác theo nhóm nhỏ, luyện tập và thực hành.

D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức: (1 phút)

2. Kiểm tra bài cũ: (5 phút)

- Nêu định nghĩa tia phân giác của góc?

- Vẽ tia phân giác của $\angle xOy = 120^\circ$

3. Bài mới:

<i>Hoạt động của GV- HS</i>	<i>Ghi bảng</i>
GV: Cho 1 HS chữa bài tập 33/87 HS: 1 HS lên bảng- Lớp tự kiểm tra chéo vở bài tập của nhau - 1 HS nhận xét GV: Hoàn thiện lời giải \rightarrow Chốt lại kiến thức vẽ tia phân giác của góc GV: Ngoài ra còn cách giải nào khác? HS: $\angle xOt = \dots$; $\angle xOt + \angle x'Ot = 180^\circ \rightarrow \dots$ GV: HD cách khác cho HS tìm hiểu \rightarrow Về nhà tự làm theo cách khác Hs: Chữa bài tập vào vở (nếu sai) GV: Cho HS đọc và nghiên cứu bài tập 34/87 HS: Đọc đề và suy nghĩ cách làm GV: Cho 1 HS lên bảng vẽ hình của bài toán HS: 1 HS lên bảng vẽ hình GV: Phân tích cách giải qua hình vẽ	- Chữa bài tập <u>Bài 33/87SGK</u> + Vì $\angle xOy$ kề bù với $\angle x'Oy$ nên $\angle yOx' + \angle xOy = 180^\circ$ $\Rightarrow \angle yOx' = 180^\circ - \angle xOy$ $= 180^\circ - 30^\circ = 50^\circ$ + Vì tia Ot là tia phân giác của $\angle xOy$ nên $\angle tOy = \angle xOt = \angle xOy : 2 = 130^\circ : 2 = 65^\circ$ + Vì tia Oy nằm giữa 2 tia Ox và Ot nên $\angle yOx' + \angle tOy = \angle x'Ot$ Hay $\angle x'Ot = 50^\circ + 65^\circ = 115^\circ$ <u>Bài 34/87SGK:</u> Vì Ot là tia phân giác $\angle xOy$ $\Rightarrow \angle tOy = \angle xOy : 2 = 100^\circ : 2 = 50^\circ$ + Vì $\angle yOx'$ kề bù với $\angle xOy$ $\Rightarrow \angle yOx' + \angle xOy = 180^\circ$ $\Rightarrow \angle yOx' = 180^\circ - \angle xOy$ $= 180^\circ - 100^\circ = 80^\circ$ + Vì tia Oy nằm giữa 2 tia Ox' và Ot $\Rightarrow \angle x'Ot = \angle yOx' + \angle tOy = 80^\circ + 50^\circ = 130^\circ$ Vì Ot' là tia phân giác của $\angle x'Oy$ $\Rightarrow \angle x'Ot' = \angle t'Oy = \angle yOx' : 2 = 80^\circ : 2 = 40^\circ$ + Vì tia Oy nằm giữa 2 tia Ot và Ot' $\Rightarrow \angle t'Ot = \angle t'Oy + \angle tOy = 40^\circ + 50^\circ = 90^\circ$

$$\begin{array}{c}
 \angle t'Ot \\
 \uparrow \\
 \angle t'Oy + \angle tOy \\
 \uparrow \quad \uparrow \\
 \angle t'Oy = \dots; \angle tOy = \dots \\
 \uparrow \quad \uparrow
 \end{array}$$

Ot' là tia phân giác của $\angle yOx'$; Ot là tia phân giác của $\angle xOy$

<p>HS: Từ sơ đồ hướng dẫn → Giải bài tập ra nháp</p> <p>- 1 HS lên bảng trình bày</p> <p>- 1 HS nhận xét</p> <p>Gv: Hoàn thiện bài toán và khắc sâu cách làm cho HS nắm được</p> <p>Hs: Làm bài tập vào vở</p> <p>Gv: Cho HS làm bài tập 37/87</p> <p>? Bài tập cho gì? Hỏi gì?</p> <p>Hs: Tóm tắt bài toán- 1 HS lên bảng vẽ hình</p> <p>- Cả lớp vẽ hình vào vở</p> <p>Gv: Tính yOz như thế nào?</p> <p>Hs: Nêu cách tính → 1 HS lên bảng tính</p> <p>- Cả lớp làm vào vở- 1 HS nhận xét</p> <p>Gv: Cho HS thảo luận phần b theo nhóm</p> <p>Hs: Nhóm 1: Tính xOm</p> <p>Nhóm 2: Tính xOn</p> <p>Nhóm 3: Nhận xét mOn</p> <p>Gv: Hoàn thiện và khắc sâu lại cách làm cho HS nắm được</p> <p>Hs: Làm bài tập vào vở</p>	<p>Vậy góc tạo bởi 2 tia phân giác của 2 góc kề bù có số đo bằng 90° (hay 1V)</p> <p><u>Bài 37/87SGK</u></p> <p>a. Ta có: $xOy = 30^\circ$</p> <p>$xOz = 120^\circ$</p> <p>$\Rightarrow xOy < xOz$</p> <p>mà chúng cùng thuộc 1 nửa mặt phẳng bờ Ox</p> <p>Oy nằm giữa Ox và Oz</p> <p>$\Rightarrow xOy + yOz = xOz$</p> <p>$\Rightarrow 30^\circ + yOz = 120^\circ \Rightarrow yOz = 120^\circ - 30^\circ$</p> <p>$\Rightarrow yOz = 90^\circ$</p> <p>b. Vì Om là tia phân giác của xOy</p> <p>$\Rightarrow xOm = \frac{1}{2} xOy = \frac{30^\circ}{2} = 15^\circ$</p> <p>Vì On là tia phân giác của xOz</p> <p>$\Rightarrow xOn = \frac{1}{2} xOz = \frac{120^\circ}{2} = 60^\circ$</p> <p>$\Rightarrow xOm < xOn$ và chúng cùng thuộc 1 nửa mặt phẳng bờ Ox</p> <p>$\Rightarrow Om$ nằm giữa Ox và On</p> <p>$\Rightarrow xOm + mOn = xOn$</p> <p>$\Rightarrow 15^\circ + mOn = 60^\circ$</p> <p>$\Rightarrow mOn = 60^\circ - 15^\circ = 45^\circ$</p>
---	--

4. Củng cố

- Điều kiện để có Oy là tia phân giác của xOz ?
- Khi Oy là tia phân giác của xOz ta suy ra được điều gì?
- Cho biết cách vẽ tia phân giác của 1 góc

Cho hai tia Ox, Oy đối nhau, hai tia Oz, Ot cùng nằm trên nửa mặt phẳng bờ là tia Oy sao cho $xOz = 55^\circ$; $tOy = 65^\circ$

Góc kề bù với góc tOy có số đo là:

- A. 55° B. 25° C. 95° D. 115°

Số đo góc zOt là:

A. 120^0

B. 80^0

C. 60^0

D. 45^0

5. Hướng dẫn về nhà

- Học kỹ lý thuyết

- BTVN: 35;36/87

HDBT36/87 : Tính y_{Oz} ;

Om là
On là..... $\left\{ \Rightarrow m_{On} = \dots \right.$

- Chuẩn bị dụng cụ thực hành

Ngày soạn : 24/3

Ngày dạy : 28/3

Tiết 23:

THỰC HÀNH: ĐO GÓC TRÊN MẶT ĐẤT

A.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:- HS Biết sử dụng các dụng cụ giác kế để đo góc trên mặt đất

2. Kỹ năng : - Rèn kỹ năng sử dụng các dụng cụ đo góc, đọc số đo , gióng thẳng hàng.

3. Thái độ : - Cẩn thận , chính xác trong vẽ hình và lập luận .

- Thấy được ứng dụng thực tế.

B. CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. GV: Giác kế, cọc tiêu

2. HS: Mỗi nhóm 1 giác kế, 2 cọc tiêu, dây thừng, dây dọi

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

- Phương pháp vấn đáp, phát hiện và giải quyết vấn đề, hợp tác theo nhóm nhỏ, luyện tập và thực hành.

D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức: (1 phút)

2. Kiểm tra bài cũ: (5 phút)

Hãy vẽ 1 góc bất kỳ, dùng thước đo góc để đo góc đó? Nêu cách đo?

3. Bài mới:

<i>Hoạt động của GV – HS</i>	<i>Ghi bảng</i>
GV: GT dụng cụ đo góc trên mặt đất là giác kế ? quan sát và cho biết cấu tạo của giác kế? HS: Quan sát → Nêu cấu tạo	1. Dụng cụ để đo góc trên mặt đất + Giác kế + cấu tạo: SGK 2. Cách đo góc trên mặt đất
GV: Cho HS đọc SGK tìm hiểu cách dùng giác kế để đo góc trên mặt đất HS: Đọc SGK	Bước 1: + Đặt giác kế sao cho mặt đĩa tròn nằm ngang. Tâm của đĩa vuông góc với mặt đất (Theo phương của dây dọi)
GV: Hãy cho biết các bước thực hiện HS: Lần lượt đứng tại chỗ nêu 4 bước	Bước 2: + Đưa thanh về vị trí 0° sao cho cọc tiêu A và 2 khe hở thẳng hàng
GV: Kết hợp với 2 HS khác thực hiện từng bước HD cho HS các thao tác	Bước 3: + Cố định mặt đĩa đưa thanh quay đến vị trí sao cho cọc tiêu B và 2 khe hở thẳng hàng.
HS: Quan sát GV hướng dẫn → Ghi tóm tắt các bước thực hiện	Bước 4: + Đọc số đo độ góc ACB

4. Củng cố:

- Cho biết cách dùng giác kế để đo góc trên mặt đất
- Lưu ý cách dùng giác kế để đảm bảo chính xác

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học kỹ cách đo góc
- Chuẩn bị: Dây, cọc tiêu, dây dọi (theo tổ)

Ngày soạn : 01/4

Ngày dạy: 04/4

Tiết 24:

THỰC HÀNH: ĐO GÓC TRÊN MẶT ĐẤT

A.MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức**:- HS Biết sử dụng các dụng cụ giác kế để đo góc trên mặt đất
2. **Kĩ năng** : - Rèn kĩ năng sử dụng các dụng cụ đo góc, đọc số đo , gióng thẳng hàng.
3. **Thái độ** : - Cẩn thận , chính xác trong vẽ hình và lập luận .
 - Thấy được ứng dụng thực tế.
 - Có ý thức cẩn thận, chính xác khi đo góc trên mặt đất

B.CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- 1.GV: Giác kế , cọc tiêu
- 2.HS: Mỗi nhóm 1 giác kế, 2 cọc tiêu, dây thừng, dây dọi

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

- Phương pháp vấn đáp, phát hiện và giải quyết vấn đề, hợp tác theo nhóm nhỏ, luyện tập và thực hành. Thực hành trên thực địa.

D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức: (1 phút)

2. Kiểm tra bài cũ: (5 phút)

- Hãy nêu cách đo góc trên mặt đất bằng giác kế
 (4 nhóm cử đại diện lần lượt lên trả lời)
- Kiểm tra dụng cụ của các nhóm

3. Bài mới

GV: Chia khu vực thực hành cho các nhóm

HS: Tập trung tại khu vực được phân công

GV: Cho HS tiến hành thực hành theo quy trình đã học

HS: Các nhóm tiến hành thực hành

- + Đóng cọc(kiểm tra độ vuông góc của cọc với mặt đất)
- + Căng dây
- + Đo góc

GV: Quan sát→Uốn nắn các sai sót cho HS

HS: Ghi kết quả của nhóm mình ra giấy

- Nhóm khác kiểm tra chéo kết quả của nhau

4. Củng cố:

- HS thu dọn dụng cụ thực hành
- GV nhận xét ý thức chuẩn bị, ý Thức thực hành của HS, nhắc nhở các sai sót(nếu có) để HS nắm được

5. Hướng dẫn về nhà

- Ôn lại các kiến thức đã học
- Chuẩn bị thước thẳng, com pa
- Đọc trước bài đường tròn.

Ngày soạn : 07/4

Ngày dạy: 11/4

Tiết 25:

ĐƯỜNG TRÒN

A.MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:**- HS hiểu đường tròn là gì ? Hình tròn là gì ? Cung tròn , dây cung đường kính, bán kính của đường tròn .
2. **Kĩ năng** : - Sử dụng com pa vẽ đường tròn , hình tròn, cung tròn
3. **Thái độ** : - Chăm thận , chính xác trong vẽ hình và lập luận .

B.CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Thước thẳng, com pa , phấn màu
- HS : Thước thẳng, com pa

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

- Phương pháp vấn đáp, phát hiện và giải quyết vấn đề, hợp tác theo nhóm nhỏ, luyện tập và thực hành. Thực hành trên thực địa.

D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức: (1 phút)

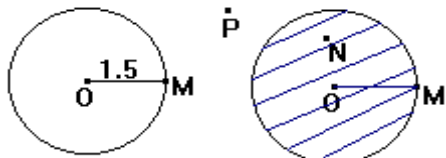
2. Kiểm tra bài cũ: (10 phút)

Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, vẽ 2 tia Oy và Oz sao cho

$$xOy = 30^{\circ}; xOz = 85^{\circ}. \text{ Vẽ Om là tia phân giác của } xOy.$$

Tính xOm ; yOz ?

3.Bài mới:

<i>Hoạt động của GV – HS</i>	<i>Ghi bảng</i>
<p>GV: Để vẽ đường tròn ta dùng dụng cụ gì?</p> <p>HS: Dùng compa \rightarrow Cách vẽ</p> <p>GV: Nhấn mạnh lại cách vẽ \rightarrow Cho HS vẽ vào vở.</p> <p>? Từ cách vẽ hãy nêu định nghĩa đường tròn</p> <p>HS: Vẽ hình \rightarrow Nêu định nghĩa</p> <p>GV: Giới thiệu ký hiệu, điểm nằm trong, điểm nằm ngoài đường tròn</p> <p>? So sánh ON với OM; OP với OM</p> <p>HS: $OM > ON$; $OP > OM$</p> <p>GV: Khắc sâu đặc điểm nhận biết \rightarrow GT định nghĩa hình tròn</p>	<p><u>1. Đường tròn và hình tròn</u></p> <p>a. Đường tròn:</p> <p>Định nghĩa: SGK/89</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>+ Ký hiệu: (O; R)</p> <p>+ Điểm M thuộc đường tròn</p> <p>+ Điểm N nằm bên trong đường tròn</p> <p>+ Điểm P nằm bên ngoài đường tròn</p> <p>b. Hình tròn</p> <p>+ Định nghĩa: SGK/90</p> <p><u>2. Cung và dây cung</u></p> <p>a) Cung: Giả sử $A, B \in (O) \rightarrow$ Chia đường tròn thành 2 phần. Mỗi phần gọi là 1 cung</p>

<p>- Cho HS đọc SGK tìm hiểu cung, dây cung</p> <p>HS: Đọc và nghiên cứu SGK</p> <p>G/v: Thế nào là cung, thế nào là dây cung?</p> <p>HS: Nêu khái niệm cung, dây cung</p> <p>GV: Tóm tắt và khắc sâu cho HS</p> <p>? Cung và dây cung khác nhau ở điểm nào?</p> <p>HS: Cung gồm các điểm thuộc đường tròn, dây cung có 2 điểm thuộc đường tròn...</p> <p>GV: So sánh đường kính và bán kính</p> <p>HS: Đường kính bằng 2 lần bán kính</p> <p>GV: Cho HS đọc SGK tìm hiểu công dụng của compa</p> <p>HS: Đọc SGK → Nêu 2 công dụng</p> <p>GV: Cho 2 HS lên bảng thực hiện cách so sánh và cách đo</p> <p>HS: 2HS lên bảng - HS khác theo dõi và nhận xét</p> <p>GV: Cho HS làm bài tập 38(SGK/ 91)</p> <p>? Làm thế nào để vẽ được (C;2cm)</p> <p>HS: Lấy tâm C bán kính CO</p> <p>GV: Tại sao (C;2cm) đi qua A và O</p> <p>HS: $C \in (O;2cm)$ và $C \in (A;2cm)$</p> <p>- 1 HS lên bảng vẽ - Lớp làm vào vở</p> <p>GV: Cho HS làm bài tập 39a/92</p> <p>HS: Một HS lên bảng vẽ hình - Lớp vẽ</p>	<p>tròn (cung). A, B là 2 mút của cung</p> <p>- A, B thẳng hàng với O → Mỗi cung là 1 nửa đường tròn</p> <div data-bbox="798 403 1308 604"> </div> <p>b) Dây cung: Là đoạn thẳng nối 2 đầu mút của cung</p> <p>- Dây cung đi qua tâm của đường tròn gọi là đường kính</p> <p>- Đường kính gấp 2 lần bán kính</p> <p>3. Một công dụng khác của compa</p> <p>+ Dùng compa để so sánh 2 đoạn thẳng mà không cần đo.</p> <p><u>Ví dụ 1:</u> SGK/ 90</p> <p>$AB < CD$</p> <p>+ Dùng compa để tính tổng 2 đoạn thẳng mà không cần đo riêng từng đoạn thẳng</p> <p><u>Ví dụ 2:</u> SGK/ 91</p> <p>$ON = OM + MN = AB + CD = 7 \text{ (cm)}$</p> <div data-bbox="829 1456 1340 1568"> </div> <p><u>Bài 38(SGK/ 91)</u></p> <p>a. Vẽ (C;CO) ⇒ (C;2cm)</p> <p>b. $C \in (O;2cm) \Rightarrow OC=2cm$</p> <p>$C \in (A;2cm) \Rightarrow AC=2cm$</p> <p>⇒ O, A ∈ (C;2cm)</p> <p><u>Bài 39/92 SGK</u></p> <p>Vì C, D ∈ (A;3cm)</p>
--	---

<p>hình vào vở</p> <p>GV: C,D có $\in (A)$ không? $\rightarrow AC, AD = \dots$</p> <p>C,D có $\in (B)$ không? $\rightarrow BC, BD = \dots$</p> <p>HS: C,D $\in (A) \rightarrow AC, AD = \dots$</p> <p>C,D $\in (B) \rightarrow BC, BD = \dots$</p> <p>GV: Khắc sâu: Điểm thuộc đường tròn luôn cách tâm 1 khoảng bằng bán kính</p>	<p>$\Rightarrow AC = AD = 3\text{cm}$</p> <p>Vì D,C $\in (B; 2\text{cm})$</p> <p>$\Rightarrow BC = BD = 2\text{cm}$</p>
--	--

4. Củng cố:

- Thế nào là đường tròn, hình tròn, cung, dây cung
- Đường tròn và hình tròn; cung và dây cung khác nhau ở điểm nào?

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học kỹ các định nghĩa
- BTVN: 39b,c; 40; 41/92+93
- HDBT 39/92: I là trung điểm của AB $\Rightarrow I \in AB; IA = IB$
 $IB = \dots \Rightarrow IA = \dots$
 $IK = AK - AI = \dots$
- Đọc trước bài: Tam giác (Chuẩn bị êke)

Ngày soạn : 11/4

Ngày dạy: 16, 18/4

Tiết 26:

TAM GIÁC

A.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS nắm vững định nghĩa tam giác, hiểu đỉnh, góc cạnh của tam giác.
- Biết vẽ tam giác, biết gọi tên, kí hiệu tam giác, nhận biết điểm nằm trong,

nằm ngoài tam giác

2. Kỹ năng:

- Học sinh có kỹ năng vẽ hình.

3. Thái độ:

- Học sinh có tính cẩn thận khi vẽ hình, sử dụng compa

B. CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Thước thẳng, com pa, phấn màu

- HS: Thước thẳng, com pa

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

- Phương pháp vấn đáp, phát hiện và giải quyết vấn đề, hợp tác theo nhóm nhỏ, luyện tập và thực hành. Thực hành trên thực địa.

D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

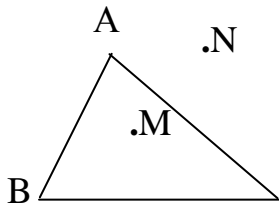
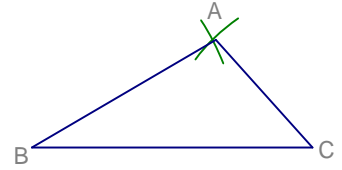
1. Ôn định tổ chức: (1 phút)

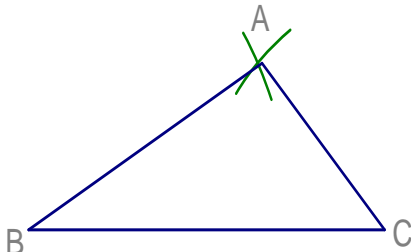
2. Kiểm tra bài cũ: (5 phút)

Cho 3 điểm A, B, C không thẳng hàng.

Hãy vẽ các đoạn thẳng AB, AC, BC

3. Bài mới:

Hoạt động của GV – HS	Ghi bảng
<p>GV: Qua kiểm tra bài cũ giới thiệu tam giác ABC ? vẽ thế nào là tam giác ABC? HS: Nêu định nghĩa tam giác</p> <p>GV: giới thiệu ký hiệu tam giác → giới thiệu đỉnh, cạnh, góc của tam giác HS: Ghi tóm tắt các nội dung GV: Cho biết vị trí của điểm M, điểm N? HS: M nằm trong tam giác, N nằm ngoài tam giác GV: Cho HS thảo luận nhóm bài tập 43/94 HS: Thảo luận nhóm → Mỗi nhóm điền vào 1 phần - Nhóm khác nhận xét (bổ sung)</p> <p>GV: Cho HS đọc SGK tìm hiểu cách vẽ tam giác HS: Đọc SGK GV: Tam giác trong VD được vẽ như thế nào? HS: Nêu cách vẽ</p>	<p><u>1/ Tam giác</u> + Định nghĩa: SGK + Ký hiệu: $\triangle ABC$</p>  <p>C</p> <p>- A, B, C là 3 đỉnh của tam giác - AB, AC, BC là 3 cạnh của tam giác $ABC; BAC; ACB$ ($B; A; C$) là 3 góc của tam giác ABC. - Điểm M nằm trong tam giác ABC - Điểm N nằm ngoài tam giác ABC</p> <p><u>Bài 43/94 SGK:</u> a. 3 đoạn thẳng MN, MP, NP khi 3 điểm M, N, P..... b.gồm 3 đoạn thẳng TV; TU; UV khi 3 điểm T, U, V không thẳng hàng</p> <p><u>2. Vẽ tam giác</u> + VD1: SGK/94</p>  <p>- Vẽ BC = 4cm - Vẽ cung tròn</p>

<p>GV: Tóm tắt cách vẽ và hướng dẫn HS vẽ</p> <p>HS: Theo dõi các thao tác của GV→Vẽ vào vở của mình</p> <p>GV: Cho HS áp dụng làm VD2</p> <p>HS: 1 HS lên bảng- Cả lớp làm vào vở</p> <p>- 1 HS nhận xét</p> <p>GV: Khắc sâu lại cách vẽ cho HS nắm được</p> <p><u>Lưu ý:</u></p> <p>Vẽ các cung tròn phải có bán kính chính xác theo yêu cầu</p> <p>GV: Cho HS làm bài tập 44/95</p> <p>HS: Cả lớp làm vào vở→Lần lượt lên bảng điền vào bảng phụ</p> <p>GV: Hoàn thiện→Khắc sâu cách gọi tên, Ký hiệu tam giác cho HS nắm được</p> <p>HS: Chữa bài tập vào vở (nếu sai)</p> <p>GV: Cho HS thảo luận nhóm bài tập 45/95</p> <p>HS: Các nhóm thảo luận→Lần lượt trả lời các câu hỏi</p> <p>- Nhóm khác nhận xét (bổ sung)</p>	<p>tâm B bk 3cm</p> <ul style="list-style-type: none">- Vẽ cung tròn tâm C bán kính 2 cm- Giao điểm của 2 cung là A→Nối A với B và C ta được $\triangle ABC$ <p>+ VD2 : Vẽ $\triangle ABC$ biết $AB = 4\text{cm}$; $BC = 5\text{cm}$; $AC = 3\text{cm}$</p>  <p>- Vẽ BC bằng 5cm</p> <p>-Vẽ cung tròn tâm B bán kính 4cm</p> <p>- Nối giao điểm A với B và C</p> <p><u>3. Bài tập</u></p> <p><u>Bài 44/95</u></p> <table><tr><th>Tên Δ</th><th>Tên đỉnh</th><th>Tên 3 góc</th><th>Tên cạnh</th></tr><tr><td>ΔABI</td><td>A, B, I</td><td>$ABI; BAI; AIB$</td><td>AB, BI, IA</td></tr><tr><td>ΔAIC</td><td>A, I, C</td><td>$IAC; CIA; ACI$</td><td>AI, IC, AC</td></tr><tr><td>ΔABC</td><td>A, B, C</td><td>$ABC; ACB; BAC$</td><td>AB, BC, AC</td></tr></table> <p><u>Bài 45/95</u></p> <p>a. AI là cạnh chung của $\triangle ABI$; $\triangle ACI$</p> <p>b. AC là cạnh chung của $\triangle ABC$; $\triangle ACI$</p> <p>c. AB là cạnh chung của $\triangle ABI$; $\triangle ABC$</p> <p>d. $\triangle ABI$ & $\triangle ACI$ có 2 góc kề bù</p>	Tên Δ	Tên đỉnh	Tên 3 góc	Tên cạnh	ΔABI	A, B, I	$ABI; BAI; AIB$	AB, BI, IA	ΔAIC	A, I, C	$IAC; CIA; ACI$	AI, IC, AC	ΔABC	A, B, C	$ABC; ACB; BAC$	AB, BC, AC
Tên Δ	Tên đỉnh	Tên 3 góc	Tên cạnh														
ΔABI	A, B, I	$ABI; BAI; AIB$	AB, BI, IA														
ΔAIC	A, I, C	$IAC; CIA; ACI$	AI, IC, AC														
ΔABC	A, B, C	$ABC; ACB; BAC$	AB, BC, AC														

4. Củng cố

- Tam giác là gì?
- Tam giác có mấy đỉnh, mấy góc, mấy cạnh?

5. Hướng dẫn về nhà

- Học kỹ các khái niệm
- BTVN: 46;47/95

- HDBT 46/95: Vẽ theo thứ tự các yêu cầu
 - HDBT47/95:
 - Vẽ IR=3cm
 - Vẽ (R;2cm)
 - Vẽ(I; 2,5cm)
- $\left\{ \begin{array}{l} \text{Giao điểm 2 cung tròn là T} \\ \rightarrow \text{Tam giác cân Vẽ} \end{array} \right.$
- Ôn tập lại toàn bộ chương II(Trả lời các câu hỏi SGK)

Ngày soạn : 11/4	Ngày dạy: 16, 20/4
------------------	--------------------

Tiết 27:

ÔN TẬP CHƯƠNG II

A.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

-Củng cố lại các kiến thức trong chương II (góc, đường tròn, tam giác)

2. Kỹ năng :

- HS nắm chắc các kiến thức và sử dụng thành thạo các dụng cụ để đo, vẽ: Góc, đường tròn và tam giác .Bước đầu tập suy luận đơn giản trong giải bài tập.

3. Thái độ :

- Cẩn thận, chính xác trong vẽ hình và lập luận .

B.CHUẨN BỊ DỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Thước thẳng, com pa , phấn màu, bảng phụ.

-HS : Thước thẳng, thước đo góc, compa, kiến thức về góc.

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

- Phương pháp vấn đáp, phát hiện và giải quyết vấn đề, hợp tác theo nhóm nhỏ, luyện tập và thực hành. Thực hành trên thực địa.

D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ôn định tổ chức: (1 phút)

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong phần ôn tập

3. Bài mới

<i>Hoạt động của GV – HS</i>	<i>Ghi bảng</i>
GV: Đưa ra bài tập 1 yêu cầu HS thảo luận nhóm điền vào chỗ trống để hoàn thành câu HS: Thảo luận nhóm - Các nhóm lần lượt nêu đáp án của mình - Nhóm khác nhận xét (bổ sung) GV: Khắc sâu từng câu cho HS nắm chắc các khái niệm, tính chất→áp dụng vào làm bài tập HS: Làm bài tập vào vở	<p><u>Bài 1</u> : Điền vào chỗ trống để được câu đúng</p> <p>a) Bất kì đường thẳng trên mặt phẳng cũng là của hai nửa mặt phẳng</p> <p>b) Số đo của góc bẹt là</p> <p>c) Nếu tia Oythì $xOy + yOz = xOz$</p> <p>d) Tia phân giác của 1 góc là tia2 cạnh của góc và tạo với hai cạnh ấy hai góc</p>

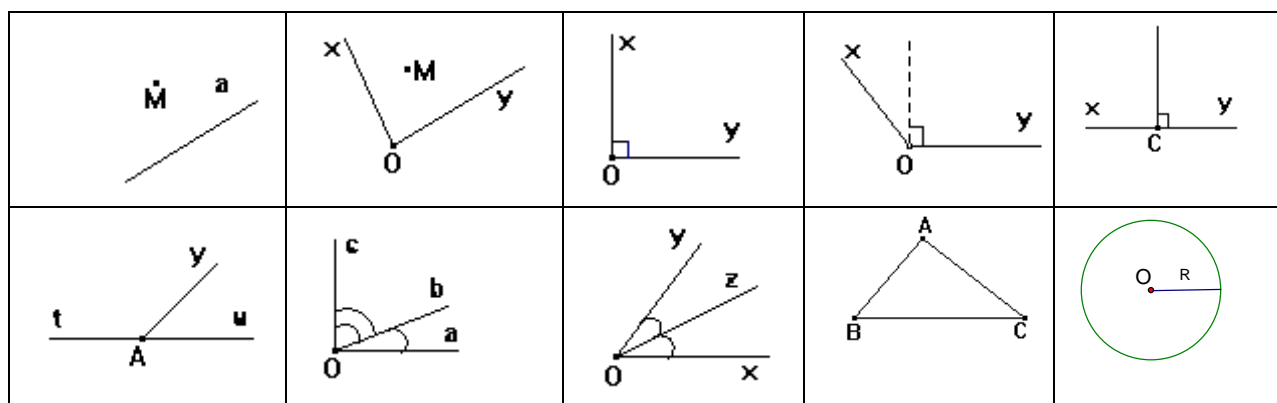
<p>G: Đưa ra bảng phụ yêu cầu HS thảo luận nhóm (giải thích các câu sai)</p> <p>Bài tập 2</p> <p>H: Các nhóm thảo luận. Đại diện các nhóm lần lượt trả lời và giải thích các câu sai</p> <p>- Nhóm khác nhận xét(bổ sung)</p> <p>G: Khắc sâu các kiến thức cơ bản về tia phân giác, về quan hệ của góc cho HS nắm được</p> <p>→Đưa ra bảng phụ (Máy chiếu) bài tập 3yêu cầu HS thảo luận nhóm</p> <p>H: Các nhóm thảo luận→Đưa ra đáp án và giải thích</p> <p>G: Đưa ra bài tập 4 yêu cầu HS vẽ hình và suy nghĩ cách làm</p> <p>H: Đọc đề, vẽ hình→Nghiên cứu cách làm</p> <p>G: Cho 1 HS lên bảng vẽ hình</p> <p>H: 1 HS lên bảng- Lớp vẽ vào vở</p> <p>G: yOx' được tính như thế nào? Vì sao?</p> <p>H: yOx' và $xOy \rightarrow xOy + yOx'$</p> <p>=...→....</p> <p>- 1 HS lên bảng tính- Cả lớp làm vào vở</p>	<p>.....</p> <p>Bài 2: Điền dấu(x) vào ô thích hợp</p> <table><tr><th>Câu</th><th>Đ</th><th>S</th></tr><tr><td>1. Góc bẹt có số đo nhỏ hơn 180^0</td><td></td><td></td></tr><tr><td>2. Om là tia phân giác của xOy khi $xOm + yOm = xOy$</td><td></td><td></td></tr><tr><td>3. Hai góc phụ nhau có tổng số đo bằng 90^0</td><td></td><td></td></tr><tr><td>4. Hai góc kề bù có tổng số đo bằng 180^0</td><td></td><td></td></tr><tr><td>5. $\square ABC$ là hình gồm 3 đoạn thẳng AB, AC, BC</td><td></td><td></td></tr><tr><td>6. $M \in (O; 2cm)$ thì $OM = 2cm$</td><td></td><td></td></tr></table> <p>Bài 3: Cho $xOt = 45^0$; $xOy = 135^0$(như hình vẽ)</p> <p>Góc yOt là góc gì? Giải thích?</p> <p>A. Góc tù</p> <p>B. Góc nhọn</p> <p>C. Góc vuông</p> <p>D. Góc bẹt</p> <p>Bài 4: Vẽ 2 góc kề bù xOy và yOx'</p> <p>Biết $xOy = 70^0$. Gọi Ot là tia phân giác của xOy, Ot' là tia phân giác của yOx'</p> <p>Tính yOx' ; tOt' ; xOt'</p> <p>Giải</p>	Câu	Đ	S	1. Góc bẹt có số đo nhỏ hơn 180^0			2. Om là tia phân giác của xOy khi $xOm + yOm = xOy$			3. Hai góc phụ nhau có tổng số đo bằng 90^0			4. Hai góc kề bù có tổng số đo bằng 180^0			5. $\square ABC$ là hình gồm 3 đoạn thẳng AB, AC, BC			6. $M \in (O; 2cm)$ thì $OM = 2cm$		
Câu	Đ	S																				
1. Góc bẹt có số đo nhỏ hơn 180^0																						
2. Om là tia phân giác của xOy khi $xOm + yOm = xOy$																						
3. Hai góc phụ nhau có tổng số đo bằng 90^0																						
4. Hai góc kề bù có tổng số đo bằng 180^0																						
5. $\square ABC$ là hình gồm 3 đoạn thẳng AB, AC, BC																						
6. $M \in (O; 2cm)$ thì $OM = 2cm$																						

<p>G: Để tính $\angle tOt'$ ta cần tính những góc nào liên quan?</p> <p>H: $\angle xOt, \angle t'Ox'$</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS lên bảng- Cả lớp làm vào vở - 1 HS nhận xét <p>G: Tính $\angle tOt'$ như thế nào?</p> <p>H: $\angle xOt + \angle tOt' + \angle t'Ox' = 180^\circ$ (Vì.....)</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS lên bảng- Cả lớp làm vào vở - 1 HS nhận xét <p>G: Tính $\angle xOt'$ như thế nào?</p> <p>H: $\angle xOt'$ và $\angle t'Ox'$ là 2 góc kề bù</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS lên bảng- Cả lớp làm vào vở <p>G: Hoàn thiện \rightarrow Chốt lại bài toán cho HS nắm được cách làm</p> <p>GV: Đưa ra bài tập 5 yêu cầu HS suy nghĩ cách giải</p> <p>HS: Nghiên cứu đề bài tìm cách giải</p> <p>GV: Cho 1 HS lên bảng vẽ hình- Cả lớp vẽ hình vào vở</p> <p>HS: 1 HS lên bảng- Lớp vẽ vào vở</p> <p>G: Thế nào là hai góc kề nhau, hai góc kề bù?</p> <p>HS: + 2 góc kề nhau: Chung 1 cạnh..... + 2 góc kề bù: chung 1 cạnh, 2 cạnh còn lại là hai tia đối nhau</p> <p>GV: Hãy chỉ ra các góc kề với $\angle xOm$, kề bù với $\angle xOm$</p> <p>HS: Lần lượt đứng tại chỗ trả lời</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS khác nhận xét(bổ sung) <p>GV: Hai góc kề bù có tính chất gì?</p> <p>HS: Tổng số đo bằng 180°</p> <p>GV: Tính $\angle yOm$ như thế nào?</p> <p>HS: $180^\circ - \angle xOm$</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS lên bảng tính 	<div data-bbox="842 264 1396 504" data-label="Image"> </div> <p>Ta có $\angle xOy$ và $\angle yOx'$ là 2 góc kề bù</p> $\Rightarrow \angle xOy + \angle yOx' = 180^\circ$ $\Rightarrow \angle yOx' = 180^\circ - 70^\circ = 110^\circ$ <p>Vì Ot' là tia phân giác của $\angle yOx'$</p> $\Rightarrow \angle t'Ox' = \angle t'Oy = \frac{1}{2} \angle yOx' = \frac{1}{2} 110^\circ = 55^\circ$ <p>Vì Ot là tia phân giác của $\angle xOy$</p> $\Rightarrow \angle xOt = \angle tOy = \frac{1}{2} \angle xOy = \frac{1}{2} 70^\circ = 35^\circ$ <p>Vì Ox và Ox' đối nhau $\Rightarrow Ot$ và Ot' nằm giữa Ox và $Ox' \Rightarrow \angle xOt + \angle tOt' + \angle t'Ox' = 180^\circ$</p> $\Rightarrow \angle tOt' = 180^\circ - 35^\circ - 55^\circ = 90^\circ$ <p>$\angle xOt'$ và $\angle t'Ox'$ là 2 góc kề bù</p> $\Rightarrow \angle xOt' + \angle t'Ox' = 180^\circ$ $\Rightarrow \angle xOt' = 180^\circ - 55^\circ = 125^\circ$ <p>Bài 5: Cho điểm $O \in$ đường thẳng xy, trên nửa mặt phẳng bờ xy vẽ 2 tia Om, On sao cho</p> $\angle yOn = 70^\circ; \angle xOm = 40^\circ$ <p>a. Vẽ hình, nêu tên các góc có trong hình vẽ</p>
---	---

<p>- 1 HS nhận xét</p> <p>GV: Tính $m\text{On}$ như thế nào?</p> <p>H: $\dots \Rightarrow \text{On}$ nằm giữa Om và $\text{Ox} \Rightarrow \dots$</p> <p>- 1 HS lên bảng- Cả lớp làm vào vở</p> <p>- 1 HS nhận xét</p> <p>G: Om cần có điều kiện gì để là phân giác của $y\text{Om}$?</p> <p>H: 2 điều kiện....</p> <p>G: Chốt lại nội dung bài toán cho HS nắm được đặc biệt là tính chất của hai góc kề bù và điều kiện để một tia là tia phân giác của 1 góc</p> <p>H: Làm bài tập vào vở</p>	<p>b. Chỉ ra: + Các góc kề với $x\text{Om}$ + Các góc kề bù với $x\text{Om}$</p> <p>c. Tính $y\text{Om}$ và $m\text{On}$</p> <p>d. Tia On có là tia phân giác của $m\text{Oy}$ không?</p> <div data-bbox="925 492 1404 739"> </div> <p><u>Giải</u></p> <p>a. Các góc có trong hình vẽ: Có 6 góc $x\text{Om}$; $x\text{On}$; $x\text{Oy}$; $m\text{On}$; $y\text{Om}$; $y\text{On}$</p> <p>b. Các góc kề với $x\text{Om}$ là: $y\text{Om}$; $m\text{On}$ Các góc kề bù với $x\text{Om}$ là: $y\text{Om}$</p> <p>c. Vì $x\text{Om}$ và $y\text{Om}$ là hai góc kề bù $\Rightarrow x\text{Om} + y\text{Om} = 180^\circ$ $\Rightarrow y\text{Om} = 180^\circ - x\text{Om}$ $\Rightarrow y\text{Om} = 180^\circ - 40^\circ = 140^\circ$ Vì $y\text{Om} = 140^\circ$ $y\text{On} = 70^\circ$ $\Rightarrow y\text{On} < y\text{Om}$ mà chúng cùng thuộc một nửa mp bờ Oy $\Rightarrow \text{On}$ nằm giữa Om và Oy $\Rightarrow y\text{On} + m\text{On} = y\text{Om}$ $70^\circ + m\text{On} = 140^\circ$ $\Rightarrow m\text{On} = 140^\circ - 70^\circ = 70^\circ$</p> <p>d. Theo (c) + On nằm giữa Om và Oy + $m\text{On} = y\text{On} = 70^\circ$ $\Rightarrow \text{On}$ là tia phân giác của $y\text{Om}$</p>
--	--

4. Củng cố

- Mỗi hình vẽ sau cho biết kiến thức gì?



- HS lần lượt lên bảng chỉ hình vẽ và nêu kiến thức liên quan
- GV khắc sâu các kiến thức cho HS nắm chắc

5. Hướng dẫn về nhà

- Ôn tập kỹ các kiến thức của chương (kiến thức về góc, tam giác, đường tròn)
- Rèn kỹ năng vẽ hình, đo góc
- Ôn tập các dạng bài tập tính góc, vẽ góc, vẽ tam giác

Ngày soạn : 14/4
Ngày dạy : 18, 20/4

Tiết 28:

KIỂM TRA 1 TIẾT

A.MỤC TIÊU:

- 1) **Kiến thức:** - Kiểm tra những kiến thức cơ bản trong chương II : Nửa mặt phẳng, góc và số đo góc, tia phân giác của góc, đường tròn, tam giác.
- 2) **Kỹ năng :** - Sử dụng thành thạo các dụng cụ để đo , vẽ góc, đường tròn và tam giác .Bước đầu tập suy luận đơn giản trong giải bài tập.
- 3) **Thái độ :** - Chăm thận , chính xác trong vẽ hình và lập luận .

B. MA TRẬN :

Chủ đề chính	Các mức độ cần đánh giá						Tổng
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1. Nửa mặt phẳng. Góc. Số đo góc.			2 0,5		2 0,5	2 3,0	6 4,0
2. Tia phân giác của góc.			1 0,25		1 0,25	1 1,5	3 2,0
3. Đường tròn. Tam giác			1 0,25		1 0,25	1 3,5	3 4,0

Tổng		4	8	12
		1,0	9,0	10

II. ĐỀ KIỂM TRA

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan (2 đ)

Hãy chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng?

Câu 1: Cho xOy và yOx' phụ nhau, biết $xOy = 20^\circ$ thì số đo yOx' là:

- A: 20° B: 160° C: 60° D: 70°

Câu 2: Nếu tia Ot nằm giữa hai tia Ox, Oy và $xOt = 30^\circ$, $xOy = 70^\circ$ thì tOy bằng:

- A: 30° B: 70° C: 40° D: 100°

Câu 3: Tia Oz là tia phân giác của góc xOy khi:

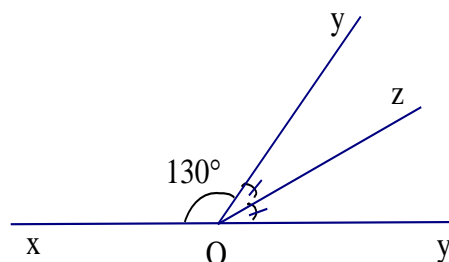
- A: $xOz = zOy$ C: $xOz + zOy = xOy$ và $xOz = zOy$
 B: $xOz + zOy = xOy$ D: $xOz + zOy = xOy$ hoặc $xOz = zOy$

Câu 4: Số đo của hai góc trong trường hợp nào sau đây là hai góc bù nhau:

- A: 180° và 90° B: 113° và 67° C: 135° và 55° D: 65° và 25°

Câu 5: Cho hình vẽ, biết hai góc xOy và yOy' kề bù, $xOy = 130^\circ$, tia Oz là tia phân giác của góc yOy' . Số đo góc zOy' bằng:

- A: 65° B: 35°
 C: 30° D: 25°



Câu 6: Cho hai góc $xOy = 70^\circ$ và $xOz = 30^\circ$ thuộc hai nửa mặt phẳng đối nhau. Khi đó số đo yOz bằng:

- A: 40° B: 100° C: 35° D: 15°

Câu 7: Cho điểm $M \in (O ; 5\text{cm})$. Khi đó độ dài đoạn thẳng OM là:

- A: 0,5 cm B: 2,5 cm C: 5 cm D: 10 cm

Câu 8: Cho 10 điểm thuộc đường thẳng a và một điểm O nằm ngoài đường thẳng đó. Có bao nhiêu tam giác có đỉnh là ba trong 11 điểm trên?

- A: 24 B: 45 C: 60 D: 32

Phần 2: Tự luận (8 đ)

Câu 1: Trên nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, vẽ tia Ot và Oy sao cho $\angle xOt = 40^\circ$, $\angle xOy = 80^\circ$

- Hỏi tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?
- So sánh $\angle xOt$ và $\angle tOy$?
- Tia Ot có là tia phân giác của $\angle xOy$? Giải thích.

Câu 2:

- Vẽ tam giác ABC biết $AB = 3\text{cm}$, $AC = 5\text{cm}$, $BC = 6\text{cm}$.
- Lấy điểm M nằm trong tam giác. Vẽ các tia AM, BM, đoạn thẳng MC

III. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM.

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan: (3đ)

Mỗi ý đúng được 0,25 đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	C	B	D	B	C	B

Phần 2: Tự luận (7đ)

<u>Câu 1:</u>	4,5 đ
- Vẽ đúng hình	0,5 đ
a) - Giải thích và xác định được tia Ot nằm giữa hai tia Ox, Oy	1,0 đ
b) - Tính được $\angle tOy = 40^\circ$	1,0 đ
- So sánh $\angle xOt = \angle tOy$	0,5 đ
c) Xác định được tia Ot là tia phân giác của $\angle xOy$	1,0 đ
- Giải thích	0,5 đ
<u>Câu 2:</u>	3,5 đ
- Vẽ được tam giác ABC	1,0 đ
- Trình bày cách vẽ	1,0 đ
- Vẽ đúng tia AM, BM	1,0 đ
- Vẽ đúng đoạn thẳng MC	0,5 đ

Ngày soạn : 04/5

Ngày giảng : 09/5

Tiết 29: Trả bài kiểm tra học kì II (phần hình học)

A. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

Chữa chi tiết lại bài kiểm tra học kỳ II cho HS, trả bài cho HS đối chiếu với bài làm rút ra được những điểm yếu trong cách trình bày và làm toán của hs.

2. Kỹ năng:

+Nhận xét ưu điểm, nhược điểm và những vấn đề cần sửa chữa, rút kinh nghiệm trong khi trình bày bài kiểm tra.

3. Thái độ:

+ HS thấy được những mặt còn yếu trong kiến thức để ôn tập lại các phần kiến thức bị hỏng .

B. Đồ dùng dạy học:

- GV:

- + Tập hợp kết quả bài kiểm tra cuối năm của lớp. tính tỉ lệ số bài giỏi, khá, trung bình, yếu.
- + Lên danh sách những hs tuyên dương, nhắc nhở.
- + đánh giá chất lượng học tập của hs, nhận xét những lỗi phổ biến, những lỗi điển hình của hs.
- + Thước thẳng, compa, êke, phấn màu, máy tính bỏ túi.
 - HS : tự rút kinh nghiệm về bài làm của mình. thước kẻ, compa, êke, máy tính bỏ túi.

C. Phương pháp:

- dạy học tích cực và học hợp tác.

D. Tiến trình dạy học:

1. mở bài: (1 phút)

- mục tiêu: kiểm tra bài cũ - đặt vấn đề.
- đồ dùng dạy học:
- cách tiến hành:

.....

2. Hoạt động 1: Tìm hiểu..... (... phút)

- mục tiêu: hs nắm được
- đồ dùng dạy học:
- cách tiến hành:

HĐ của GV và HS	Ghi Bảng
<i>HĐ 1: Nhận xét, đánh giá tình hình học tập của lớp thông qua kết quả kiểm tra</i>	
gv thông báo kết quả kiểm tra của lớp: – số bài từ trung bình trở lên là ... bài chiếm tỉ lệ ... % trong đó : + loại giỏi (9 ; 10) + loại khá (7 ; 8) + loại trung bình (5 ; 6) mỗi loại bao nhiêu bài, chiếm tỉ lệ bao nhiêu phần trăm. – số bài dưới trung bình là ... bài chiếm tỉ lệ ... % trong đó : + loại yếu (3 ; 4) + loại kém (0 ; 1 ; 2) mỗi loại bao nhiêu bài, chiếm tỉ lệ bao nhiêu phần trăm. – tuyên dương những hs làm bài tốt.	

<p>– nhắc nhở những hs làm bài còn kém. hs nghe gv trình bày</p>	
Hđ 2: Trả bài – chữa bài kiểm tra	
<p><u>1. Trả bài</u> GV: phát bài cho lớp trưởng để trả bài cho các bạn xem . HS: xem bài làm của mình, nếu có chỗ nào thắc mắc thì hỏi gv.</p> <p><u>2. Chữa bài kiểm tra</u> – GV đưa lần lượt từng câu của đề bài lên bảng, yêu cầu hs trả lời lại. - ở mỗi câu, gv phân tích rõ yêu cầu cụ thể, có thể đưa bài giải mẫu, nêu những lỗi sai phổ biến, những lỗi sai điển hình để hs rút kinh nghiệm. nêu biểu điểm để hs đối chiếu. – đặc biệt với những câu hỏi khó, gv cần giảng kĩ cho hs. – Sau khi đã chữa xong bài kiểm tra cuối năm (cả đại và hình), gv nên nhắc nhở hs về ý thức học tập, thái độ trung thực, tự giác khi làm bài và những điều chú ý (như cẩn thận khi đọc đề, khi vẽ hình, không tập trung vào các câu khó khi chưa làm xong các câu khác...) để kết quả bài làm được tốt hơn. – HS chữa những câu làm sai. HS có thể nêu ý kiến của mình về bài làm, yêu cầu gv giải đáp những kiến thức chưa rõ hoặc đưa ra các cách giải khác.</p>	<p>* đề bài và đáp án đề thi học kì II</p> <p>* Đáp án: <i>Phần trắc nghiệm:</i> <i>Mỗi ý đúng đạt 0,25 điểm</i> Câu 6: D Câu 7 : B Câu 8: A <i>Phần tự luận:</i> Bài 4:</p> <p>- Vẽ hình đúng 0,5đ</p> <p>a. $\widehat{xOm} + m\widehat{Oy} = 180^\circ$ 0.25đ</p> <p>Lập luận để $m\widehat{Oy} = 120^\circ$ 0.5đ</p> <p>b. Ot có là tia phân giác của $m\widehat{Oy} = 120^\circ$ 0.25đ</p> <p>$m\widehat{Ot} = 60^\circ$ 0.25đ</p> <p>$m\widehat{Ot} = t\widehat{Oy} = \frac{1}{2}m\widehat{Oy} = 60^\circ$ 0.25đ</p>
Hđ 3: Hướng dẫn về nhà.	
<p>- HS cần ôn lại những phần kiến thức mình chưa vững để củng cố</p> <p>- HS làm lại các bài sai để tự mình rút kinh nghiệm.</p> <p>- Với HS khá giỏi nên tìm thêm các cách giải khác để phát triển tư duy.</p>	

Ngày soạn :03/ 01 / 2011	Lớp 6A	Lớp 6C
	Ngày dạy: 13 / 01 / 2010	Ngày dạy: 13 / 01 / 2011

Tiết 27: ôn tập chương II(tiếp)

I. Mục tiêu

- 1) **Kiến thức:** Củng cố và khắc sâu các kiến thức cơ bản của của chương II
- 2) **Kĩ năng** : HS nắm chắc các kiến thức và sử dụng thành thạo các dụng cụ để đo, vẽ và tam giác .Bước đầu tập suy luận đơn giản trong giải bài tập.
- 3) **Thái độ** : - Cần thận , chính xác trong vẽ hình và lập luận .

- II. Chuẩn bị:**
- GV: Thước thẳng, thước đo góc, compa, phấn màu, bảng phụ
 - HS: Thước thẳng, thước đo góc, compa, KT về góc

III. Cách thức tiến hành:

Nêu và giải quyết vấn đề

IV. Tiến trình bài dạy:

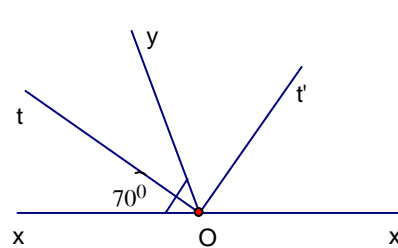
A. Tổ chức: sĩ số 6A: 6B: 6C:

III. Tiến trình bài dạy

A. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong phần ôn tập

B. Bài mới

Hoạt động của GV – HS	Ghi bảng
-----------------------	----------

<p>G: Đưa ra bảng phụ yêu cầu HS thảo luận nhóm (giải thích các câu sai)</p> <p>H: Các nhóm thảo luận. Đại diện các nhóm lần lượt trả lời và giải thích các câu sai</p> <p>- Nhóm khác nhận xét(bổ sung)</p> <p>G: Khắc sâu các kiến thức cơ bản về tia phân giác, về quan hệ của góc cho HS nắm được</p> <p>→Đưa ra bảng phụ bài tập 2 yêu cầu HS thảo luận nhóm</p> <p>H: Các nhóm thảo luận→Đưa ra đáp án và giải thích</p> <p>G: Đưa ra bài tập 3 yêu cầu HS vẽ hình và suy nghĩ cách làm</p> <p>H: Đọc đề, vẽ hình→Nghiên cứu cách làm</p> <p>G: Cho 1 HS lên bảng vẽ hình</p> <p>H: 1 HS lên bảng- Lớp vẽ vào vở</p> <p>G: yOx' được tính như thế nào? Vì sao?</p> <p>H: yOx' và $xOy \rightarrow xOy + yOx' = \dots \rightarrow \dots$</p> <p>- 1 HS lên bảng tính- Cả lớp làm vào vở</p>	<p>Bài 1: Điền dấu(x) vào ô thích hợp</p> <table><tr><th>Câu</th><th>Đ</th><th>S</th></tr><tr><td>1. Góc bẹt có số đo nhỏ hơn 180^0</td><td></td><td></td></tr><tr><td>2. Om là tia phân giác của xOy khi $xOm + yOm = xOy$</td><td></td><td></td></tr><tr><td>3. Hai góc phụ nhau có tổng số đo bằng 90^0</td><td></td><td></td></tr><tr><td>4. Hai góc kề bù có tổng số đo bằng 180^0</td><td></td><td></td></tr><tr><td>5. \square ABC là hình gồm 3 đoạn thẳng AB, AC, BC</td><td></td><td></td></tr><tr><td>6. $M \in (O; 2cm)$ thì $OM = 2cm$</td><td></td><td></td></tr></table> <p>Bài 2: Cho $xOt = 45^0$; $xOy = 135^0$(như hình vẽ)</p> <p>Góc yOt là góc gì? Giải thích?</p> <p>A. Góc tù</p> <p>B. Góc nhọn</p> <p>C. Góc vuông</p> <p>D. Góc bẹt</p> <p>Bài 3: Vẽ 2 góc kề bù xOy và yOx'</p> <p>Biết $xOy = 70^0$. Gọi Ot là tia phân giác của xOy, Ot' là tia phân giác của yOx'</p> <p>Tính yOx' ; tOt' ; xOt'</p> <p>Giải</p>  <p>Ta có xOy và yOx' là 2 góc kề bù</p>	Câu	Đ	S	1. Góc bẹt có số đo nhỏ hơn 180^0			2. Om là tia phân giác của xOy khi $xOm + yOm = xOy$			3. Hai góc phụ nhau có tổng số đo bằng 90^0			4. Hai góc kề bù có tổng số đo bằng 180^0			5. \square ABC là hình gồm 3 đoạn thẳng AB, AC, BC			6. $M \in (O; 2cm)$ thì $OM = 2cm$		
Câu	Đ	S																				
1. Góc bẹt có số đo nhỏ hơn 180^0																						
2. Om là tia phân giác của xOy khi $xOm + yOm = xOy$																						
3. Hai góc phụ nhau có tổng số đo bằng 90^0																						
4. Hai góc kề bù có tổng số đo bằng 180^0																						
5. \square ABC là hình gồm 3 đoạn thẳng AB, AC, BC																						
6. $M \in (O; 2cm)$ thì $OM = 2cm$																						

<p>G: Để tính $\angle Ot'$ ta cần tính những góc nào liên quan?</p> <p>H: $\angle xOt, \angle t'Ox'$</p> <p>- 1 HS lên bảng- Cả lớp làm vào vở</p> <p>- 1 HS nhận xét</p> <p>G: Tính $\angle Ot'$ như thế nào?</p> <p>H: $\angle xOt + \angle Ot' + \angle t'Ox' = 180^\circ$ (Vì.....)</p> <p>- 1 HS lên bảng- Cả lớp làm vào vở</p> <p>- 1 HS nhận xét</p> <p>G: Tính $\angle xOt'$ như thế nào?</p> <p>H: $\angle xOt'$ và $\angle t'Ox'$ là 2 góc kề bù</p> <p>- 1 HS lên bảng- Cả lớp làm vào vở</p> <p>G: Hoàn thiện \rightarrow Chốt lại bài toán cho HS nắm được cách làm</p> <p>\rightarrow Đưa ra bài tập 4 yêu cầu HS vẽ và nêu cách vẽ</p> <p>H: 1 HS lên bảng- Cả lớp làm vào vở</p> <p>- 1 HS nhận xét</p> <p>G: Khắc sâu cách vẽ cho HS nắm được. Lưu ý vẽ các cung tròn phải chính xác</p>	<p>$\Rightarrow \angle xOy + \angle yOx' = 180^\circ$</p> <p>$\Rightarrow \angle yOx' = 180^\circ - 70^\circ = 110^\circ$</p> <p>Vì Ot' là tia phân giác của $\angle yOx'$</p> <p>$\Rightarrow \angle t'Ox' = \angle t'Oy = \frac{1}{2} \angle yOx' = \frac{1}{2} 110^\circ = 55^\circ$</p> <p>Vì Ot là tia phân giác của $\angle xOy$</p> <p>$\Rightarrow \angle xOt = \angle tOy = \frac{1}{2} \angle xOy = \frac{1}{2} 70^\circ = 35^\circ$</p> <p>Vì Ox và Ox' đối nhau $\Rightarrow Ot$ và Ot' nằm giữa Ox và $Ox' \Rightarrow \angle xOt + \angle Ot' + \angle t'Ox' = 180^\circ$</p> <p>$\Rightarrow \angle Ot' = 180^\circ - 35^\circ - 55^\circ = 90^\circ$</p> <p>$\angle xOt'$ và $\angle t'Ox'$ là 2 góc kề bù</p> <p>$\Rightarrow \angle xOt' + \angle t'Ox' = 180^\circ$</p> <p>$\Rightarrow \angle xOt' = 180^\circ - 55^\circ = 125^\circ$</p> <p>Bài 4: Vẽ tam giác ABC biết $AC = 3,5\text{cm}$; $AB = 5\text{cm}$; $BC = 6\text{cm}$</p> <div data-bbox="938 1070 1396 1317" data-label="Image"> </div> <p>- Vẽ đoạn thẳng $BC = 6\text{cm}$</p> <p>- Vẽ cung tròn tâm B, bán kính 3cm</p> <p>- Vẽ cung tròn tâm C, bán kính 5cm</p> <p>- Nối giao điểm A của 2 cung tròn với B và C ta được $\triangle ABC$</p>
---	--

4. Củng cố

- Các góc có những quan hệ nào với nhau?
(Kề nhau, bù nhau, phụ nhau, kề bù)
- Để Om là tia phân giác của $\angle xOy$ thì Om phải thỏa mãn những điều kiện gì?
- ý nào sau đây đúng nhất ?
 - A) Hai góc có tổng số đo bằng 180° là hai góc kề bù .
 - B) Hai góc có tổng số đo bằng 90° là hai góc kề bù .
 - C) Hai góc kề nhau có tổng số đo bằng 180° là hai góc kề bù .
 - D) Hai góc có chung một cạnh là hai góc kề nhau .

- Cho góc $xOy = 95^\circ$. Góc yOz là góc kề bù với góc xOy . Góc yOz là :

A. Góc nhọn B. Góc tù C. Góc vuông D. Góc bẹt

5. Hướng dẫn về nhà

- Ôn tập lại toàn bộ chương trình hình học
- Xem lại các dạng bài tập về tính số đo góc và các bài tập liên quan
- Chuẩn bị kiểm tra 1 tiết

Ngày soạn :

Ngày dạy :

CHƯƠNG II

GÓC

Tiết 15:

§1. NỬA MẶT PHẪNG

A.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS hiểu thế nào là nửa mặt phẳng, làm quen với cách phủ nhận một khái niệm.
- Nhận biết tia nằm giữa hai tia theo hình vẽ.

2. Kỹ năng:

- Biết cách gọi tên nửa mặt phẳng, biết vẽ tia nằm giữa hai tia.

3. Thái độ:

- HS được rèn tính cẩn thận, chính xác.

B.CHUẨN BỊ:

1.GV: Sgk, bảng phụ, thước thẳng.

2. HS: Sgk, bảng nhóm.

C.PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

- Hoạt động nhóm; luyện tập thực hành; đặt và giải quyết vấn đề; thuyết trình đàm thoại.

D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức: (1 phút)

2.Kiểm tra:

3.Bài mới:

Hoạt động của Thầy - của Trò	Ghi bảng
------------------------------	----------

hoạt động 1: Nửa mặt phẳng bờ a. (20 phút)

*GV : giới thiệu về mặt phẳng: trang giấy, mặt phẳng là hình ảnh của mặt phẳng. mặt phẳng này không có giới hạn.

*HS: chú ý và lấy ví dụ về mặt phẳng.

*GV: dùng một trang giấy minh họa: nếu ta dùng kéo để cắt đôi trang giấy ra thì điều gì xảy ra ?

*HS: trả lời.

*GV: khi đó ta được hai phần riêng biệt của mặt phẳng: phần chứa kẻ xọc, và phần không có kẻ xọc. người ta nói rằng hai phần mặt phẳng riêng biệt đó gọi là **các nửa mặt phẳng** có bờ a.

*HS: chú ý và lấy ví dụ minh họa

*HS: thế nào là hai nửa mặt phẳng bờ a ?

*HS: trả lời.

*GV : Nhận xét và khẳng định: hình gồm đường thẳng a và một phần mặt phẳng bị chia ra bởi a được gọi là một nửa mặt phẳng bờ a.

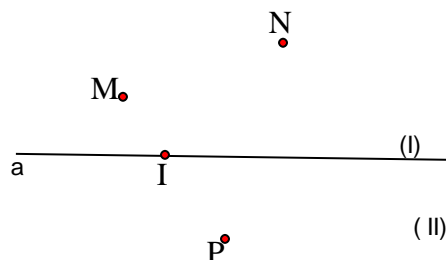
*HS: Chú ý nghe giảng và ghi bài.

*GV : Cho biết hai nửa mặt phẳng có chung bờ a có mối quan hệ gì ?

*HS trả lời.

*GV : Nhận xét hai nửa mặt phẳng có chung bờ được gọi là **hai nửa mặt phẳng đối nhau**.

*GV: quan sát hình 2 sgk - trang 72



- Hai mặt phẳng (I) và (II) có quan hệ gì ?

- Vị trí của hai điểm M, N so với

1. Nửa mặt phẳng bờ a

ví dụ:

dùng kéo cắt đôi trang giấy ta được hai nửa mặt phẳng.



vậy:

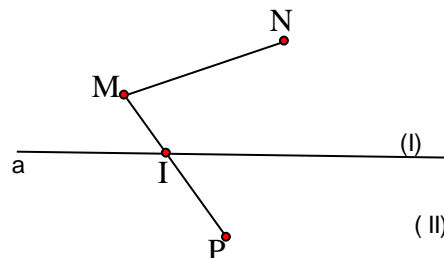
hình gồm đường thẳng a và một phần mặt phẳng bị chia ra bởi a được gọi là một nửa mặt phẳng bờ a.

chú ý:

- hai nửa mặt phẳng có chung bờ được gọi là **hai nửa mặt phẳng đối nhau**.

- bất kì một đường thẳng nào nằm trên mặt phẳng cũng là bờ chung của hai nửa mặt phẳng đối nhau.

ví dụ:



Nhận xét:

- Hai mặt phẳng (I) và (II) là hai mặt phẳng đối nhau.

- Hai điểm M, N nằm cùng phía với đường thẳng a.

- Hai điểm N, M nằm khác phía với đường thẳng a.

[?]1

a, Nửa mặt phẳng chứa điểm M, N.

Nửa mặt phẳng chứa điểm P

đường thẳng a ?

- Vị trí của ba điểm M, N, P so với đường thẳng a ?

***HS:** trả lời.

- Hai mặt phẳng (I) và (II) là hai mặt phẳng đối nhau.

- Hai điểm M, N nằm cùng phía với đường thẳng a .

- Hai điểm N, M nằm khác phía với đường thẳng a .

***GV :** Nhận xét và yêu cầu học sinh làm [?1].

a, Hãy nêu các cách gọi tên khác của hai nửa mặt phẳng (I) và (II).

b, Nối M với N , nối M với P . đoạn thẳng MN có cắt a không ? . đoạn thẳng MP có cắt a không ?

***HS:** Hai học sinh lên bảng.

***GV:** - Yêu cầu học sinh nhận xét.

- Nhận xét

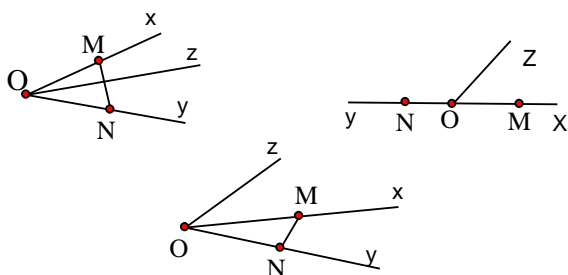
***HS:** Nhận xét và ghi bài.

hs nêu khái niệm nửa mặt phẳng bờ a .

Hoạt động 2: tia nằm giữa hai tia. (15 phút):

***GV :** tia là gì ?

đưa hình 3 (sgk- trang 72) lên bảng phụ:



ở mỗi hình vẽ trên, hãy cho biết:

vị trí tương đối của tia Oz và đoạn thẳng MN ?.

***HS:** trả lời.

***GV :** ở hình a ta thấy tia $Oz \cap MN$ tại điểm nằm giữa đoạn thẳng MN , khi đó ta nói: tia Oz nằm giữa hai tia Ox và tia Oy .

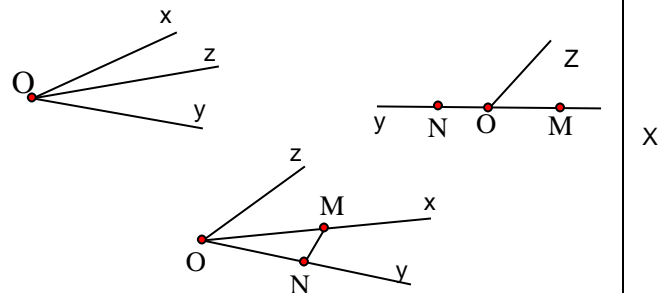
HS: chú ý nghe giảng.

b, $MN \cap a = \emptyset$

$MP \cap a = \{I\}$

2. Tia nằm giữa hai tia.

Ví dụ: hình 3 (Sgk- trang 72) .



Nhận xét:

ở hình a ta thấy tia $Oz \cap MN$ tại điểm nằm giữa đoạn thẳng MN , khi đó ta nói: tia Oz nằm giữa hai tia Ox và tia Oy

[?2]

- ở hình 3b, tia Oz có nằm giữa hai tia Ox và tia Oy .

- ở hình 3c, tia Oz không cắt đoạn thẳng MN . Tia Oz có không nằm giữa hai tia Ox và tia Oy .

***GV :** yêu cầu học sinh làm [?]2.
 - ở hình 3b, tia Oz có nằm giữa hai tia Ox và tia Oy ?
 - ở hình 3c, tia Oz có cắt đoạn thẳng MN không ?. tia Oz có nằm giữa hai tia Ox và tia Oy ?
***GV :** - Nhận xét .
 - Yêu cầu học sinh lên bảng lấy một ví dụ bất kì về tia nằm giữa hai tia GV nêu điều kiện tia nằm giữa hai tia

4.củng cố: (3 phút)

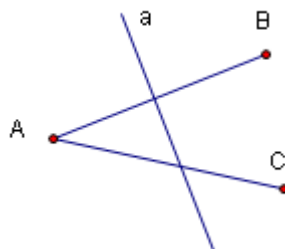
Củng cố khái niệm nửa mặt phẳng

Làm bài tập 2 / 73

Làm bài tập 4 / 73

HS: bài 4 (sgk – t.73)

- nửa mặt phẳng bờ a chứa điểm A và nửa mặt phẳng bờ b chứa điểm B
- đoạn thẳng BC không cắt đường thẳng a.



5.hướng dẫn học sinh học ở nhà: (2 phút)

- Về nhà học bài cũ và làm các bài tập trong sgk.
- Chuẩn bị bài mới “ Góc ”

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tiết 16:

§2. GÓC

A.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS hiểu thế nào là góc, cách nhận biết góc.
- Nhận biết tia nằm giữa hai tia theo hình vẽ, đọc tên các góc.

2. Kỹ năng:

- Vẽ góc, vẽ tia nằm giữa hai cạnh của góc, cách đọc tên góc.

3. Thái độ:

- HS được rèn tính cẩn thận, chính xác.

B.CHUẨN BỊ:

- GV: Sgk, bảng phụ, thước thẳng, phấn mả u, compa .
- HS: Sgk, bảng nhóm, compa.

C.PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

- Hoạt động nhóm; luyện tập thực hành; đặt và giải quyết vấn đề; thuyết trình đàm thoại.

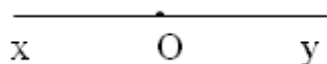
D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức: (1 phút)

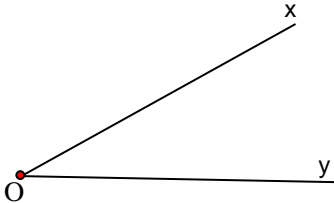
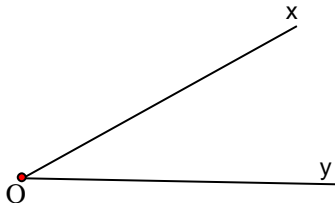
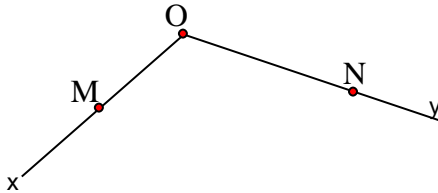
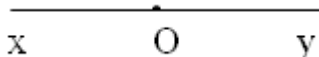
2.Kiểm tra:

H: Thế nào là nửa mặt phẳng bờ là đường thẳng a? Vẽ đường thẳng xy. Lấy điểm

$O \in xy$



3. Bài mới:

Hoạt động của Thầy - của Trò	Ghi bảng
<p>*GV: hãy vẽ hai tia chung gốc Ox và Oy,</p> <p>*HS: một học sinh lên bảng vẽ</p>  <p>*gv : giới thiệu: hình vẽ trên gọi là góc. đọc: góc xoy hoặc góc yox hoặc góc O kí hiệu: xOy hoặc yOx hoặc \hat{O} ngoài ra còn có các kí hiệu: $\angle xOy$; hoặc $\angle yOx$; hoặc $\angle O$ và hai tia ox và tia oy gọi là cạnh của góc</p> <p>*hs: chú ý nghe giảng và ghi bài.</p> <p>*gv : quan sát hình vẽ ở hình 4b, hình 4c (sgk –trang 74), hãy đọc và kí hiệu các góc ?.</p> <p>*HS: trả lời. nếu $M \in Ox$; $N \in Oy$ khi đó ta có thể đọc thay góc xOy là : góc MON hoặc góc HS : chú ý nghe giảng và ghi bài và lấy một số ví dụ.</p> <p>*GV : hãy đọc và kí hiệu góc trên hình vẽ sau ? có nhận xét gì về hai tia Ox và Oy ?</p> <p>HS: - góc xOy, kí hiệu: xOy - hai cạnh của góc là hai tia đối nhau.</p> <p>*GV: giới thiệu: người ta nói xOy gọi là góc bẹt. vậy: góc bẹt là gì ?.</p>	<p><u>1. Góc</u> Ví dụ:</p>  <p>hình vẽ trên gọi là góc. đọc: góc xOy hoặc góc yOx hoặc góc O. kí hiệu: xOy hoặc yOx hoặc \hat{O} ngoài ra còn có các kí hiệu: $\angle xOy$; hoặc $\angle yOx$; hoặc $\angle O$ hai tia Ox và tia Oy gọi là cạnh của góc</p>  <p><u>chú ý :</u></p> <p>nếu $M \in Ox$; $N \in Oy$ khi đó ta có thể đọc thay góc xOy là : góc MON hoặc góc NOM.</p> <p><u>2. Góc bẹt</u> ví dụ:</p>  <p>ta nói: hình vẽ trên là góc bẹt. vậy: góc bẹt là góc có hai cạnh là hai tia đối nhau.</p>

***HS**: trả lời.

***GV**: nhận xét và khẳng định:
góc bẹt là góc có hai cạnh là hai tia đối nhau.

***HS**: chú ý nghe giảng và ghi bài.

***GV**: yêu cầu học sinh làm ?.

hãy nêu một số hình ảnh thực tế của góc, góc bẹt ?.

***HS**: thực hiện.

***GV**: nhận xét.

HS: nêu khái niệm góc là gì, thế nào là góc bẹt.

hoạt động 2: vẽ góc. (10 phút):

gv : hướng dẫn học sinh vẽ góc.

- những yếu tố nào để tạo lên một góc ?.

- để vẽ được góc bất kì thì ta cần vẽ đỉnh và hai cạnh của góc.

***hs** : chú ý và vẽ theo giáo viên.

***gv**: trong trường hợp có nhiều góc, để phân biệt các góc người ta vẽ thêm một hay nhiều vòng cung nhỏ để nối hai cạnh của góc.

ví dụ : yOz và xOz

***HS**: chú ý nghe giảng và ghi bài và lấy các ví dụ.

hoạt động 3: điểm nằm bên trong góc.

(5 phút):

***GV**:

quan sát hình 6 (sgk –trang 74)

cho biết :

- góc xOy có phải là góc bẹt không ?.

- tia OM có vị trí như thế nào so với hai tia Ox và Oy ?.

***HS**: trả lời.

***GV**: nhận xét và giới thiệu :

ta thấy hai tia Ox và Oy không phải là hai tia đối nhau và tia OM nằm giữa hai tia Ox và Oy . Khi đó ta gọi điểm M là điểm nằm bên trong góc xOy và tia OM là tia nằm bên trong góc xOy .

***HS**: chú ý nghe giảng và ghi bài.

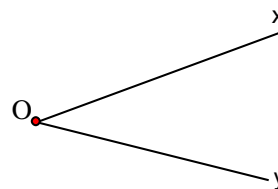
***GV**: - trong một góc bất kì, có bao

?. Ví dụ:

độ mở của compa, chùm ánh sáng, bàn đạp chạy,...

3. Vẽ góc

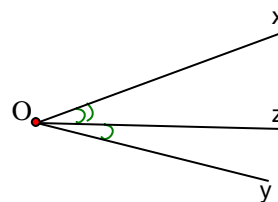
để vẽ được góc bất kì thì ta cần vẽ **đỉnh và hai cạnh của góc**.



chú ý:

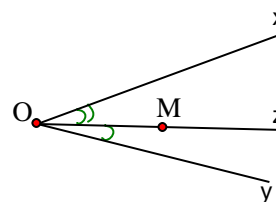
trong trường hợp có nhiều góc, để phân biệt các góc, người ta vẽ thêm một hay nhiều vòng cung nhỏ để nối hai cạnh của góc.

Ví dụ : yOz và xOz



4. Điểm nằm bên trong góc

Ví dụ:



Nhận xét:

<p>nhiều điểm nằm trong góc ?.</p> <p>- điều kiện gì để một hay nhiều điểm nằm bên trong góc ?.</p> <p>*HS: trả lời.</p> <p>*GV: hãy lấy một ví dụ về điểm nằm trong góc và nêu các điểm đó.</p> <p>*HS: thực hiện</p> <p><u>kết luận:</u> gv cùng cô: <i>khi nào điểm M là điểm nằm trong góc xOy ?</i></p>	<p>hai tia Ox và Oy không phải là hai tia đối nhau và tia OM nằm giữa hai tia Ox và Oy. khi đó ta gọi điểm M là điểm nằm bên trong góc xOy.</p> <p>và tia OM là tia nằm bên trong góc xOy.</p>
---	--

4.Củng cố: (5')

- củng cố kiến thức từng phần.

- Bài 8 (SGK/75):

Có tất cả ba góc là: BAC ; ACD ; BAD

5. hướng dẫn học sinh học ở nhà: (5')

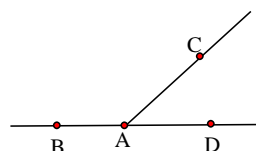
- Học thuộc bài kết hợp với vở ghi và SGK

- Làm các bài tập còn lại trong SGK

- Làm bài tập:

Bài 1: Vẽ bốn tia chung gốc là OA, OB, OC, OD. Trên hình vẽ có bao nhiêu góc?

Bài 2: Ba đường thẳng cắt nhau tại một điểm tạo thành bao nhiêu góc?



Ngày soạn :

Ngày dạy:

Tiết 17:

§3.SỐ ĐO GÓC

A.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

-HS công nhận mỗi góc có một số đo xác định. số đo góc bẹt là 180^0

- HS biết định nghĩa góc vuông, góc nhọn, góc tù.

2. Kỹ năng:

- Đo góc bằng thước đo góc.

- Biết so sánh hai góc.

3. Thái độ:

- HS đo góc cẩn thận, chính xác.

B.CHUẨN BỊ:

1.GV: Thước đo góc to, thước thẳng, phiếu học tập, phấn màu, compa, kéo.

2. HS: Thước đo góc, thước thẳng.

C.PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

- Hoạt động nhóm; luyện tập thực hành; đặt và giải quyết vấn đề; thuyết trình đàm thoại.

D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ôn định tổ chức: (1 phút)

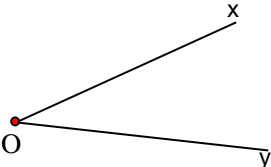
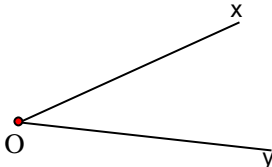
2. Kiểm tra:

- Vẽ một góc và đặt tên. Chỉ rõ đỉnh cạnh của góc?
- Vẽ một tia nằm giữa hai cạnh của góc, đặt tên tia đó?

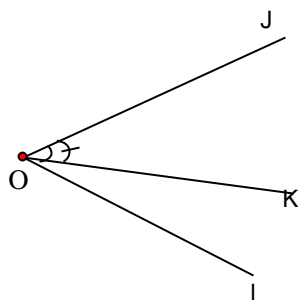
Hỏi trên hình vừa vẽ có mấy góc? Viết tên các góc đó?

Đặt vấn đề: Trên hình bạn vừa vẽ có 3 góc làm thế nào để biết chúng có bằng nhau hay không? Để trả lời được câu hỏi này chúng ta phải dựa vào “ Số đo góc” mà bài học hôm nay chúng ta nghiên cứu.

3. Bài giảng:

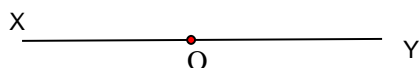
Hoạt động của Thầy - của Trò	Ghi bảng
<p><u>hoạt động 1: đo góc. (15 phút).</u></p> <p>*GV: Để xác định số đo góc xOy ta đo góc xOy bằng một dụng cụ gọi là thước đo góc</p> <ul style="list-style-type: none"> - giới thiệu về thước đo góc. - đơn vị của góc : độ . kí hiệu : ($^{\circ}$) - hướng dẫn học sinh đo góc.  <p>Để biết số đo góc của góc xOy ta làm như sau : Đặt thước sao cho tâm của thước trùng với điểm O và một cạnh của góc (Oy). khi đó cạnh còn lại (Ox) chỉ đến vạch nào của thước thì đó chính là số đo của góc xOy.</p> <p>*Nhận xét :</p> <ul style="list-style-type: none"> - mỗi góc có một số đo. - số đo của góc bẹt bằng 180°. - số đo của mỗi góc không vượt quá 180° <p>đặt thước sao cho tâm của thước trùng với điểm O và một cạnh của góc (Oy). khi đó cạnh còn lại (Ox) chỉ đến vạch nào của thước thì đó chính là số đo của góc xOy.</p> <p>HS: chú ý và làm theo gv.</p> <p>*GV: yêu cầu học sinh quan sát ví dụ (sgk – trang 76, 77).</p>	<p>Thước đo góc là một nửa đường tròn được chia thành 180 phần bằng nhau và được ghi từ 0 (độ) đến 180 (độ) ở hai vòng cung theo chiều ngược nhau. tâm của đường tròn này là tâm của thước.</p> <p>đơn vị của góc: độ. kí hiệu : ($^{\circ}$)</p> <p>cách đo:</p>  <p>Đặt thước sao cho tâm của thước trùng với điểm O và một cạnh của góc (Oy). khi đó cạnh còn lại (Ox) chỉ đến vạch nào của thước thì đó chính là số đo của góc xOy.</p> <p>*Nhận xét :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi góc có một số đo. - Số đo của góc bẹt bằng 180°. -Số đo của mỗi góc không vượt quá 180°

***GV:** hãy đo góc trong mỗi hình vẽ sau



và cho nhận xét ?

b,



***HS:** hai học sinh lên bảng lần lượt thực hiện.

***GV:** nhận xét và khẳng định:

HS: hai học sinh lên bảng lần lượt thực hiện.

***GV:** nhận xét và khẳng định:

- mỗi góc có một số đo.
- số đo của góc bẹt bằng 180° .
- số đo của mỗi góc không vượt quá 180° .

***HS:** chú ý nghe giảng và ghi bài.

***GV:** yêu cầu HS làm ?1. đo độ mở của cái kéo và của compa ?

***HS:** - hai hs lần lượt lên đo.

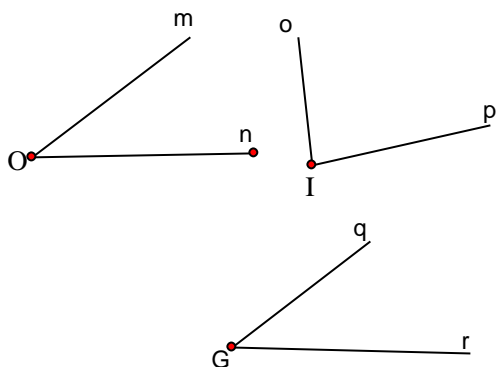
- hs dưới lớp thực hiện và nhận xét bài làm của 2 bạn

***GV:** - nhận xét.

- yêu cầu HS đọc chú ý trong SGK / 77

***HS:** thực hiện.

hoạt động 2: so sánh hai góc. (15 phút):



?1.

Đo độ mở của cái kéo bằng thước đo góc.

Đo độ mở của compa bằng thước đo góc.

Hãy đo các góc trong mỗi hình vẽ sau:
từ đó điền các dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp
vào ô trống sau:

mJn oIp

mJn qGr

qGr oIp

***HS:** một hs lên bảng thực hiện đo và
điền dấu thích hợp.

***GV:** nhận xét.

vậy muốn so sánh hai góc ta làm thế nào
?

***HS:** trả lời.

***GV:** hai góc có cùng số đo góc được
gọi là gì? Nếu số đo của 2 góc khác
nhau đgl gì?

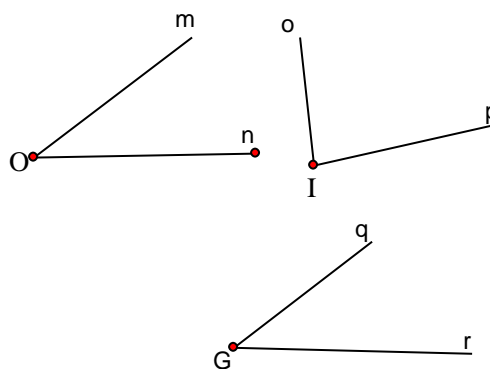
***HS:** trả lời.

***GV:** yêu cầu hs làm ?2.

***HS:** hoạt động theo nhóm nhỏ.

***GV:** yêu cầu các nhóm nhận xét chéo.

***HS:** thực hiện.



ta có: mJn = 45°

qGr = 45°

oIp = 80°

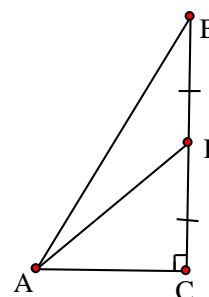
khi đó:

mJn oIp

mJn qGr

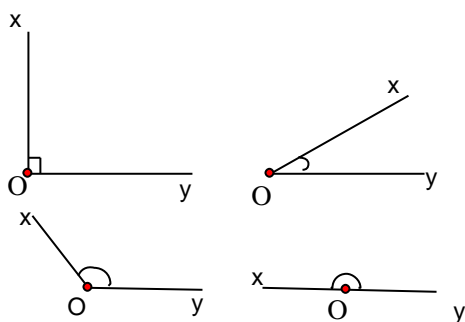
qGr oIp = 80°

?2.



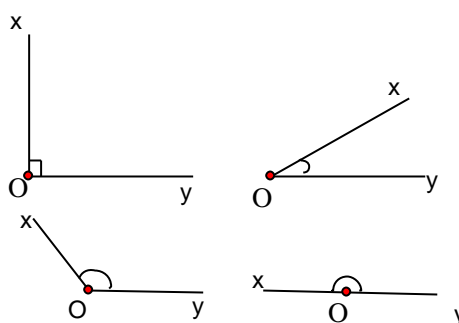
BAI < IAC

hoạt động 3: góc vuông, góc nhọn, góc tù. (5 phút):



3. Góc vuông, góc nhọn, góc tù

ví dụ:

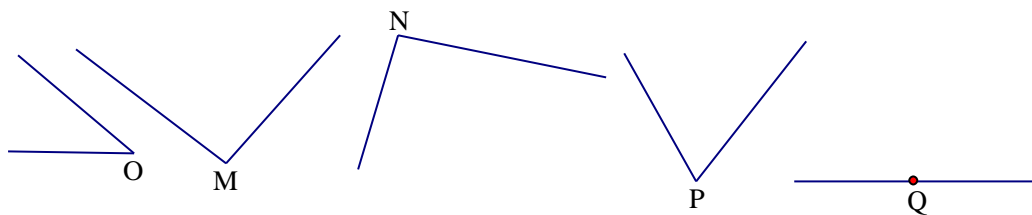


nhận xét:

$0^\circ < \alpha < 90^\circ$	$\alpha = 90^\circ$	$90^\circ < \alpha < 180^\circ$	$\alpha = 180^\circ$
Góc nhọn	Góc vuông	Góc tù	Góc bẹt

4. Củng cố:

Bài 1: a) Ước lượng bằng mắt xem góc nào là góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt.



Dùng góc vuông êke để kiểm tra lại kết quả.

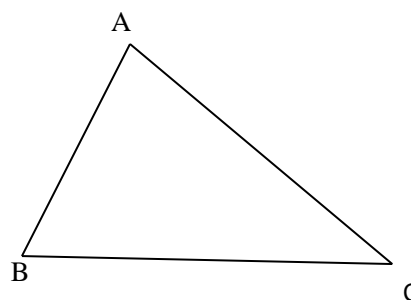
b) Dùng thước đo góc để kiểm tra lại.

Nhóm :.....

PHIẾU HỌC TẬP

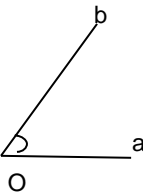
Bài 2 :

Cho hình vẽ. Đo các góc đó trong hình. So sánh các góc đó.

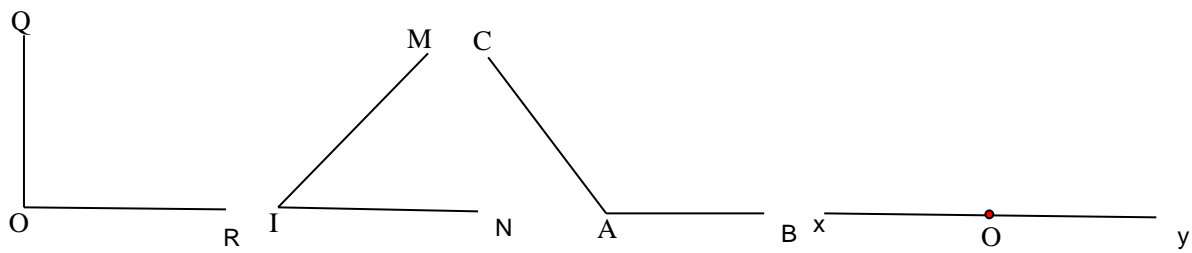


Bài 3: Điền vào ô trống trong bảng sau để được hình vẽ và khẳng định đúng.

Loại góc	Góc vuông	Góc nhọn	Góc tù	Góc bẹt
----------	-----------	----------	--------	---------

Hình vẽ				
Số đo		$0^0 < aOb < 90^0$		

Hãy đo và nhận xét các góc sau:



GV kiểm tra bài trên máy soi của vài nhóm.

GV hỏi:

- Nêu cách đo góc aOb?
- Em có kết luận gì về số đo mỗi góc
- Muốn so sánh góc ta làm như thế nào?
- Có những loại góc nào?

5.Hướng dẫn về nhà:

- Nắm vững cách đo.
- Nắm được các loại góc là góc nào.
- Làm các bài tập 12, 13, 15, 16, 17(SGK / 80), bài 14, 15(SBT)
- Chuẩn bị bài “ Khi nào $xOy + yOx = xOz$ ”.

tiết 19: khi nào thì $\widehat{xoy} + \widehat{yoz} = \widehat{xoz}$?

i. mục tiêu:

1. kiến thức:

- + học sinh nắm được khi nào $\widehat{xoy} + \widehat{yoz} = \widehat{xoz}$
- + nắm được các khái niệm: hai góc kề nhau, bù nhau, phụ nhau, kề bù.

2. kỹ năng:

- + rèn luyện kỹ năng tính logic, dùng thước đo góc, nhận biết quan hệ giữa hai góc.

3. thái độ:

- + rèn luyện cho hs tính cẩn thận, chính xác.

ii. đồ dùng dạy học:

- thầy: thước thẳng, phấn màu, compa, , các phiếu học tập.
- trò : thước đo góc, ...

iii. phương pháp:

- dạy học tích cực và học hợp tác.

iv. tổ chức giờ học:

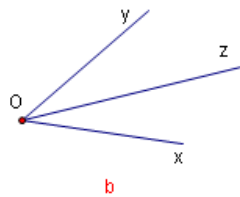
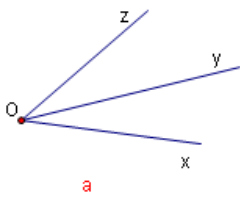
1. mở bài: (5 phút)

- mục tiêu: kiểm tra bài cũ - đặt vấn đề.
- đồ dùng dạy học:
- cách tiến hành:
gv: nêu cách đo góc ? thế nào là góc vuông, góc nhọn, góc tù ?
hs: trả lời.

2. hoạt động 1: khi nào thì tổng số đo hai góc xoy và yoz bằng số đo góc xoz. (15 phút)

- mục tiêu: học sinh nắm được khi nào $\angle xoy + \angle yoz = \angle xoz$
- đồ dùng dạy học: thước thẳng, thước đo góc.
- cách tiến hành:

hoạt động của thầy và trò	nội dung
*gv : cho hsinh vẽ sau:	1. <u>khi nào tổng số đo hai góc xoy và yoz bằng số đo góc xoz ?.</u> vớ dụ:



hãy đo các góc và so sánh tổng $\angle xOy + \angle yOz$

trong mỗi trường hợp sau:

a, hình a. b, hình b.

***hs:** hai học sinh lớn bảng thực hiện và nêu kết luận.

***gv:** nhận xét.

khi nào thì $\angle xOy + \angle yOz = \angle xOz$?.

***hs:** khi tia oy nằm giữa hai tia ox và tia oz.

***gv:** yêu cầu học sinh làm [?1].

cho góc xoy và tia oy nằm trong góc đó.

đo góc xoy, yoz, xoz. với $\angle xOz$

so sánh: $\angle xOy + \angle yOz$ với $\angle xOz$ ở hình 23a và hình 23b.

***hs:** thực hiện.

***gv:** nhận xét.

kết luận: hs nhắc lại nhận xét.

3. hoạt động 2: hai góc kề nhau, phụ nhau, bù nhau, kề bù. (15 phút):

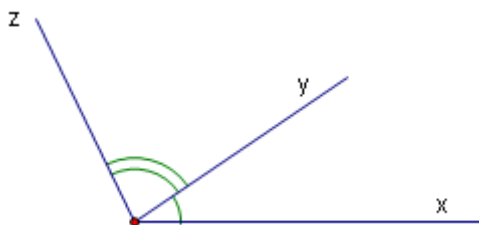
- mục tiêu: nắm được các khái niệm: hai góc kề nhau, bù nhau, phụ nhau, kề bù.

- đồ dùng dạy học: thước kẻ, thước đo góc.

- cách tiến hành:

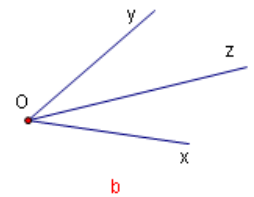
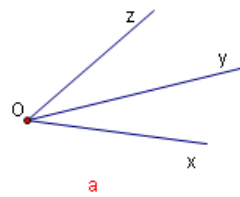
***gv:** vẽ hình lớn bảng phụ:

a,



có nhận xét gì về các cạnh của hai góc xoy và góc yoz ?.

b,



ở hình a ta có: $\angle xOy + \angle yOz = \angle xOz$

ở hình b ta có: $\angle xOy + \angle yOz > \angle xOz$.

[?1].

ta có: $\angle xOy + \angle yOz = \angle xOz$

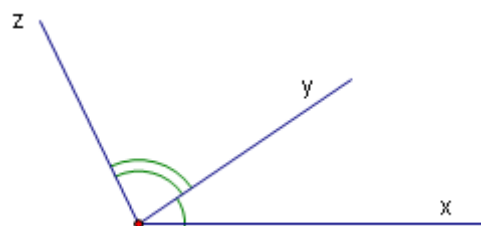
*** nhận xét:**

nếu tia oy nằm giữa hai tia ox và tia oz thì $\angle xOy + \angle yOz = \angle xOz$.

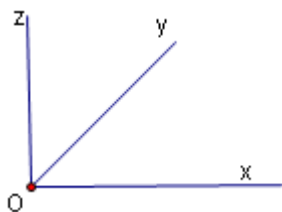
ngược lại: nếu $\angle xOy + \angle yOz = \angle xOz$ thì oy nằm giữa hai tia ox và tia oz.

2. hai góc kề nhau, phụ nhau, bù nhau, kề bù.

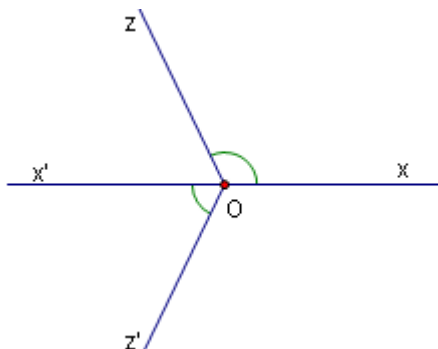
- hai góc kề nhau là hai góc có một cạnh chung và hai cạnh còn lại nằm trên hai nửa mặt phẳng đối nhau có bờ chứa cạnh chung.



- hai góc phụ nhau là hai góc có tổng số đo bằng 90° .



tính tổng của hai góc xoy và góc yoz ?
c,



tính tổng của hai góc xoz và x'oz' ?.

d,



cú nhận xột gỡ cộc cạnh và cộc góc của hai góc xoy và yoz

***hs:** thực hiện.

***gv :** nhận xột và giới thiệu:

- hai góc kề nhau là hai góc cú một cạnh chung và hai cạnh cũn lại nằm tròn hai nửa mặt phẳng đối nhau có bờ chứa cạnh chung.

- hai góc phụ nhau là hai góc có tổng số đo bằng 90° .

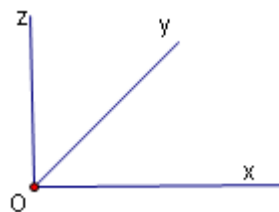
- hai góc bù nhau là hai góc có tổng số đo bằng 180° .

- hai góc vừa bù nhau, vừa kề nhau là hai góc kề bù.

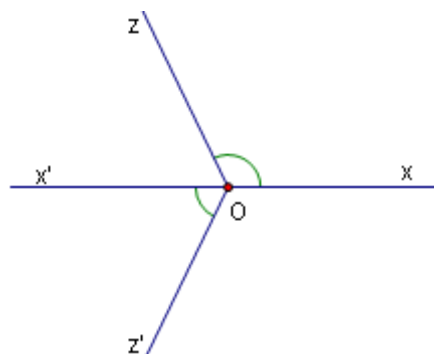
***hs:** chỳ ý nghe giảng và ghi bài.

***gv :** yờu cầu học sinh làm ?2.

hai góc kề bù có tổng số đo bằng bao nhiêu?



- hai góc bù nhau là hai góc có tổng số đo bằng 180° .



- hai góc vừa bù nhau, vừa kề nhau là hai góc kề bù.



?2.

hai góc kề bù có tổng số đo bằng 180° .



***hs:** trả lời.

***gv :** nhận xét .

kết luận: hs nhắc lại nhận xét của gv.

4. tổng kết và hướng dẫn học tập ở nhà. (8phút)

* củng cố:

khi năúo thờ $xoy + yoz = xoz$

- theỏ năúo láú hai goực keà nhau , phuừ nhau , buừ nhau , keà buừ
- láúm baừi tạọ 19 vaừ 23 sgk

* hướng dẫn học sinh học ở nhà:

hoừc baừi vaừ láúm caực baừi tạọ 20 , 21 , 22 sgk

ngày soạn: 02/02/2010

ngày giảng lớp 6a: 04/02/2010 - lớp 6b: 04/02/2010

tiết 20: vẽ góc cho biết số đo

i. mục tiêu:

1. kiến thức:

+ hs nắm được “ trên nửa mặt phẳng có bờ chứa tia ox, bao giờ cũng vẽ được một và chỉ một tia oy sao cho $\angle xoy = m^0$ ($0^0 < m < 180^0$).

2. kỹ năng:

+ biết vẽ góc cho trước số đo bằng thước thẳng và thước đo góc.

3. thái độ:

+ đo vẽ cẩn thận, chính xác.

ii. đồ dùng dạy học:

- thầy: thước thẳng, phấn màu, compa, thước đo góc.
- trò : thước thẳng, thước đo góc.

iii. phương pháp:

- dạy học tích cực và học hợp tác.

iv. tổ chức giờ học:

1. mở bài: (6 phút)

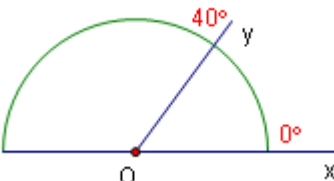
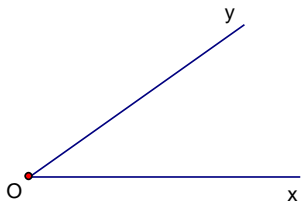
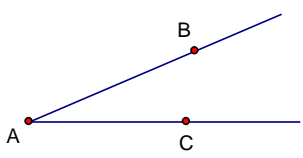
- mục tiêu: kiểm tra bài cũ - đặt vấn đề.
- đồ dùng dạy học:
- cách tiến hành:

gv: khi nào thì $\angle xoy + \angle yoz = \angle xoz$?

gv đvđ: khi có một góc ta có thể xác định số đo của nó bằng thước đo góc, ngược lại nếu có một số đo để vẽ được góc thì ta làm như thế nào ? . chúng ta cùng nghiên cứu bài học hôm nay “vẽ góc cho biết số đo”.

2. hoạt động 1: vẽ góc trên nửa mặt phẳng. (15 phút)

- mục tiêu: hs nắm được “ trên nửa mặt phẳng có bờ chứa tia ox, bao giờ cũng vẽ được một và chỉ một tia oy sao cho $\angle xoy = m^0$ ($0^0 < m < 180^0$).
- đồ dùng dạy học: thước thẳng, thước đo góc.
- cách tiến hành:

hoạt động của thầy và trò	nội dung
<p>*gv : nêu vd 1. hs: nghiên cứu vd 1. *gv:hdhs vẽ. đặt thước đo góc trên nửa mặt phẳng có bờ chứa tia ox sao cho tâm của thước trùng với gốc o của tia ox và tia ox đi qua vạch 0 của thước. kẻ tia oy đi qua vạch 40 của thước đo góc. khi đó góc xOy là góc vẽ được.</p>  <p>*hs: chỳ ý và làm theo giỏo viờn. *gv : tương tự hỏy vẽ gúc xoy sao cho $\angle xOy = 60^0$. *hs: một học sinh lờn bảng thực hiện. *gv : trên nửa mặt phẳng có bờ là tia ox, ta có thể vẽ được bao nhiêu gúc xoy sao cho $\angle xOy = m^0$?.*hs: trả lời. *gv : nhận xét và khẳng định: trên nửa mặt phẳng cho trước có bờ chứa tia ox, bao giờ cũng vẽ được một và chỉ một tia oy sao cho $\angle xOy = m^0$. *hs: chỳ ý nghe giảng và ghi bài. *gv : ychs làm vd 2 trong sgk – tr.83 hỏy vẽ gúc $\angle abc$? *hs: thực hiện.</p>	<p>1. vẽ gúc trờn nửa mặt phẳng. vd 1: cho tia ox . vẽ gúc xoy sao cho $\angle xoy = 40^0$.</p> <p><u>giải</u></p>  <p><u>nhận xét</u> : trên nửa mặt phẳng cho trước có bờ chứa tia ox , bao giờ cũng vẽ được một và chỉ một tia oy sao cho gúc xoy = m^0</p> <p><u>ví dụ 2</u> : hãy vẽ gúc abc biết $\angle abc = 30^0$</p> <p><u>giải</u></p>  <ul style="list-style-type: none"> - vẽ tia bc bất kỳ. - vẽ tia ba tạo với tia bc gúc 30^0 $\angle abc$ là gúc phải vẽ.

*gv : nhận xét .

kết luận: hs nêu nhận xét.

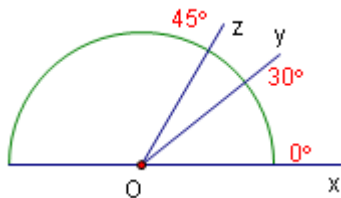
3. hoạt động 2: vẽ hai góc tròn nửa mặt phẳng. (15 phút):

- mục tiêu: biết vẽ góc cho trước số đo bằng thước thẳng và thước đo góc.
- đồ dùng dạy học: thước thẳng, thước đo góc.
- cách tiến hành:

*gv : ychs làm vở dụ 3.

cho tia ox và hai góc xoy và yoz tròn cùng một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia ox sao cho $\angle xOy = 30^\circ$ và $\angle xOz = 45^\circ$. trong ba tia ox, oy, oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại ?.

*hs: hai học sinh lần lượt lên bảng vẽ.



ta có tia oy nằm giữa hai tia ox và tia oz.

*gv : nhận xét .

có cách nào ta có thể vẽ góc $\angle xOz$ thụng qua góc $\angle xOy$?.

*hs: chỳ ý và trả lời.

*gv : nhận xét .

nếu $\angle xOy = m^\circ$ và $\angle xOz = n^\circ$

$(m^\circ < n^\circ)$ thì tia oy có vị trí như thế nào so với hai tia ox và tia oz.

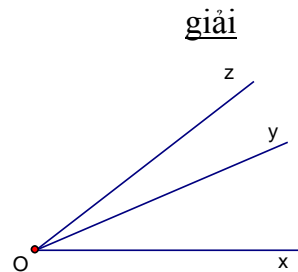
*hs: trả lời.

kết luận: gv củng cố cách vẽ góc trên nửa mặt phẳng.

2 : vẽ hai góc tròn nửa mặt phẳng.

ví dụ 3 :

cho tia ox. vẽ hai góc xoy và xoz trên cùng một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia ox sao cho $\angle xoy = 30^\circ$, $\angle xoz = 45^\circ$. trong ba tia ox, oy, oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại ?.



nư cách vẽ trên. ta thấy : tia oy nằm giữa hai tia ox và oz .

* nhận xét: (sgk – t.84)

4. tổng kết và hướng dẫn học tập ở nhà. (9 phút)

* củng cố:

baứi tạop 24 vaứ 25, 27 sgk trang 84

bài 27 (sgk – t.85)

tia oc nằm giữa tia oa và ob vì $\angle aob > \angle aoc$

nên $\angle aob = \angle aoc + \angle cob$

mà $\angle aob = 145^\circ$; $\angle aoc = 55^\circ$

$\Rightarrow \angle boc = 145^\circ - 55^\circ = 90^\circ$.

* hướng dẫn học sinh học ở nhà:

hoức baứi vaứ laứm caực baứi tạop 26 , 28 vaứ 29 sgk

ngày soạn: 24/02/2010

ngày giảng lớp a: 25/02/2010 - lớp b: 25/02/2010

tiết 21: tia phân giác của góc

i. mục tiêu:

1. kiến thức:

- + học sinh hiểu được thế nào là tia phân giác của góc ?
- + đường phân giác của góc là gì ?

2. kỹ năng:

- + học sinh biết vẽ tia phân giác của góc.
- + rèn luyện cho hs tính cẩn thận chính xác khi đo vẽ.

3. thái độ:

+ có ý thức tính cẩn thận, chính xác.

ii. đồ dùng dạy học:

- thầy: thước thẳng, phấn màu, compa, thước đo góc, bảng phụ.
- trò : đồ dùng học tập, ...

iii. phương pháp:

- hoạt động nhóm. đặt và giải quyết vấn đề. thuyết trình đàm thoại

iv. tổ chức giờ học:

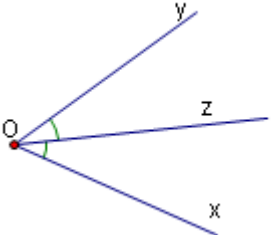
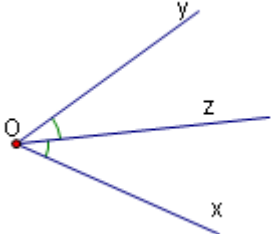
1. mở bài: (5 phút)

- mục tiêu: đặt vấn đề.
- đồ dùng dạy học:
- cách tiến hành:
 - * đvđ: gv treo hình vẽ hai cái cân: (thăng bằng và không thăng bằng)
 - + điểm khác nhau giữa hai cái cân ?
 - + khi nào cân thăng bằng ?
 - + khi cân thăng bằng thì kim cân ở vị trí nào ?

gv: hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu tia ot trên và kim cân ở vị trí cân thăng bằng có tên gọi là gì chúng ta vào bài mới: ...

2. hoạt động 1: tia phân giác của một góc là gì?. (10 phút)

- mục tiêu: hiểu tia phân giác của một góc là gì.
- đồ dùng dạy học: thước kẻ, thước đo góc.
- cách tiến hành:

hoạt động của thầy và trò	nội dung
<p>*gv : so sánh $\angle xOy$ và $\angle xOz$?</p>  <p>*hs: $\angle xOz = \angle yOz = 30^\circ$</p> <p>*gv : nhận xét và giới thiệu: ta thấy tia oz nằm giữa hai tia ox và tia oy và hợp hai cạnh này thành hai góc bằng nhau. khi đó tia oz được gọi là tia phân giác của góc xoy.</p> <p>*hs: chỳ ý nghe giảng .</p> <p>*gv : thế nào là tia phân giác của một góc ?.</p> <p>*hs: trả lời.</p> <p>*gv : nhận xét và khẳng định: <i>tia phân giác của một góc là tia nằm giữa hai cạnh của góc và tạo hai cạnh ấy hai góc bằng nhau.</i></p> <p>*hs: chỳ ý nghe giảng và ghi bài, lấy cốc vớ dụ minh họa.</p>	<p>1. tia phân giác của một góc là gì ?. vớ dụ:</p>  <p>ta thấy: $\angle xOz = \angle yOz = 30^\circ$ và tia oz nằm giữa hai tia oy và ox. khi đó tia oz gọi là tia phân giác của góc xoy.</p> <p>vậy: tia phân giác của một góc là tia nằm giữa hai cạnh của góc và tạo hai cạnh ấy hai góc bằng nhau.</p>

kết luận: hs nhắc lại khái niệm tia phân giác của một góc.

3. hoạt động 2: cách vẽ tia phân giác của một góc. (15 phút):

- mục tiêu: biết vẽ tia phân giác của góc.
- đồ dùng dạy học: thước kẻ, thước đo góc.
- cách tiến hành:

***gv** : cùng học sinh xét ví dụ:

vẽ tia phân giác oz của góc xoy có số đo 64° .

cách 1.

gợi ý:

- vẽ góc xoy = 64°
- oz là tia phân giác của góc xoy thì
 $\angle xOz = \angle yOz \Rightarrow \angle xOz = ?^\circ$
- vẽ góc $\angle xOz$ rồi nối vẽ.

***hs**: thực hiện.

***gv** : nhận xét .

cách 2. sgk- trang 86

***gv** : giới thiệu và minh họa lần tròn trang giấy.

***hs**: chú ý và làm theo hướng dẫn của giáo viên.

***gv** : hỏi cho biết mỗi góc có nhiều nhất là bao nhiêu tia phân giác ?

***hs**: trả lời.

***gv** : nhận xét và yêu cầu làm ?

hỏi vẽ tia phân giác của góc bẹt.

***hs**: thực hiện.

kết luận: gv nêu lại cách vẽ.

4. **hoạt động 3: chú ý. (5 phút):**

- mục tiêu: hiểu ứng dụng phân giác của một góc là gì ?
- đồ dùng dạy học: thước kẻ, thước đo góc.
- cách tiến hành:

***gv** : yêu cầu học sinh đọc trong sgk

***hs**: thực hiện.

2. cách vẽ tia phân giác của một góc.

ví dụ:

vẽ tia phân giác oz của góc xoy có số đo 64° .

cách 1:

do oz là tia phân giác của góc xoy nên: $\angle xOz = \angle yOz$.

mà $\angle xOz + \angle yOz = \angle xOy = 64^\circ$

suy ra: $\angle xOz = \frac{\angle xOy}{2} = \frac{64^\circ}{2} = 32^\circ$

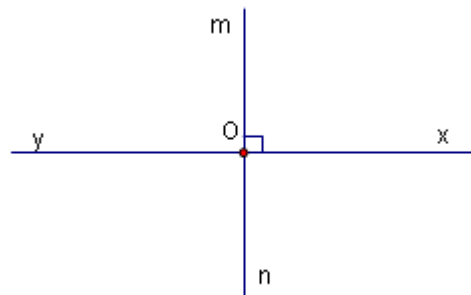
ta vẽ tia oz nằm giữa ox, oy sao cho $\angle xOz = 32^\circ$

cách 2: sgk- trang 86.

***nhận xét:**

mỗi góc (khung phải là góc bẹt) chỉ có một tia phân giác.

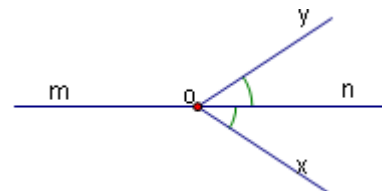
[?]



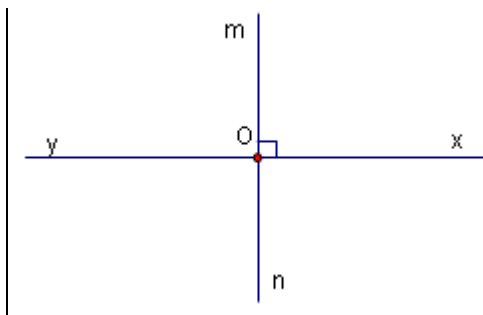
3. chú ý.

đường thẳng chứa tia phân giác của một góc là đường phân giác của góc đó.

a,



b,

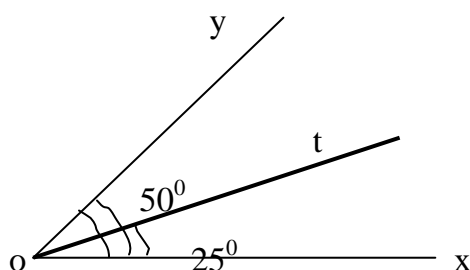


kết luận:

5. tổng kết và hướng dẫn học tập ở nhà. (10 phút)

- chữa bài tập 30, 31 sgk trang 87

bài 30: (sgk – t.87)



tia ot nằm giữa ox , oy (1)

$$\Rightarrow \widehat{toy} + \widehat{tox} = \widehat{xoy}$$

$$\Rightarrow \widehat{toy} + 25^\circ = 50^\circ \Rightarrow \widehat{toy} = 50^\circ - 25^\circ = 25^\circ$$

$$\Rightarrow \widehat{toy} = 25^\circ = \widehat{tox} \quad (2)$$

từ (1) và (2) \Rightarrow ot là tia phân giác của \widehat{xoy}

- hoặc bài tập vẽ laئم các bài tập 33, 34, 35 sgk

ngày soạn: 02/03/2010

ngày giảng lớp 6a: 04/03/2010 - lớp 6b: 04/03/2010

tiết 22: luyện tập

i. mục tiêu:

1. kiến thức:

+ biết vẽ góc khi biết số đo, khi nào thì $\angle xoy + \angle yoz = \angle xoz$, tính chất hai góc kề bù, tia phân giác của một góc.

2. kỹ năng:

+ rèn luyện kỹ năng vẽ hình thành thạo, cẩn thận, chính xác. lý luận vững chắc khi giải bài tập.

3. thái độ:

+ vẽ, đo cẩn thận, chính xác.

ii. đồ dùng dạy học:

- thầy: sgk, thước thẳng, thước đo góc.
- trò : đồ dùng học tập, ...

iii. phương pháp:

- dạy học tích cực và học hợp tác.

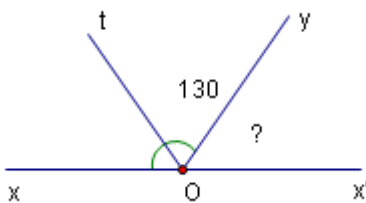
iv. tổ chức giờ học:

1. mở bài: (5 phút)

- mục tiêu: kiểm tra bài cũ.
- đồ dùng dạy học:
- cách tiến hành:
gv: thế nào là tia phân giác của một góc ?
nêu các cách xác định tia phân giác một góc?
hs: trả lời miệng.

2. hoạt động 1: luyện tập. (38 phút)

- mục tiêu: rèn kỹ năng vẽ hình thành thạo, cẩn thận, chính xác. lý luận vững chắc khi giải bài tập.
- đồ dùng dạy học: thước kẻ, thước đo góc.
- cách tiến hành:

hoạt động của thầy và trò	nội dung
<p>gv: ychs vẽ hình cẩn thận, chính xác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - để tính được số đo của một góc ta chú ý đến 3 tia và phải biết số đo của hai góc, từ đó học sinh biết phải xét 3 tia nào và tìm được số đo góc phải tìm. <p>? xOy và $x'Oy$ là 2 góc gì ? ta có điều gì ?</p> <p>? ot là tia gì của xOy ?</p> <p>hs: lên bảng trình bày cách vẽ và lời giải..</p>	<p>+ bài 33 (sgk – t.87):</p>  <p>vì xOy và $x'Oy$ kề bù:</p> $xOy + x'Oy = 180^\circ$ $\Rightarrow x'Oy = 180^\circ - xOy \Rightarrow x'Oy = 180^\circ - 130^\circ \Rightarrow x'Oy = 50^\circ$ <p>mà ot là phân giác của xOy nên:</p> $xOt = tOy = \frac{xOy}{2} = 65^\circ$

gv: nêu yêu cầu đầu bài ?
cùng hs vẽ hình
bài toán yêu cầu tính số đo các góc nào ?

hs: tính $x'Ot$ tương tự bài 33. một học sinh lên bảng làm.

gv: vị trí ot của góc xOy ?

hãy tính $x'Ot$?

gv: góc $x'Ot$ được tính như thế nào ?
để tính $x'Ot$ cần tính góc nào?
số đo góc yot' được tính như thế nào ?

hãy tính góc xot' ?

hãy tính góc tot' ?

hs: tính.

gv: qua bài toán trên em rút ra nhận xét gì ?

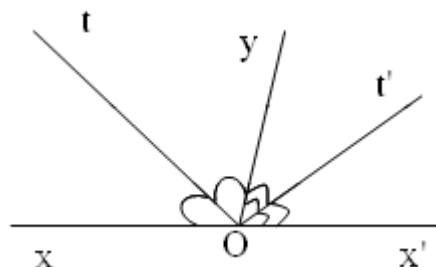
hs: nêu nhận xét.

mặt khác:

oy nằm giữa ox' và ot nên:

$$x'Ot = x'Oy + yOt \Rightarrow x'Ot = 50^\circ + 65^\circ = 115^\circ$$

+ bài 34(sgk – t.87):



vì xOy và $x'Oy$ kề bù:

$$xOy + x'Oy = 180^\circ$$

$$\Rightarrow x'Oy = 180^\circ - xOy \Rightarrow x'Oy = 180^\circ - 100^\circ \Rightarrow x'Oy = 80^\circ$$

mà ot là phân giác của xOy nên:

$$xOt = tOy = \frac{xOy}{2} = 50^\circ$$

mặt khác:

oy nằm giữa ox' và ot nên:

$$x'Ot = x'Oy + yOt \Rightarrow x'Ot = 80^\circ + 50^\circ = 130^\circ$$

vì oy nằm giữa ox và ot nên:

$$xOt' = xOy + yOt'$$

mà ot' là phân giác $x'Oy$ nên:

$$x'Ot' = t'Oy = \frac{x'Oy}{2} \Rightarrow t'Oy = 40^\circ$$

$$\text{vậy } x'Ot = 100^\circ + 40^\circ = 140^\circ$$

vì oy nằm giữa ot và ot' nên:

$$tOy + yOt' = tOt' \Rightarrow tOt' = 50^\circ + 40^\circ \Rightarrow tOt' = 90^\circ$$

*** nhận xét:** hai tia phân giác của hai góc kề bù thì vuông góc với nhau

3. tổng kết và hướng dẫn học tập ở nhà. (2 phút)

* củng cố :

- mỗi góc bẹt có bao nhiêu tia phân giác

- muốn c/m tia om là phân giác của góc xoy ta làm như thế nào ? ($xOm = yOm$)

* hđvn:

- học bài theo sgk. xem lại các bài tập đã chữa và làm các bt còn lại trong sgk.

- xem trước bài thực hành đo góc trên mặt đất.

Ngày soạn: 27 / 02 / 2010	Lớp 6A	Lớp 6C
	Ngày dạy: 07 / 02 / 2010	Ngày dạy: 07 / 02 / 2010

Tiết 23 -

Thực hành

Đo góc trên mặt đất

A. mục tiêu:

1. kiến thức:

+ học sinh hiểu cấu tạo giác kế.

2. kỹ năng:

+ biết cách sử dụng giác kế để đo góc trên mặt đất.

3. thái độ:

+ giáo dục ý thức tập thể, kỷ luật và biết thực hiện những quy định về kỹ thuật thực

hành cho học sinh.

B đồ dùng dạy học:

- thầy: một bộ thực hành.

- trò : một bộ thực hành.

C phương pháp:

- dạy học tích cực và học hợp tác.

D. tổ chức giờ học:

1. mở bài: (3 phút)

- mục tiêu: kiểm tra bài cũ

- đồ dùng dạy học:

- cách tiến hành:

thế nào là một tia phân giác của một góc?

2. hoạt động 1: tìm hiểu dụng cụ đo và hướng dẫn cách đo. (7 phút)

- mục tiêu: hs nắm được các bước đo.

- đồ dùng dạy học: giác kế, cọc tiêu, ...

- cách tiến hành:

Hoạt động của Thầy - của trò	Ghi bảng
<ul style="list-style-type: none"> - đặt giác kế trước lớp rồi giới thiệu với học sinh. - quan sát, lắng nghe. - trên mặt đĩa tròn có đặc điểm gì ? - mặt đĩa tròn được chia độ sẵn từ 0^0 đến 180^0 và được ghi trên hai nửa đĩa tròn ngược nhau - ngoài ra trên mặt của cóرن cạy thanh quay cạy theò quay xung quanh taóm cạy uúa. mỗ tạy ? 	<p><u>1. tìm hiểu dụng cụ đo và hướng dẫn cách đo.</u></p> <p><u>* cấu tạo:</u></p> <p>- bộ phận chính của giác kế là đĩa tròn.</p>

<p>- đưa tròn thước vào như thế nào? <u>hoạt động 2: cách đo góc trên mặt đất.</u> <u>(25 ph</u> treo hình 41, h42 yêu cầu học sinh lên làm mẫu đứng vào vị trí giáo viên yêu cầu. tiến hành bước 1: - cầm cọc tiêu và làm theo hướng dẫn của giáo viên. tiến hành bước 2: quan sát theo dõi cách làm của thầy giáo. quan sát cùng làm và theo dõi. khi tiến hành bước 2 cần chú ý điều gì ?</p> <p>tiến hành bước 3: treo tranh vẽ hình 42. hướng dẫn hs đọc số đo.</p> <p>nêu các bước tiến hành thực hành đo ?</p> <p>những điều khó khăn khi tiến hành đo trên mặt đất học sinh có thể nêu ra. giáo viên giải thích và hướng dẫn cách khắc phục.<u>út</u> quan sát cùng làm và theo dõi. - ngắm phải chuẩn và đặt đĩa tròn cố định ở góc 0^0</p> <p>quan sát theo dõi hình vẽ</p> <p>- đọc số đo góc theo sự hướng dẫn của gv.</p> <p>+ ngắm cọc tiêu + đặt giác kế + đặt cọc tiêu thống kê số liệu kết quả báo cáo. - hs thực hành trong lớp theo sự hd của gv.</p>	<p><u>2. cách đo góc trên mặt đất.</u></p> <p>- giả sử cần đo góc acb trên mặt đất:</p> <p><u>bước 1:</u> vào giữa kẻ sao cho mắt vừa tròn nằm ngang với taom của giác kế nằm trên một thước thẳng qua đỉnh c của góc acb.</p> <p><u>bước 2:</u> vào thanh quay về vị trí 0^0 với quay mắt vừa sao cho cọc tiêu ở a với hai khe hở thẳng hàng.</p> <p><u>bước 3:</u> xoay thước mắt vừa dựa thanh quay về vị trí b sao cho cọc tiêu ở b với hai khe hở thẳng hàng.</p> <p><u>bước 4:</u> vào sổ vào trên mắt vừa vào lại sổ vào của góc acb.</p>
---	--

hđgv	hđhs	nội dung
		<u>1</u>

3. hoạt động 2: cách đo góc trên mặt đất. (25 phút):

- mục tiêu: hs biết cách đo.
- đồ dùng dạy học: giắc kế, cọc tiều, ...
- cách tiến hành:

hđgv	hđhs	nội dung
<u>hđ 2: cách đo góc trên mặt đất.</u>		<u>2. cách đo góc trên mặt đất.</u>
<p>treo hình 41, 42</p> <p>yêu cầu học sinh lên làm mẫu đứng vào vị trí giáo viên yêu cầu.</p> <p>tiến hành bước 1:</p> <p>tiến hành bước 2:</p> <p>khi tiến hành bước 2 cần chú ý điều gì ?</p> <p>tiến hành bước 3:</p> <p>treo tranh vẽ hình 42.</p> <p>hướng dẫn hs đọc số đo.</p> <p>nêu các bước tiến hành thực hành đo ?</p> <p>những điều khó khăn khi</p>	<p>- cầm cọc tiêu và làm theo hướng dẫn của giáo viên.</p> <p>quan sát theo dõi cách làm của thầy giáo.</p> <p>quan sát cùng làm và theo dõi.</p> <p>- ngắm phải chuẩn và đặt đĩa tròn cố định ở góc 0^0</p> <p>quan sát theo dõi hình vẽ</p> <p>- đọc số đo góc theo sự hướng dẫn của gv.</p> <p>+ ngắm cọc tiêu</p> <p>+ đặt giắc kế</p>	<p>- giả sử cần đo góc acb trên mặt đất:</p> <p><u>bước 1:</u> ủaọt giaực keỏ sao cho maỏt ủaỏa troứn naỏm ngang vaứ taỏm cuỷa gaức keỏ naỏm treón moọt ủủứng thayng ủỉnh qua ủỏnh c cuỷa goức acb.</p> <p><u>bước 2:</u> ủủứ thanh quay veà vũ trở 0^0 vaứ quay maỏt ủaỏa sao cho coức tieỏu ủỷ a vaứ hai khe hủỷ thayng haứng.</p> <p><u>bước 3:</u> coỏ ủủứnh maỏt ủaỏa đũa thanh quay ủỏn vũ trở b sao cho coức tieỏu ủỷ b vaứ hai khe hủỷ thayng haứng.</p> <p><u>bước 4:</u> ủỏoức số ủỏo treón maỏt ủaỏa ủỏoứ laứ số ủỏo cuỷa goức acb.</p>

tiến hành đo trên mặt đất học sinh có thể nêu ra. giáo viên giải thích và hướng dẫn cách khắc phục.	+ đặt cọc tiêu thống kê số liệu kết quả báo cáo. - hs thực hành trong lớp theo sự hd của gv.	
---	--	--

4. tổng kết và hướng dẫn học tập ở nhà. (5 phút)

- nêu các bước tiến hành đo góc.
- chuẩn bị tốt dụng cụ thực hành.
- xem lại các bước tiến hành đo.
- phân công từng công việc cho các thành viên trong tổ.

Ngày soạn: 07 / 03 / 2011	Lớp 6 ^a	Lớp 6C
	Ngày dạy: 14 / 02 / 2011	Ngày dạy: 14/ 03/ 2011

Tiết 24:

Thực hành

Đo góc trên mặt đất (tiếp)

A. mục tiêu:

1. kiến thức:

+ học sinh hiểu cấu tạo giác kế.

2. kỹ năng:

+ biết cách sử dụng giác kế để đo góc trên mặt đất.

3. thái độ:

+ giáo dục ý thức tập thể, kỷ luật và biết thực hiện những quy định về kỹ thuật thực

hành cho học sinh.

B. đồ dùng dạy học:

- thầy: chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh:

+ một giác kế.

+ 3 cọc tiêu.

+ địa điểm thực hành.

- trò : dụng cụ thực hành.

C. phương pháp:

- dạy học tích cực và học hợp tác.

D. tổ chức giờ học:

1. mở bài: (3 phút)

- mục tiêu: kiểm tra bài cũ

- đồ dùng dạy học:

- cách tiến hành:

nêu cấu tạo của giác kế ?

2. hoạt động 1: Học sinh thực hành đo góc trên mặt đất. (32 phút)

- mục tiêu: hs nắm được các bước đo.

- đồ dùng dạy học: giác kế, cọc tiêu, ...

- cách tiến hành:

Hoạt động của thầy – của trò	Ghi bảng
<p>- theo sự chỉ đạo của giáo viên. các nhóm vào vị trí tiến hành làm thực hành.</p> <p>+ 1 hs cầm cọc a.</p> <p>+ 1 hs cầm cọc b.</p> <p>+ 2 hs điều chỉnh giác kế.</p> <p>- thư kí theo dõi nhóm làm, cùng làm và ghi báo cáo thực hành theo nội dung đã chuẩn bị trước.</p> <p>- mỗi nhóm cử một bạn ghi biên bản thực hành.</p> <p>Nội dung:</p>	<p>Nội dung:</p> <p>Nhóm ... lớp...</p> <p>Tên thành viên:</p> <p>1. ...</p> <p>2. ...</p> <p>3. ...</p> <p>4. ...</p> <p>4. Dụng cụ</p> <p>5. Ý thức trong quá trình thực hành.</p> <p>6. Kết quả thực hành:</p>

<p>Nhóm ... lớp...</p> <p>Tên thành viên:</p> <p>1. ...</p> <p>2. ...</p> <p>3. ...</p> <p>4. ...</p> <p>1. Dụng cụ</p> <p>2. Ý thức trong quá trình thực hành.</p> <p>3. Kết quả thực hành:</p> <p>3. <u>. hoạt động 2: nhận xét, đánh giá. (5 phút):</u></p> <p>- GV: nhận xét đánh giá quá trình thực hành của học sinh các nhóm. thu báo cáo thực hành, cho điểm thực hành.</p>	
---	--

4. tổng kết và hướng dẫn học tập ở nhà. (5 phút)

- học sinh cất dụng cụ, vệ sinh chân tay sạch sẽ.
- đọc trước bài đường tròn.
- mang đầy đủ compa.

Ngày soạn 14/ 03 /2011	Lớp 6A	Lớp 6C
	Ngày dạy: 21 / 03 / 2011	Ngày dạy: 21 / 03 / 2011

tiết 25 : đường tròn

A.mục tiêu:

1. kiến thức:

- + học sinh hiểu được thế nào là đường tròn? thế nào là hình tròn?
- + hiểu thế nào là cung, dây cung, đường kính, bán kính.

2. kỹ năng:

- + sử dụng compa thước kẻ.
- + biết vẽ đường tròn, cung tròn.

3. thái độ:

- + rèn luyện cho hs tính cẩn thận chính xác khi vẽ.

B.đồ dùng dạy học:

- thầy: sgk, bảng phụ, thước thẳng. compa
- trò : thước thẳng. compa

C. phương pháp:

- dạy học tích cực và học hợp tác.

D.tổ chức giờ học:

1. mở bài: (3 phút)

- mục tiêu: đặt vấn đề.
- đồ dùng dạy học:
- cách tiến hành:
gv đặt vấn đề như sgk

2. hoạt động 1: tìm hiểu đường tròn. (10 phút)

- mục tiêu: hs nắm được khái niệm đường tròn và hình tròn.
- đồ dùng dạy học: thước thẳng. compa
- cách tiến hành:

hoạt động của thầy và trò	Ghi bảng
<p>*gv : ở hình vẽ a, hãy so sánh khoảng cách từ o đến a, b, c, d, e, f, g, h, i, j, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, w, x, y, z. *hs: $oa = ob = oc = od = oe = of = og = oh = oi = oj = ok = ol = om = on = op = oq = or = os = ot = ou = ov = ow = ox = oy = oz = 1,7 \text{ cm}$.</p>	<p><u>1. đường tròn và hình tròn.</u> ví dụ:</p>

***gv** : nhận xét giới thiệu:

ở hình vẽ a được gọi là **đường tròn tâm O bán kính R**

đường tròn là gì?

***hs**: trả lời.

***gv** : nhận xét và khẳng định:

đường trong tâm o, bán kính r là hình gồm các điểm cách điểm o một khoảng r.

kí hiệu: $(o;r)$.

ở hình vẽ b,

cây nhận xét về vị trí của các điểm m, n, p so với đường tròn $(o;r)$?.

***hs**: trả lời.

***gv** : nhận xét và giới thiệu:

hình vẽ b, được gọi là **hình tròn**.

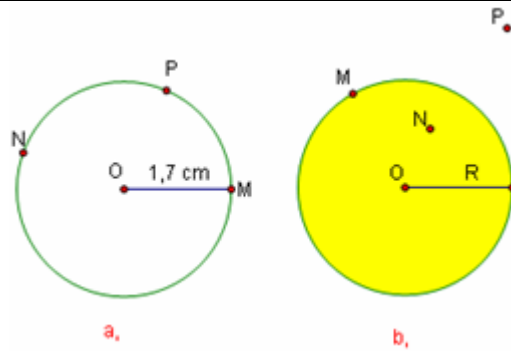
hình tròn là gì ?.

***hs**: trả lời.

***gv** : nhận xét và khẳng định:

hình tròn là hình gồm các điểm nằm trên đường tròn và các điểm nằm bên trong đường tròn.

***hs**: chú ý nghe giảng, ghi bài và lấy cốc vẽ minh họa.



*** nhận xét:**

- ở hình vẽ a được gọi là **đường tròn tâm o bán kính r**.

vậy:

đường trong tâm o, bán kính r là hình gồm các điểm cách điểm o một khoảng r.

kí hiệu: $(o;r)$.

- hình vẽ b, được gọi là **hình tròn**.

vậy:

hình tròn là hình gồm các điểm nằm trên đường tròn và các điểm

3. hoạt động 2: tìm hiểu cung và dây cung.(10phút):

- mục tiêu: hs nắm được cung và dây cung.
- đồ dùng dạy học: thước thẳng, compa
- cách tiến hành:

***gv** :

vẽ một đường tròn $(o;r)$ với $r = 1,5$ cm và lấy hai điểm a, b trên đường tròn .

***hs**: thực hiện.

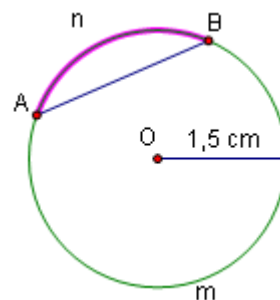
***gv** : nhận xét và giới thiệu:

- ta thấy hai điểm a, b đều thuộc $(o;r)$. khi đó, hai điểm này chia đường tròn thành hai phần, mỗi phần gọi là **cung tròn** (gọi tắt là **cung**). và hai điểm a, b gọi là hai **đầu mút**

- nếu hai điểm a, b thẳng hàng với o thì cây gì đặc biệt ?.

2. cung và dây cung.

ví dụ:



*** nhận xét :**

- ta thấy hai điểm a, b đều thuộc $(o;r)$. khi đó, hai điểm này chia đường tròn thành

***hs:** chỳ ý nghe giảng, trả lời và ghi bà i.

***gv :**

- nếu ta nối hai điểm a và b, khi đó:
đoạn thẳng ab gọi là **dù cụng** (gọi tắt là **dù**).

nếu dõy đi qua tũm gọi là **đường kớnh**.

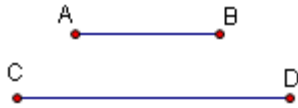
***hs:** chỳ ý nghe giảng và ghi bà i.

kết luận:

4. hoạt động 3: tũm hiểu cụng cụ khỏc của compa.(15 phỳt):

- mục tiờu: hs nắm được
- đồ dựng dạy học:
- cớch tiến hà nh:

***gv :** khụng đo, hứy so sỏnh hai đoạn thẳng sau:



***hs:** thực hiện.

***gv :** nhận xỏt và hướng dẫn bằng cớch dựng compa.

cớch so sỏnh:

- mở rộng gúc mở của compa sao cho hai đầu kim của compa trụng với hai đầu đoạn thẳng thứ nhất.
- giữ nguyên độ mở của compa, rồi đặt một đầu compa trụng với một đầu của đoạn thẳng thứ hai. đầu cũn lại sẽ cho ta biết ngay kết quả của việc so sỏnh.

***hs:** chỳ ý nghe giảng và ghi bà i.

***gv :** yờu cầu học sinh tự nghiờn cứu cớch vớ dụ 1, vớ dụ 2 sgk — trang 90-91.

***hs:** thực hiện.

kết luận:

5. tổng kết và hướng dẫn học tập ở nhà . (7phỳt)

*** cụng cố :**

bảu tộp 38 , 39 sgk trang 87

bài 39. (sgk 92)

a) $ca = da = 3 \text{ cm}$

$bc = bd = 2 \text{ cm}$

b) i là trung điểm của đoạn thẳng ab

c) ta cú : $ak + kb = ab$

hai phần, mỗi phần gọi là **cụng trũn** (gọi tắt là **cụng**). và hai điểm a, b gọi là hai **đầu mỳt**

- nếu ta nối hai điểm a và b, khi đó:

đoạn thẳng ab gọi là **dù cụng** (gọi tắt là **dù**).

- nếu dõy đi qua **tũm** gọi là **đường kớnh**.

3. một cụng dựng khỏc của compa.

vớ dụ:

khụng đo, hứy so sỏnh hai đoạn thẳng sau:

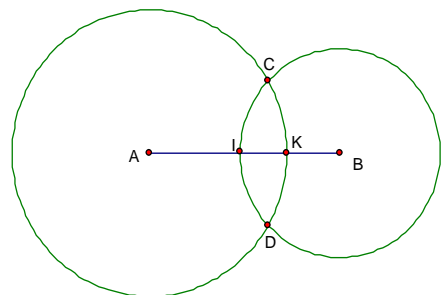


cớch so sỏnh bằng compa:

- mở rộng gúc mở của compa sao cho hai đầu kim của compa trụng với hai đầu đoạn thẳng thứ nhất.
- giữ nguyên độ mở của compa, rồi đặt một đầu compa trụng với một đầu của đoạn thẳng thứ hai. đầu cũn lại sẽ cho ta biết ngay kết quả của việc so sỏnh.

*** cớch vớ dụ:**

vớ dụ 1, vớ dụ 2 sgk — trang 90-91



$$kb = ab - ak = 4 - 3 = 1 \text{ cm}$$

$$\text{mặt khỏc: } bk + ik = ib$$

$$ik = ib - kb = 2 - 1 = 1 \text{ cm}$$

* hướng dẫn học sinh học ở nhà :

hoọc baứi vaứ laứm caực baứi taọp 40 , 41 vaứ 42 sgk

ngày soạn: 30/03/2010

ngày giảng lớp 6a: 01/04/2010 - lớp 6b: 01/04/2010

tiết 26: tam giác

i. mục tiêu:

1. kiến thức:

+ nắm được định nghĩa tam giác. cách vẽ một tam giác.

2. kỹ năng:

+ nhận biết được các cạnh và các đỉnh của một tam giác.

+ biết cách vẽ một tam giác.

3. thái độ:

+ có ý thức tính cẩn thận, vẽ chính xác.

ii. đồ dùng dạy học:

- thầy: thước thẳng, compa

- trò : thước thẳng, compa

iii. phương pháp:

- dạy học tích cực và học hợp tác.

iv. tổ chức giờ học:

1. mở bài: (5phút)

- mục tiêu: kiểm tra bài cũ

- đồ dùng dạy học:

- cách tiến hành:

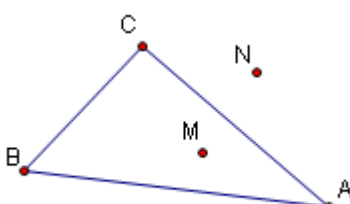
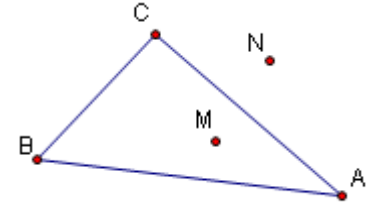
thỏ naứo laứ ủứứứứ troứn kyự hieọu ?

veur uửuứng troứn (o ; 3cm) ?

theo nầu lờu cung troứn , đayđy cung , uửuứng kớnh ?

2. hoat đong 1: tởm hiẻu khỏỉ niẻm tam giỏc abc. (15phút)

- mục tiêu: hs nẵm được khỏỉ niẻm tam giỏc abc.
- đồ dùng dạy học: thước thẳng, compa
- cách tiến hành:

hoạt động của thầy và trò	nội dung
<p>*gv : đưa ra hỡnh vẽ.</p> <p>- cú nhận xỏt gữ về ba điểm a, b, c ở hỡnh vẽ trờn ?.</p> <p>- hóy kẻ tờn cỏc đoạn thẳng ?.</p> <p>*hs:</p> <p>- ba điểm a, b, c không thẳng hàng.</p> <p>- ba đoạn thẳng ab, ac, bc</p> <p>*gv:</p> <p>- nhận xỏt và giới thiệu:</p> <p>hỡnh vẽ trờn được gọi là tam giỏc</p> <p>- tam giỏc abc là gữ ?.</p> <p>*hs: trả lời.</p> <p>*gv: nhận xét và khẳng định:</p> <p><i>tam giỏc abc là hỡnh gỏm ba đoạn thẳng ab, ca, bc khi ba điểm a, b, c không thẳng hàng.</i></p> <p>đọc : tam giỏc abc hoặc tam giỏc bca hoặc ...</p> <p>kớ hiẻu: $\triangle ABC$ hoặc $\triangle BCA$ hoặc..</p> <p>trong đó:</p> <p>- ba điểm a, b, c gọi là ba đĩnh của tam giỏc.</p> <p>- ba đoạn thẳng ab, bc, ca gọi là ba cạnh của tam giỏc.</p> <p>- ba gúc abc, bca, bac gọi là ba gúc của tam giỏc.</p> <p>*hs: chỳ ý nghe giảng và ghi bài.</p> <p>*gv: cú nhận xỏt gữ về hai điểm m, n so với tam giỏc abc ?.</p>  <p>*hs: trả lời.</p> <p>*gv: ta nủi:</p> <p>- điểm m gọi là điểm nằm bờn trong $\triangle ABC$</p> <p>- điểm n gọi là điểm nằm bờn ngoài $\triangle ABC$</p> <p>*hs: chỳ ý nghe giảng và ghi bài.</p> <p>kết luận: <i>tam giỏc abc là hỡnh gỏm ba đoạn thẳng ab, ca, bc khi ba điểm a, b, c không thẳng hàng.</i></p>	<p>1. <u>tam giỏc abc là gữ ?</u></p> <p>vớ dụ:</p>  <p>* nhận xỏt:</p> <p>- ba điểm a, b, c không thẳng hàng.</p> <p>- ba đoạn thẳng ab, ac, bc</p> <p>khi đó ta nỏi hỡnh vẽ trờn gọi là tam giỏc abc</p> <p>vây:</p> <p>tam giỏc abc là hỡnh gỏm ba đoạn thẳng ab, ca, bc khi ba điểm a, b, c không thẳng hàng.</p> <p>đọc : tam giỏc abc hoặc tam giỏc bca hoặc ...</p> <p>kớ hiẻu: $\triangle ABC$ hoặc $\triangle BCA$ hoặc..</p> <p>trong đó:</p> <p>- ba điểm a, b, c gọi là ba đĩnh của tam giỏc.</p> <p>- ba đoạn thẳng ab, bc, ca gọi là ba cạnh của tam giỏc.</p> <p>- ba gúc abc, bca, bac gọi là ba gúc của tam giỏc.</p> <p>- điểm m gọi là điểm nằm bờn trong $\triangle ABC$</p> <p>- điểm n gọi là điểm nằm bờn ngoài $\triangle ABC$</p>

3. hoat đong 2: tởm hiẻu cỏch vẽ tam giỏc.(15 phút):

- mục tiêu: hs nẵm được

- đồ dùng dạy học: thước thẳng, compa
- cách tiến hành:

***gv** : cùng học sinh xột vớ dụ 1 :

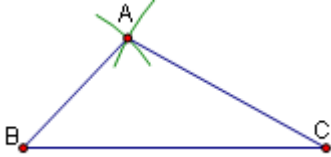
vẽ một tam giác abc, biết ba cạnh của tam giác có độ dài lần lượt là :

$$ab = 3 \text{ cm} ; bc = 4 \text{ cm} ; ac = 2 \text{ cm}.$$

- gv: hướng dẫn học sinh cách vẽ:

+ vẽ đoạn thẳng $bc = 4 \text{ cm}$ trước.

+ dùng compa lần lượt vẽ các cung tròn tâm b bán kính 3 cm và tâm c bán kính 2 cm.



khi đó giao điểm của hai cung tròn là đỉnh thứ ba của tam giác abc

- nối a với b và a với c .

***hs**: chỳ ý và vẽ theo.

***gv**: hai học sinh lên bảng vẽ trong trường hợp vẽ cạnh ab hoặc cạnh ac trước.

***hs**: thực hiện.

***gv**: yêu cầu học sinh dưới lớp nhận xét. nhận xột .

hóy nêu cách vẽ một tam giớk khi biết độ dài của ba cạnh ?.

***hs**: trả lời.

***gv**: để vẽ một tam giác khi biết độ dài của ba cạnh ta làm như sau:

- vẽ cạnh dài nhất trước.

- vẽ lần lượt các cung tròn cú tồm ở hai đầu đoạn thẳng dài nhất tương ứng với bán kính là độ dài của hai cạnh cũn lại.

- nối giao điểm của hai cung tròn với hai đầu mút của cạnh dài nhất vừa vẽ.

***hs**: chỳ ý nghe giảng và ghi bài.

***gv**: hóy vẽ tam giớk trong cớ trường hợp sau:

$$a, ab = ac = 4 \text{ cm}; bc = 5 \text{ cm}.$$

$$b, ab = ac = bc = 3 \text{ cm}.$$

***hs**: hoạt động nhóm.

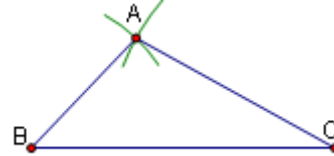
***gv**:- yờu cầu cớ nhóm nhận xột chộo.
- nhận xột .

3. vẽ tam giớk.

vớ dụ:

vẽ một tam giớk abc, biết ba cạnh của tam giớk có độ dài lần lượt là :

$$ab = 3 \text{ cm} ; bc = 4 \text{ cm} ; ac = 2 \text{ cm}.$$



ta cú:

- vẽ đoạn thẳng $bc = 4 \text{ cm}$.

- dùng compa lần lượt vẽ các cung tròn tồm b bán kính 3 cm và tồm c bán kính 2 cm.

- nối a với b và a với c

khi đó tam giớk abc vẽ được.

cớch vẽ:

- vẽ cạnh dài nhất trước.

- vẽ lần lượt các cung tròn cú tồm ở hai đầu đoạn thẳng dài nhất tương ứng với bán kính là độ dài của hai cạnh cũn lại.

- nối giao điểm của hai cung tròn với hai đầu mút của cạnh dài nhất vừa vẽ.

vớ dụ:

hóy vẽ tam giớk trong cớ trường hợp sau:

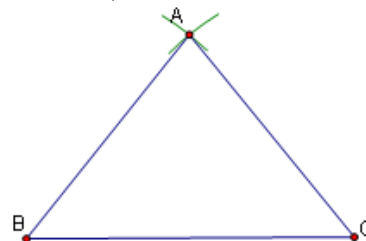
$$a, ab = ac = 4 \text{ cm}; bc = 5 \text{ cm}.$$

$$b, ab = ac = bc = 3 \text{ cm}.$$

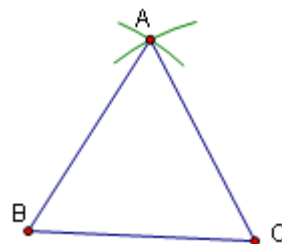
giải :

ta cú:

$$a, ab = ac = 4 \text{ cm}; bc = 5 \text{ cm}.$$



$$b, ab = ac = bc = 3 \text{ cm}.$$



4. tổng kết và hướng dẫn học tập ở nhà. (10 phút)

* củng cố:

ba bài tập 43, 44 sgk trang 87

* hướng dẫn học sinh học ở nhà:

học bài và làm các bài tập 45, 46, 47 sgk

ngày soạn: 07/03/2010

ngày giảng lớp 6a: 09/03/2010 - lớp 6b: 09/03/2010

tiết 27: ôn tập chương II

i. mục tiêu:

1. kiến thức:

- + ôn tập lại một số kiến thức đã học
- + nhắc lại một số tính chất đã học

2. kỹ năng:

- + vận dụng những kiến thức đã học đó để giải một số bài tập thực tế.
- + rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức đã học vào việc giải bài

3. thái độ:

- + có ý thức tính cẩn thận, chính xác.

ii. đồ dùng dạy học:

- thầy: thước thẳng, thước đo góc.
- trò : thước thẳng, thước đo góc.

iii. phương pháp:

- dạy học tích cực và học hợp tác.

iv. tổ chức giờ học:

1. mở bài: (5 phút)

- mục tiêu: kiểm tra bài cũ
- đồ dùng dạy học:
- cách tiến hành:
tam giác abc là tam giác như thế nào ?
yêu cầu hs chữa bài 47 sgk ?

2. hoạt động 1: ôn tập lý thuyết. (12 phút)

- mục tiêu: hs nắm được lý thuyết cơ bản bài đó học
- đồ dùng dạy học:
- cách tiến hành:

hoạt động của thầy và trò	nội dung
<p><u>đọc hình:</u> mỗi hình sau đây cho biết kiến thức gì? hs đọc hình vẽ. hình 1 : góc nhọn xoy. hình 2 : góc vuông xoy. hình 3 : góc tù xoy. hình 4 : góc bẹt xoy. hình 5 : góc tạo bởi hai góc kề nhau 2 góc kề bù. hình 6 : góc tạo bởi hai góc kề nhau 2 góc kề bù. hình 7 : tia phân giác của góc xoy. hình 8 : tam giác abc. hình 9 : đường tròn (O ; r).</p>	<p><u>a. lý thuyết.</u> <u>1. các hình.</u></p> <p><u>2. các tính chất.</u> <u>bài tập 1: điền vào ô trống</u> 1. bất kỳ đường thẳng trên mặt phẳng cũng là của hai nửa mặt phẳng 2. số đo của góc bẹt là 3. nếu thì $xoy + yoz = xoz$ 4. tia phân giác của một góc là tia 5. số đo góc tù số đo góc vuông 6. góc bẹt là góc có số đo 7. hai góc kề nhau là hai góc có hai cạnh còn lại 8. tam giác abc là hình gồm khi</p>
<p><u>3. hoạt động 2: luyện tập. (25 phút):</u> - mục tiêu: hs nắm được các kiến thức cơ bản của chương góc. - đồ dùng dạy học: thước kẻ, compa. - cách tiến hành: - yêu cầu hs trả lời các câu hỏi 1, 2, 7 sgk ?</p>	<p><u>b. bài tập.</u> <u>bài 5. (sgk – t.96)</u></p>

- làm các bài tập 5, 6, 8 sgk ?

gọi một học sinh lên bảng vẽ hình ?

- em hãy cho biết có thể có những cách nào có thể tính được 3 góc mà chỉ đo 2 lần ?

gọi một học sinh lên bảng vẽ hình ?

- yêu cầu hs lên bảng vẽ tam giác theo yêu cầu của bài ra.

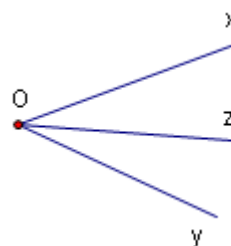
- gọi một em học sinh lên bảng đo các góc của tam giác.

vẽ một tam giác abc:

biết $ab = 3\text{cm}$

$ac = 4\text{cm}$; $bc = 5\text{cm}$

đo các góc của tam giác abc ?



có 3 cách làm:

+ đo góc yoz và góc zox

$$\Rightarrow \widehat{xOy} = \widehat{yOz} + \widehat{zOx}$$

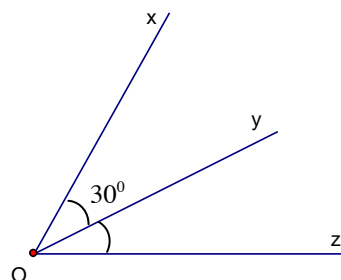
+ đo góc xoz và góc xoy

$$\Rightarrow \widehat{yOz} = \widehat{xOy} - \widehat{xOz}$$

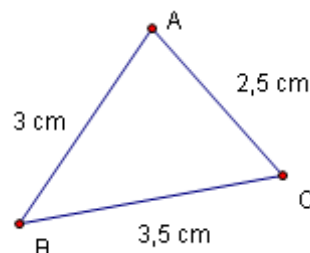
+ đo góc yoz và góc xoy

$$\Rightarrow \widehat{xOz} = \widehat{xOy} - \widehat{yOz}$$

bài 6(sgk – t.96)



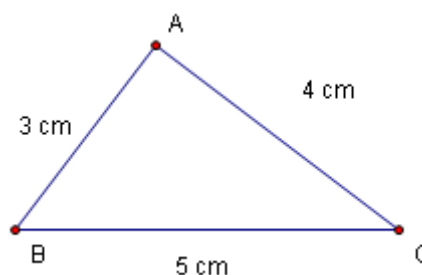
bài 8(sgk – t.96):



ta có:

$$A = 125^\circ; B = 15^\circ; C = 40^\circ$$

bài tập thêm 1:



4. tổng kết và hướng dẫn học tập ở nhà. (3 phút)

- hoàn thiện các bài tập đã sửa và hướng dẫn .
- tự ôn tập và củng cố lại kiến thức trong chương .
- làm các bài tập ôn tập chương trong sách bài tập .
- tiết sau : kiểm tra cuối chương (thời gian 45 phút) .

Ngày soạn	Ngày dạy:
-----------------	-----------------

Tiết 28

KIỂM TRA CHƯƠNG II

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức : HS nắm chắc khái niệm về góc (các loại góc vuông, nhọn, bẹt, tù), biết tính số đo các góc bằng cách sử dụng công thức cộng góc, biết chứng minh tia nằm giữa hai tia, nắm chắc khái niệm tia phân giác của góc và chứng minh được một tia là tia phân giác của một góc, nắm được định nghĩa về tam giác và đường tròn.

2. Kỹ năng : Vận dụng được các kiến thức đã học của chương vào tính góc, chứng minh tia nằm giữa hai tia, chứng minh tia phân giác, vẽ tam giác và trình bày các bài toán đơn giản về đường tròn

3. Thái độ :

GD ý thức tự giác , tích cực làm bài .

B. MA TRẬN ĐỀ

Cấp độ Chủ đề		Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Góc, số đo góc, công thức cộng góc và tia phân giác của góc					
Số câu	3	2	1		6
Số điểm	1,5	1	4		6,5
Tỉ lệ %	15%	10%	40%		65%
Đường tròn					
Số câu		1			2
Số điểm		0,5			2
Tỉ lệ %		5%		15%	20%

Tam giác				
Số câu			1	1
Số điểm			1,5	1,5
Tỉ lệ %			15%	15%
Tổng số câu	3	3	3	9
Tổng số điểm %	1,5	1,5	7	10
	15%	15%	70%	100%

ĐỀ :

I. Phần trắc nghiệm : (3 điểm)

1/ Tia Ot là tia phân giác của góc xOy nếu:

A. $xOt + tOy = xOy$ B. $xOt + tOy = xOy$ và $xOt = tOy$

C. $xOt = \frac{xOy}{2}$ D. $yOt = \frac{xOy}{2}$

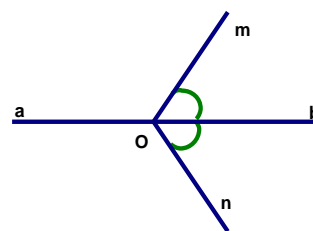
2/ Trong hình vẽ bên cho Oa, Ob là hai tia đối nhau, biết $aOm = 135^\circ$, Ob là tia phân giác của góc mOn. Số đo của góc mOn là:

A. 45° B. 90°
C. 110° D. 65°

3/ Gọi tia Oz là tia nằm giữa hai tia Ox, Oy.

Biết $xOy = m^\circ$, $xOz = n^\circ$ với $m > n$. Số đo góc yOz là:

A. $m^\circ + n^\circ$ B. $m^\circ - n^\circ$ C. $n^\circ - m^\circ$ D. $180^\circ - n^\circ$



4/ Biết góc xOy là góc tù có số đo m° . Ta có:

A. $0 < m^\circ < 90^\circ$ B. $0 < m^\circ < 180^\circ$ C. $90 < m^\circ < 180^\circ$ D. $m^\circ > 180^\circ$

5/ Hai góc bù nhau có tổng bằng :

A. 90° B. 100° C. 120° D. 180°

6/ Đường tròn tâm O đường kính 10cm có bán kính là:

A. 10cm B. 5cm C. 9cm D. 3cm

II. Phần tự luận : (7 điểm)

Câu 1(1,5đ): Vẽ một tam giác ABC biết : $BC = 6\text{cm}$, $AB = 5\text{cm}$, $AC = 4\text{cm}$

Câu 2(4đ): Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, vẽ tia Ot, Oy sao cho $xOt = 30^\circ$, $xOy = 60^\circ$.

- Tia Ot có nằm giữa hai tia Ox và Oy không ? Tại sao ?
- So sánh góc tOy và góc xOt.
- Tia Ot có là tia phân giác của góc xOy không ? Vì sao?

Câu 3(1,5đ): Cho đoạn thẳng $AB = 5\text{cm}$.

- a) Điểm nào cách điểm A một khoảng 3cm ? Điểm nào cách điểm B một khoảng 3,5cm?
- b) Có điểm nào vừa cách A một khoảng 3cm và vừa cách B một khoảng 3,5cm không? Nếu có hãy tính khoảng cách từ các điểm đó đến A và đến B.

HƯỚNG DẪN CHẤM:

I. Phần trắc nghiệm : Mỗi câu đúng được 0,5đ

1. B
2. B
3. B
4. C
5. D
6. B

II. Phần tự luận : (7 điểm)

Câu 1(1,5đ): Học sinh vẽ đúng và nêu được cách vẽ cho 0,5đ

Câu 2(4đ):

- Vẽ hình đúng được 0,5đ
- Giải thích được tia Ot nằm giữa hai tia còn lại cho 1đ
- Tính được $\angle Oxy$ cho 1đ
- So sánh được $\angle Oxy = \angle Otz$ cho 0,5đ
- Giải thích và khẳng định được Ot là phân giác cho 1đ

Câu 3(1,5đ):

- Vẽ hình và trả lời:
- a)+ Các điểm cách A 3cm là đường tròn tâm A bán kính 3cm
- + Các điểm cách B 3,5 cm là đường tròn tâm B bán kính 3,5cm 1đ
- b) điểm vừa cách A một khoảng 3cm và vừa cách B một khoảng 3,5cm là hai giao điểm của hai đường tròn tâm A và tâm B ở ph

ngày soạn: 10/04/2010

ngày giảng lớp 6a: 12/04/2010 - lớp 6b: 12/04/2010

tiết 28: kiểm tra chương ii (45')

i. mục tiêu:

1. kiến thức:

+ đánh giá quá trình dạy và học của thầy và trò trong thời gian qua.

2. kỹ năng:

+ kiểm tra kỹ năng sử dụng các dụng cụ đo vẽ hình, kỹ năng làm bài tập đã biết.

3. thái độ:

+ có ý thức tính cẩn thận, đo vẽ cẩn thận, chính xác.

ii. đồ dùng dạy học:

- thầy: đề kiểm tra + đáp án, biểu điểm.
- trò :

iii. phương pháp:

- dạy học tích cực và học hợp tác.

iv. tổ chức giờ học:

1. mở bài: (1 phút)

- mục tiêu: đặt vấn đề.
- đồ dùng dạy học:
- cách tiến hành:

gv thông báo đề kiểm tra

2. hoạt động 1: kiểm tra. (34 phút)

- mục tiêu: hs nắm được các kiến thức cơ bản
- đồ dùng dạy học:
- cách tiến hành:

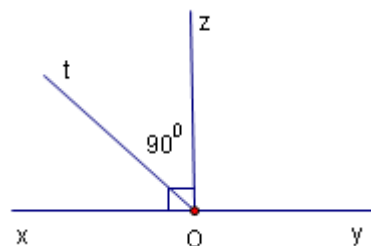
đề bài:

câu 1 (2,5đ). hãy đánh dấu “x” vào cột cho thích hợp .

câu	nội dung	đúng	sai
1	góc tù là góc lớn hơn góc vuông.		
2	nếu oz là tia phân giác của xOy thì $xOz = zOy$.		
3	góc bẹt là góc có đo bằng 180^0 .		
4	hai góc kề nhau là hai góc có một cạnh chung.		
5	tam giác abc là hình gồm ba đoạn ab, bc, ba.		

câu 2. (1,5đ).

cho hình vẽ, biết $xOz = 90^0$
kể tên các góc vuông, nhọn, tù ?



câu 3. (3,5đ). trên nửa mặt phẳng bờ là tia ox, vẽ hai tia oy, oz sao cho $xOy = 70^0$;

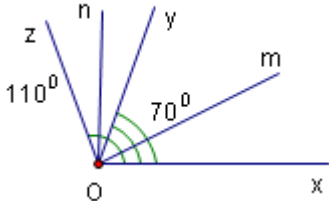
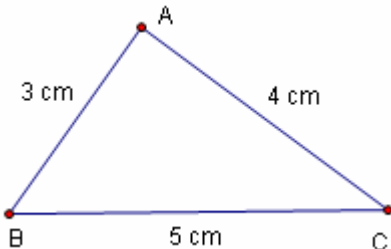
$xOz = 110^0$. vẽ các tia om và on lần lượt là tia phân giác của các góc xoy, yoz.
tính góc mon ?

câu 4. (2,5đ):

vẽ một tam giác abc. biết $ab = 3\text{cm}$, $ac = 4\text{cm}$, $bc = 5\text{cm}$.
đo các góc của tam giác abc

đáp án và biểu điểm

câu	nội dung	biểu điểm
1	1.đ 2.đ 3.đ 4.s 5.s	2,5đ

2	<p>+ góc nhọn: xOt; tOz.</p> <p>+ góc vuông: xOy; zOy.</p> <p>+ góc tù: tOy.</p>	<p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>
3	<p>câu 3. vẽ hình đúng (1đ)</p>  <p>ta có: $mOn = mOy + yOn$.</p> <p>* tính mOy :</p> <p>vì om là tia phân giác của xOy nên ta có:</p> $xOm = mOy = \frac{xOy}{2} = \frac{70^0}{2} = 35^0$ <p>* tính yOn :</p> <p>vì tia oy là tia nằm giữa hai tia ox và oz nên ta có:</p> $xOy + yOz = xOz$ $\Rightarrow yOz = xOz - xOy = 110^0 - 70^0 \Rightarrow yOz = 40^0$ <p>mà on là tia phân giác của yOz nên ta có:</p> $yOn = nOz = \frac{yOz}{2} = \frac{40^0}{2} = 20^0$ <p>vậy $mOn = mOy + yOn = 35^0 + 20^0 = 55^0$</p>	<p>1đ</p> <p>1đ</p> <p>1đ</p> <p>0,5đ</p>
4	<p>ta có: $ABC = 53^0$;</p> <p>$BCA = 37^0$;</p> <p>$CAB = 90^0$</p> 	<p>1đ</p> <p>1đ</p> <p>0,5đ</p>

3. *tổng kết và hướng dẫn học tập ở nhà. (1phút)*

* củng cố

- gv nhận xét giờ kiểm tra :
- + ý thức tổ chức kỷ luật , ý thức tự giác , tính thần trách nhiệm , tính độc lập tự chủ .
- + ý thức chuẩn bị của học sinh .

* *hướng dẫn vn.*

- xem lại các bài đã học nắm chắc các kiến thức .

ngày soạn: 20/04/2010

ngày giảng lớp 6a: 22/04/2010 - lớp 6b: 22/04/2010

i. mục tiêu:

1. kiến thức:

- + ôn tập lại một số kiến thức đã học
- + nhắc lại một số tính chất đã học

2. kỹ năng:

- + vận dụng những kiến thức đã học đó để giải một số bài tập thực tế.
- + rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức đã học vào việc giải bài

3. thái độ:

- + hăng hái xây dựng bài.

ii. đồ dùng dạy học:

- thầy: thước kẻ, thước đo góc, compa
- trò : thước kẻ, thước đo góc, compa

iii. phương pháp:

- dạy học tích cực

iv. tổ chức giờ học:

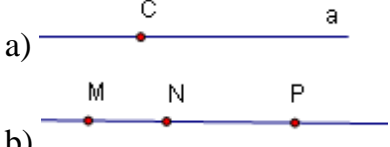
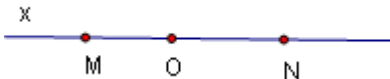
1. mở bài: (3phút)

- mục tiêu: đặt vấn đề.
- đồ dùng dạy học:
- cách tiến hành:

gv đặt vấn đề ôn tập cuối năm.

2. hoạt động 1: ôn tập lý thuyết (20phút)

- mục tiêu: hs nắm được các kiến thức cơ bản đã học.
- đồ dùng dạy học: thước kẻ, thước đo góc, compa
- cách tiến hành:

hoạt động của thầy và trò	nội dung
<p>gv: nhắc lại khái niệm điểm, đường thẳng. cách đặt tên. quan hệ giữa điểm và đường thẳng.</p> <p>hs: lắng nghe, chỳ ý</p> <p>gv: yêu cầu hs làm bài tập 1: vẽ hõnh theo cõch diễn đạt sau:</p> <p>a) điểm c nằm trên đường thẳng a</p> <p>b) ba điểm m, n, p thẳng hàng.</p> <p>hs: lờn bảng vẽ hõnh</p> <p>gv: thế nào là một tia gốc o ? và yc hs làm bài tập 2: vẽ đường thẳng xy. lấy điểm o bất kỡ trờn xy rồi lấy $m \in ox$; $n \in oy$.</p> <p>a) kể tên các tia đối nhau gốc o.</p> <p>b) kể tòn cõc tia trụng nhau gốc n.</p> <p>hs: lờn bảng thực hiện</p> <p>gv: đoạn thẳng ab là gỡ ? để so sánh hai đoạn thẳng ta làm như thế nào ?</p> <p>hs: trả lời</p>	<p><u>i. cõc kiến thức cơ bản.</u></p> <p><u>1. điểm. đường thẳng</u></p> <p><u>bài 1:</u></p>  <p><u>bài 2:</u></p>  <p>a) các tia đối nhau gốc o: ox và oy; om và on; ox và on; om và oy</p> <p>b) cõc tia trụng nhau gốc n: on; om và ox</p> <p><u>2. đoạn thẳng.</u></p> <p>- đoạn thẳng ab là hõnh gõm hai điểm a, b và tất cả các điểm nào</p>

gv: nếu điểm m nằm giữa a và b thì ta có hệ thức nào?

hs: trả lời

gv: trung điểm m của đoạn thẳng ab là gì?

hs: trả lời

gv: góc là gì? thế nào góc bẹt, vuông, nhọn, tуп?

gv: muốn đo góc ta sử dụng dụng cụ nào?

hs: trả lời

gv: nếu tia oy nằm giữa ox và oz thì ta có hệ thức gì?

gv: thế nào hai góc kề nhau, phụ nhau, bù nhau, kề bù?

hs: trả lời

gv: hãy vẽ góc: a) $\angle xoy = 45^\circ$

b) trên tia ox vẽ $\angle xoy = 50^\circ$ và $\angle xoz = 85^\circ$

hs: lên bảng thực hiện.

gv: tia phân giác của một góc là gì?

đường tròn (o;r) là hình như thế nào?

tam giác abc là hình như thế nào?

hs: trả lời

3. hoạt động 2: luyện tập (20 phút):

- mục tiêu: hs nắm được các kiến thức cơ bản đó học.

- đồ dùng dạy học: thước kẻ, thước đo góc, compa

- cách tiến hành:

gv: đưa ra các bài tập.

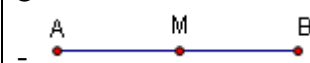
hs: thảo luận và giải

bài 3: trên tia ox lấy hai điểm a và b sao cho $oa = 3\text{cm}$ và $ob = 4,5\text{cm}$.

a) tính độ dài đoạn thẳng ab

b) gọi c là trung điểm của đoạn thẳng oa. chứng tỏ rằng a là trung điểm của đoạn thẳng bc

giữa a và b.



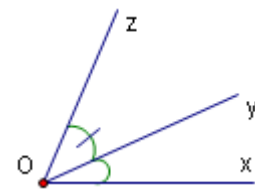
nếu điểm m nằm giữa a và b thì
 $am + mb = ab$ và ngược lại

3. trung điểm của đoạn thẳng.s

- trung điểm m của đoạn thẳng ab là điểm nằm giữa a, b và cách đều a, b ($am = mb$)

4. góc

- góc là hình gồm hai tia chung gốc.



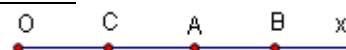
nếu tia oy nằm giữa ox và oz thì

$\angle xoy + \angle yoz = \angle xoz$

5. tia phân giác của góc.

6. đường tròn. tam giác

bài 3:



a) ta có $a \in ox$, $b \in ox$ mà
 $oa < ob$ nên điểm a nằm giữa hai điểm o và b.

do đó: $oa + ab = ob$ suy ra
 $ab = ob - oa = 4,5 - 3 = 1,5(\text{cm})$

b) do c là trung điểm của oa nên

$co = ca = \frac{1}{2} oa = 1,5(\text{cm})$

trên tia ox có ba điểm a, b, c mà
 $oc < oa < ob$ (vì $1,5 < 3 < 4,5$) nên điểm a nằm giữa b và c. vậy điểm a là trung điểm của bc.

bài 4: tròn một nửa mặt phẳng bờ chứa tia oa, vẽ

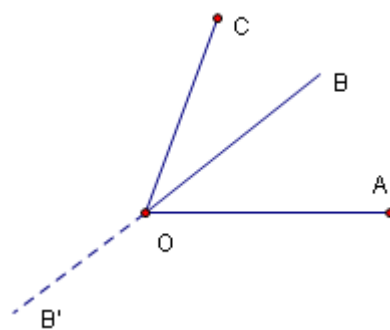
bài 4:

tia ob sao cho $\angle aob = 35^\circ$, vẽ tia oc sao cho $\angle aoc = 70^\circ$.

- tia ob có phải là tia phân giác của góc aoc không ?
- vẽ tia ob' là tia đối của tia ob. tính số đo góc kề bù với góc aob.

bài 5: (gv hd hs về nhà làm)

- vẽ tam giác abc biết $\angle a = 60^\circ$, $ab = 2\text{cm}$, $ac = 4\text{cm}$.
- d là một điểm thuộc đoạn ac, biết $cd = 3\text{cm}$. tính ad.



- tính góc boc, ta có $\angle boc = 35^\circ$. tia ob nằm giữa hai tia oa, oc và $\angle aob = \angle boc = 35^\circ$. vậy ob là tia phân giác của góc aoc.
- góc kề bù với góc aob'; $\angle aob' = 145^\circ$.

4. tổng kết và hướng dẫn học tập ở nhà. (2 phút)